

Người son



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP ■ GIÁO DỤC ■ VĂN HỌC PHẬT GIÁO ■ TIN TỨC PHẬT SỰ



31

THÁNG 06.2014



CHÁNH PHÁP

HOẰNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704. U.S.A. — Tel.: (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com

Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Trị sự: ĐĐ. Thích Đồng Trực
Thư ký: ĐĐ. Thích Đồng Thiện
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh

Chủ bút: Vĩnh Hào
 Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: Vĩnh Hào
Hình bìa: Nhiên An

LIÊN LẠC:

- Bài vở: baivochanhphap@gmail.com
- Quảng cáo/Phát hành:

(714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.net
www.chanhphap.org
www.chanhphap.us

Chi phiếu ủng hộ xin gửi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ THƯ TÒA SOẠN, trang 2
- ♦ TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI (Điều Âm lược dịch), trang 3
- ♦ TA NGHĨ VỀ ĐẤT NƯỚC TA (thơ Mặc Phương Tử), trang 8
- ♦ ĐẠO PHẬT VIỆT TK THỨ I VÀ THỜI KỲ BẮC THUỘC (HT. Thích Đức Nhuận), trang 9
- ♦ BẢN LÊN TIẾNG V/V TRUNG QUỐC XÂM PHẠM LÃNH HẢI VIỆT NAM... (VP Điều Hợp GHPGVNTN Liên Châu), trang 13
- ♦ PHÁP TỬ PHẬT ĐÀN PL. 2558 (HT. Thích Tín Nghĩa), trang 15
- ♦ VÌ HÒA BÌNH VÀ AN LẠC CHO THẾ GIỚI (HT. Thích Minh Tuyên), trang 16
- ♦ HUẤN TỬ AN CƯ (TK. Thích Huyền Quang), trang 18
- ♦ TÔI TÌM PHẬT (thơ Minh Đức Triều Tâm Ảnh), trang 20
- ♦ TRÁCH NHIỆM THUỘC VỀ BẠN (HT. Thích Trí Chơn dịch), trang 22
- ♦ HÌNH ẢNH LỄ HỘI PHẬT ĐÀN NAM CALIF. (Hộ Pháp & Dzũng Nguyễn), trang 24
- ♦ BÒ TÁT THÍCH QUẢNG ĐỨC, NGỌN LỬA TỪ BI & TRÁI TIM BẤT DIỆT (Thích Nguyên Siêu), trang 26
- ♦ TÌM PHẬT (thơ Mặc Không Tử), trang 28
- ♦ TỪ BI LÀ MỘT PHƯƠNG THUỐC CHỮA TRỊ VÔ SONG (Hoàng Phong dịch), trang 29
- ♦ DẤU CHÂN XƯA... (thơ Huệ Trân), trang 31
- ♦ PHẬT PHÁP, THỰC TẬP VÀ GIẢNG DẠY – Câu chuyện dưới cờ (Nhóm Áo Lam), trang 32
- ♦ PHÁP PHẬT NHƯ BÈ QUA SÔNG – Phật Pháp thứ Năm (Nhóm Áo Lam), trang 33
- ♦ TIẾP THỌ GIÁO PHÁP CÀN TÂM THANH THÂN – Lá thư đầu tuần (GDPTVN Trên Thế Giới), trang 34
- ♦ TU SĨ VÀ LUẬT DI TRÚ TẠI HOA KỲ (Huỳnh Tấn Lê), trang 35
- ♦ NHÂN NHÃ (thơ Trịnh Gia Mỹ), tr. 36
- ♦ VẤN ĐỀ GIẢI THOÁT TRONG PHÁP MÔN NIỆM PHẬT (Thích Đức Trí), trang 37
- ♦ MỪNG NGÀY PHẬT ĐẢN (thơ Trần Ý Thu), trang 40
- ♦ HÌNH ẢNH MẸ TRONG PHẬT GIÁO (Gs. Trần Thủy Tiên), trang 41
- ♦ NGƯỜI CON GÁI CỦA NƯỚC (Nguyễn Văn Sâm), trang 47
- ♦ AM MÂY NGÀN (Huỳnh Trung Chánh), trang 52
- ♦ TRONG SƯƠNG KHUYA (thơ Vĩnh Hào), trang 55
- ♦ NẤU CHAY: BÒ BÍA CHAY (Chân Thiện Mỹ), trang 57
- ♦ PHÂN BIỆT CƠN ĐAU TIM VÀ ĐỘT QUỴ (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 58
- ♦ QUÊ HƯƠNG TUỔI THƠ (TN Giới Định), trang 60
- ♦ TRUYỆN NGÁN TRĂM CHỮ (Steven N.), trang 62
- ♦ MỘT THOÁNG SÂN TÂM BUÔNG ÁC NGŨ... (Tịnh Minh dịch), trang 65
- ♦ THE STORY OF VITATUBHA (Daw Mía Tin), trang 68
- ♦ LANG THANG 'TRONG NHỮNG THOÁNG CHỐC' VỚI NHÀ VĂN VĨNH HẢO (Huỳnh Kim Quang), tr. 71
- ♦ LỤC BA LA MẬT (thơ Minh Lương), trang 72
- ♦ GHPGVNTN HOA KỲ & CỘNG ĐỒNG PGVN NAM CALI LONG TRỌNG TỔ CHỨC LỄ HỘI PHẬT ĐÀN (Binh Sa), trang 74



Báo Chánh Pháp số 31, tháng 06 năm 2014, do Chùa Phật Tổ (Long Beach, CA) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

TĨNH LẶNG

Suốt gần hai tuần đầu tháng Năm, những luồng gió quý (1) từ các hốc núi xa, liên tục quét qua rừng, thốc vào đồng bằng và đô thị, rồi tuôn ra đại dương. Những ngọn gió khô khốc, làm biến đổi khí hậu cả một địa vực rộng lớn. Một vài nạn cháy rừng xảy ra, lan vào một số gia cư trên các đồi cao. Trời oi bức. Lá cây co quắp vì hấp nắng. Cỏ hoa khô héo như vừa trải qua một trận lửa dữ.

Gió qua rồi, mặt hồ tĩnh lặng phản chiếu một bầu trời không mây, xanh ngắt.

Không phải ai cũng vui thích sự hiểu động, hoạt náo. Ngay cả những người lãng xăng rộn ràng nhất cũng có những lúc muốn tìm sự yên tĩnh. Bởi vì bản chất của tâm vốn tịch tịnh, vắng lặng.

Sự ồn ào, sôi nổi, chẳng qua là do tác động của bản ngã, của khuynh hướng muốn biểu hiện sự tồn hữu của mình trước những cá ngã dị biệt, cũng như trước sự nhiễu nhê phức tạp của xã hội, của cuộc đời.

Bản ngã, như con bạch tuộc, dễ trôi lên mặt nước khi có gió thổi qua. Một khi trôi lên, nó vươn dài những cánh tay trơn láng, mềm mại nhưng rất mạnh mẽ, để tóm thâu, nắm bắt bất cứ thứ gì trong tầm hoạt động của nó; thậm chí còn cố gắng vươn xa hơn, đến những thứ, những nơi ngoài khả năng của nó. Nhà Phật đặt tên cho những ngọn gió thường lừa qua mặt nước là "bất phong" (2); đặt tên cho những cánh tay vươn dài của bản ngã là Tham, Sân, Si, và những tên gọi phụ thuộc khác (Mạn, Nghi, Ác kiến...). (3)

Thực hành Phật Pháp là học cách kiểm soát sự vươn dậy của bản ngã, của Tham, Sân, Si; nói cách khác là, làm thế nào để giữ cho biển tâm luôn vắng lặng, yên bình, không bị khuấy động bởi các phiền não.

Nhưng để thành tựu điều này một cách rất ráo—nghĩa là thành Phật, kinh nói phải trải qua 3 a-tăng-kỳ kiếp (vô số kiếp). Dù Thiền sư Bodhidharma giải thích chỉ cần vượt qua Tham, Sân, Si là thành tựu đạo quả bồ-đề, người học Phật cũng nên hiểu rằng sự vượt qua này khó và lâu dài như thế phải thực hành trong 3 a-tăng-kỳ kiếp.

Giữ được tâm bất động như nhiên, không phải việc đơn giản. Gió qua, mặt nước không thể không gợn sóng. Nhưng mặt nước có thể gợn sóng hoặc dao động mạnh mà không nhất thiết phải trôi lên một con bạch tuộc với những cánh tay vươn dài. Bởi vì,

*"Tri như pháp vô ngã
Phiền não cập nhĩ diêm
Thường thanh tịnh vô tướng
Nhi hưng đại bi tâm." (4)*

Giác ngộ rằng bản ngã là không thực, phiền não và các sở tri chướng (tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến...) cũng không thực; thực tướng của tất cả các pháp vốn thanh tịnh, thường hằng. Từ suy nghiệm và nhận thức sâu xa như thế mà phát khởi lòng Đại Bi.

Khi tám gió thổi qua, thay vì để cho phiền não Tham, Sân, Si vươn dậy, hãy phát khởi lòng Đại Bi. Tu hành không phải là cắt đứt, tuyệt diệt Tham, Sân, Si (vì không thể dứt bỏ những cái gì không thực có), mà chính là chuyển hóa tất cả phiền não thành lòng Đại Bi.

Người con Phật đi vào cuộc đời, tâm không thể không động, nước không thể không gợn sóng. Nhưng tất cả ý nghĩ, lời nói, và hành động của mình phải được phát khởi từ nơi lòng Đại Bi, không phải vì bản ngã, không phải vì Tham, Sân, Si.

Trong tương quan với xã hội, người con Phật không thể từ chối những trách nhiệm liên đới. Có khi phải đánh đổi cả chiếc áo để bảo vệ non sông; có khi phải tự đốt mình để thức tỉnh những kẻ say ngủ trong giấc mơ quyền lực hão huyền; có khi phải chấp nhận ngục tù và cái chết để mưu cầu phúc lạc cho muôn dân. Tất cả sự đánh đổi, hy sinh này, đều bắt nguồn từ lòng Đại Bi. Không như vậy thì đều là những hoang tưởng, manh động của bản ngã.

Một vài chiếc thuyền máy lướt qua, tạo những vòng sóng từ nhỏ đến lớn, tỏa ra rồi tan biến trên mặt hồ. Bọt trắng lao xao nổi bật trên giòng nước xanh. Gió vi vu thổi qua những hàng thông cao vút dọc bên đường. Càng về chiều, ghe thuyền càng thưa thớt qua lại. Trời phương tây bàng lảng ráng hồng, rơi xuống êm đềm trên mặt hồ yên tĩnh.

-
- (1) Santa Ana winds (gió Santa Ana) còn được mệnh danh là "devil winds."
 - (2) Tám ngọn gió: Lợi, Suy, Vui, Khổ, Vinh, Nhục, Khen, Chê.
 - (3) Ác kiến gồm Thân kiến, Biên kiến, Kiến thủ, Giới cấm thủ, Tà kiến.
 - (4) Kinh Lăng Già.

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

HÀN QUỐC: Bulmo, nghệ sĩ điêu khắc tượng Phật

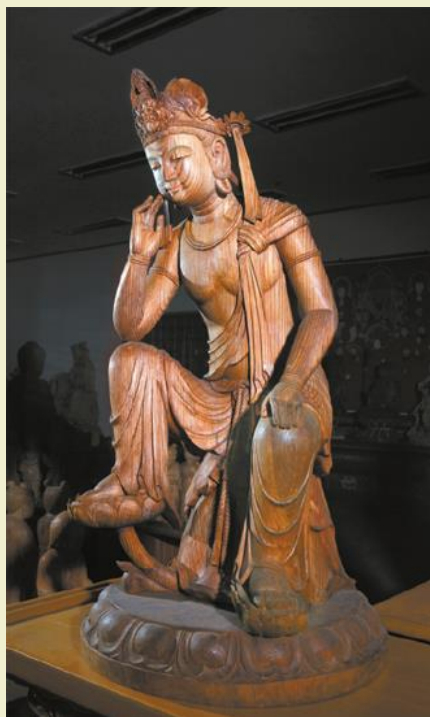
Nhiều nghệ sĩ Triều Tiên đã tìm được nguồn cảm hứng nghệ thuật từ Phật giáo. Trong hơn 1.000 năm, Phật giáo đã thấm nhuần vào cuộc sống hàng ngày của người dân Triều Tiên, và theo đó nghệ thuật Phật giáo hưng vượng trên khắp bán đảo này. Những người khắc tượng Phật được gọi là bulmo, nghĩa đen là 'mẹ của Phật'. Tên gọi này là do so sánh quá trình vất vả của việc tạo tác một pho tượng Phật với việc một người mẹ sinh con.

Năm nay, nghệ nhân Heo Kil-yang kỷ niệm năm thứ 46 của mình như một bulmo. Dành trọn đời mình cho việc sáng tạo nghệ thuật Phật giáo, ông là một tinh hoa trong nghệ thuật của tôn giáo này.

"Tạo ra một tác phẩm điêu khắc Phật giáo mới đòi hỏi rất nhiều nỗ lực trong gần một năm", ông nói.

Với hơn 1.000 tác phẩm của mình, các tượng của Heo Kil-yang có thể được tìm thấy trên khắp Hàn quốc. Đối với các nhà phê bình nghệ thuật, các tác phẩm của Heo Kil-yang không những là một sự hiểu biết sâu sắc về giáo lý Phật giáo mà còn là một sở thích nghệ thuật độc đáo.

(Korean Joong Ang Daily – April 15, 2014)



Tượng Quán Thế Âm bằng gỗ của Heo Kil-yang—Photos: Korean Joong Ang Daily

ẤN ĐỘ: Hoạt động của tổ chức từ thiện Phật giáo IBM (Hội Tình Huynh đệ Quốc tế)

Tổ chức từ thiện Phật giáo IBM được thành lập tại Dibrugarh, bang Assam, vào năm 1973.

IBM đề ra nhiều chương trình phúc lợi xã hội cho cộng đồng, nơi có nhiều người sống dưới mức nghèo khổ. Hội này đã cung cấp chỗ ở cho người nghèo, kể cả một loạt các trường học, một trung tâm y tế và một nhà dành cho người già.

IBM cũng thành lập các cơ sở xã hội, tôn giáo và văn hóa cũng như thực hiện nhiều hoạt động Phật giáo và tổ chức các cuộc sinh hoạt, hội thảo v.v.

Hiện nay, IBM là tổ chức từ thiện rất có uy tín và nổi tiếng do tham gia vào các dịch vụ xã hội khác nhau liên quan đến sự phát triển xã hội tại Assam, vốn mang lại lợi ích cho cộng đồng bất kể giai cấp, tôn giáo và văn hóa

(Buddhist Door – April 16, 2014)



Tín đồ cao niên của cộng đồng Phật giáo đang cầu nguyện tại Lễ Kathina do IBM tổ chức—Photo: Javed Hussain

TRUNG QUỐC: Chư tăng Thiếu Lâm Tự tìm 10.000 nhà thư pháp để chép kinh

Các tăng sĩ Chùa Thiếu Lâm ở Trung quốc đã kêu gọi 10.000 nhà thư pháp đến giúp họ chép kinh Phật bằng tay.

Ngôi chùa này- vốn là nơi sinh của võ thuật Kung Fu, tọa lạc tại miền trung tỉnh Hà Nam- gần đây đã xây một tàng kinh các lớn để cất giữ kinh Phật. Tàng kinh các cao 6m và có 520 ngăn kéo – có thể chứa 10.000 bản kinh trong 1.000 năm.

Các nhà sư đã yêu cầu người nộp đơn gửi kèm một mẫu tác phẩm của mình – là Tâm Kinh được viết bằng chữ thường bằng cọ Trung Hoa. Sư Yahzhi, một trong những đại sư của chùa này, nói: "Hoạt động này không những gìn giữ nền văn học Phật giáo cổ điển mà còn giúp mọi người tu thân phù hợp với những học thuyết Phật giáo."

(Big News Network – April 16, 2014)



Nghệ nhân Heo Kil-yang và tác phẩm điêu khắc Phật giáo bằng gỗ



Chùa Thiếu Lâm ở tỉnh Hà Nam,
Trung quốc-Photo: shaolin.org.cn

PHÁP: Phật đường mới tại Trung tâm Phật giáo Quốc tế ở Paris

Là người thành lập Trung tâm Phật giáo Quốc tế tại Paris vào năm 1988, Thượng tọa Trưởng lão tăng Chandaratana đã mang kinh Phật đến với những người Pháp quan tâm đến giáo lý. Gần đây ông đã khánh thành một Phật đường mới với sự tham gia của nhiều tăng sĩ hàng đầu đến từ Tích Lan.

Phật đường mới, có sức chứa 100 người, sẽ cung cấp những cơ sở khác nhau dành cho việc giảng pháp, thiền định và những đề tài văn hóa khác.

Thượng tọa Chandaratana phát biểu rằng giảng đường này là thành quả lớn nhất mà ông có được trong 30 năm lưu trú tại Pháp.

Giảng đường 2 tầng nói trên cũng được xem là giảng đường Phật giáo lớn nhất tại châu Âu, do Phật tử di cư từ các nước như Việt Nam, Lào và Cam Bốt cùng dựng và được xây xong chỉ trong 8 tháng.

(Buddhist Door - April 17, 2014)



Phật đường mới tại Trung tâm Phật giáo Quốc tế ở Paris, Pháp



Thượng tọa Trưởng lão tăng Chandaratana và Phật tử
Photos: Priyanka Kurugala

HÀN QUỐC: Lễ thắp sáng chiếc đèn lồng lớn tại trung tâm Seoul nhân kỷ niệm Phật Đản

Seoul, Hàn quốc - Vào ngày 16-4-2014, một đèn lồng lớn giống với ngôi chùa bằng đá của Chùa Mireuksa đã được thắp sáng tại Quảng trường Gwanghwamun ở trung tâm Seoul để kỷ niệm ngày Đức Phật Đản sinh năm thứ 2.558.

Sự kiện này được tổ chức để đánh dấu việc thắp sáng chiếc đèn lồng. Sau đó là lời cầu nguyện của Hòa Thượng Ja-seung, người đứng đầu Tông phái Tào Khê của Hàn quốc, và cuộc tuần hành của chư tăng và tín đồ xung quanh chiếc đèn lồng.

Đèn lồng này giống với ngôi chùa đá của Chùa Mireuksa ở Iksan, kinh đô của vương quốc Baekje (18 B.C - 660 A.D), một trong 3 vương quốc thời cổ của Bán đảo Triều Tiên.

Đèn lồng nói trên được làm bằng 500 tờ giấy hanji (giấy dâu tằm thủ công truyền thống) có khổ dài 2m và rộng 77cm. Nó lớn gần bằng 70% kích thước thật của ngôi chùa đá.

(Mahabodi IP - April 21, 2014)



Chư tăng tụng Tâm Kinh trước lễ thắp sáng chiếc đèn lồng lớn vào ngày 16-4-2014 tại Seoul, Hàn quốc—Photo: Jeon Han

CỘNG HÒA KALMYLKIA: Hội nghị Quốc tế lần thứ 4 về Nghiên cứu và Thực hành Phật giáo Kim Cương Thừa tại Elista

Di sản sống của Phật giáo tại Liên bang Nga được tổ chức và học tập tại Hội nghị Quốc tế Nghiên cứu và Thực hành Phật giáo Kim Cương Thừa lần thứ 4 tại thủ đô Elista của Kalmykia. Với chủ đề "Các Truyền thống và Đổi mới", sự kiện này diễn ra từ ngày 21 đến 26-4-2014, do Hiệp hội Phật tử Nga của Truyền thống Kim Cương Thừa Karma Kagyu và Viện Nghiên cứu Nhân đạo Kalmykian của Viện Khoa học Nga đồng tổ chức.

Những mục tiêu chính của hội nghị là thực hiện đối thoại liên ngành, chia sẻ nghiên cứu về Phật giáo Kim Cương Thừa và sự tương tác của truyền thống này với các truyền thống khác, và cung cấp một mạng lưới kết hợp và hỗ trợ cho học viên và học giả Kim Cương Thừa.

Hội nghị có một danh mục đầy đủ các đề tài cho thảo luận, làm nổi bật sự hiện hữu lâu dài và phong phú của Phật giáo trong Liên bang Nga (một lịch sử Phật giáo xưa nhất châu Âu).

(Buddhistdoor International - April 23, 2014)



Học viên tại tu viện Phật giáo Trung ương Kalmykia "Geden Sheddup Chol Korling" Photo: Smart News

NEPAL: Lễ hỏa táng theo Phật giáo cho các nạn nhân vụ tuyết lở

Vào ngày 21-4-2014, các lễ hỏa táng Phật giáo cho 13 hướng dẫn viên leo núi người Sherpa đã được thực hiện tại thủ đô Kathmandu của Nepal. Họ đã bị chết trong một trận lở tuyết trên Núi Everest vào ngày 18-4, trong khi đang chuẩn bị trước cho các nhà leo núi ngoại quốc. Thi thể họ được vận chuyển trong một đám

rước danh dự qua các đường phố của Kathmandu, với điểm đến cuối cùng là khu phức hợp tôn giáo chung quanh bảo tháp Swayambhunath. Ba hướng dẫn viên khác phải nhập viện với những vết thương nghiêm trọng, trong khi một cuộc tìm kiếm 3 người khác bị mất tích vẫn đang tiếp tục tiến hành.

Quý Hi Mã Lạp Sơn Hoa Kỳ tại San Francisco, C A, đã tạo một Quỹ Gia đình Sherpa, hứa rằng "100% tiền quyên góp sẽ đi trực tiếp để giúp các gia đình của những người quá cố".

(Shambhala Sun – April 23, 2014)



*Hòa táng tại Kathmandu cho nạn nhân vụ tuyết lở trên Núi Everest
Photo: nbcnews.com*

PAKISTAN: Tổng thống Pakistan phát biểu về việc bảo tồn di sản Gandhara

Tổng thống Pakistan, ông Mamnoon Husain, nói rằng chính phủ nước này rất quan tâm đến việc bảo tồn và phát triển di sản văn hóa thế giới Gandhara, không những để thúc đẩy hòa hợp liên tôn giáo mà còn để phát triển ngành du lịch trong nước.

Tổng thống đã nói điều này trong khi tiếp kiến bà Park kyo Soon, Tổng Thư ký Hiệp hội Nghệ thuật và Văn hóa Gandhara, khi bà viếng thăm ông vào ngày 14-4-2014 tại Aiwan-e-Sadr (Dinh Tổng thống).

Tổng thống Mamnoon Husain đánh giá cao vai trò của bà Park kyo Soon trong việc quảng bá di sản Gandhara và nói rằng Pakistan có một di sản khảo cổ học Phật giáo phong phú mà nước này đã hết lòng gìn giữ và bảo vệ.

Ông nói sự tồn tại của nhiều thánh địa Phật giáo tại Gandhara, vốn rất linh thiêng đối với Phật tử, là một phần quan trọng của nền văn hóa lịch sử Pakistan.

(buddhistartnews – April 24, 2014)



Tượng Bồ tát thiên định (Nghệ thuật Phật giáo phong cách Gandhara)-Photo: wikipedia.org

TÍCH LAN: Tổng thống Tích Lan yêu cầu sử dụng hình ảnh của Đức Phật một cách khôn ngoan

Trong một cuộc họp được tổ chức vào ngày 24-4-2014, Tổng thống Rajapaksa đã yêu cầu những người đứng đầu các phương tiện truyền thông phải thông báo với công chúng việc sử dụng hình ảnh của Đức Phật một cách khôn ngoan và không dùng hình ảnh này trong các hoạt động hàng ngày vì điều đó có thể là thiếu tôn trọng.

Tích Lan ngày càng trở nên quan tâm hơn đến những gì được xem như là một sự xúc phạm đến Phật giáo.

Vào ngày 21-4-2014, tòa án thành phố Negombo đã trục xuất một phụ nữ Anh, người đã bị cảnh sát Katunayake bắt vì phô bày một hình xăm Đức Phật ngồi trên tòa sen trên cánh tay phải của cô này khi cô đến từ Mumbai, Ấn Độ.

Tháng 3 năm ngoái, Tích Lan đã ngăn cấm một du khách Anh khác vào quốc đảo này vì trên cánh tay người ấy có hình xăm Đức Phật.

(Sri Lanka News – April 24, 2014)

Nữ du khách Anh bị Tích Lan trục xuất vì có hình xăm Đức Phật trên cánh tay

Photo: London Evening Standard

—>

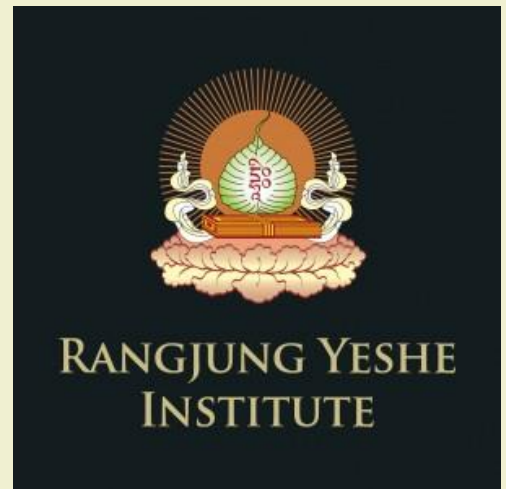
NEPAL: Chương trình Nghiên cứu Phật giáo với Ngôn ngữ Hi Mã Lạp Sơn

Trung tâm Nghiên cứu Phật giáo tại Viện Rangjung Yeshe (ở Boudhanath, Kathmandu) cung cấp một chương trình 4-năm về Nghiên cứu Phật giáo với Ngôn ngữ Hi Mã Lạp Sơn, dẫn đến bằng Cử nhân.

Các khóa trong chương trình cử nhân thuộc 2 lĩnh vực nghiên cứu chính: Triết học, Lịch sử và Văn hóa Phật giáo, và Ngôn ngữ Hi Mã Lạp Sơn. Đối với bằng Cử nhân, khoảng 2/3 của các khóa này liên quan đến triết học Phật giáo, trong khi 1/3 còn lại là các khóa học bằng các ngôn ngữ vùng Hi Mã Lạp Sơn như là Tây Tạng, tiếng Phạn và Nepal. Sinh viên có thể chọn lựa để nhấn mạnh triết học qua ngôn ngữ hoặc ngược lại.

Vào cuối chương trình cử nhân, những sinh viên thành công sẽ phát triển một kiến thức rộng về truyền thống Phật giáo Ấn-Tạng và về sự phát triển lịch sử và triết học của nó, và đạt được một kiến thức sâu sắc về sự tiếp cận của Tây Tạng với nghiên cứu triết học Phật giáo.

(Buddha Dharma – April 27, 2014)



Biểu trưng của Viện Rangjung Yeshe—Photo: RYI



HÀN QUỐC: Nỗi buồn được chia sẻ tại cuộc diễn hành đèn lồng của Phật tử

Seoul, Hàn quốc - Ngày 26-5-2014, trong một lễ hội đèn lồng liên hoa thường niên của Phật giáo tại Seoul, người Hàn quốc và người nước ngoài - là Phật tử cũng như không phải Phật tử - đã chung tay để an ủi sự mất mát của những nhân mạng trong thảm họa chìm phà Sewol.

Các đèn lồng hiển thị thông điệp "Chia sẻ Nỗi đau" được rước đi trong cuộc diễn hành với hàng nghìn người dự khán, kéo dài từ trường Đại học Dongguk đến Chùa Jogye, nơi có treo những dải băng màu vàng tượng trưng cho sự tiếc thương.

Ông Lawrence Moss đến từ Anh quốc, nói, "Gia đình chúng tôi đã không có kế hoạch đến Chùa Jogye, nhưng chúng tôi lại cảm thấy mình bị cuốn hút đến chùa theo cách nào đó. Hình ảnh các phụ nữ làm những quả bóng màu thật là xúc động. Chúng tôi đã ngồi xuống và giúp các cô ấy chuẩn bị hoa và đèn lồng".

(Tipitaka Network - May 1, 2014)



Đèn lồng xếp thành dòng chữ "Chia sẻ Nỗi đau" trong cuộc diễn hành tại Seoul—Photo: Yonhap

HOA KỲ: Khánh thành ngôi chùa đầu tiên của thành phố Baltimore (bang Maryland)

Sau hơn một năm xây dựng, Chùa Hòa bình Thế giới của Truyền thống Kadampa Mới, ngôi chùa đầu tiên của thành phố Baltimore, đã được khánh thành với một lễ ban phước vào tối ngày 2-5-2014.

Chùa tọa lạc ở phía đông Quảng trường Belvedere, có khuôn viên rộng gần 2 mẫu bao gồm một vườn cây ăn trái, một sân chơi, quán cà phê và hiệu sách, cùng với một khu cầu nguyện và thiền định ở trung tâm.

Ngôi chùa của Baltimore này là một trong 1.100 trung tâm và nhóm của Truyền thống Kadampa

Mới tại hơn 40 nước.

Có khoảng 14.600 Phật tử tại bang Maryland, trong số đó có khoảng 6.700 người là Phật tử Đại Thừa, bao gồm các hội viên của Truyền thống Kadampa Mới.

(Baltimore Sun - May 2, 2014)



*Tượng Phật tại Chùa Hòa bình Thế giới ở Baltimore
Photo: Baltimore Sun*

PHI LUẬT TÂN: Hội Phật giáo Từ Tế giúp phẫu thuật cho bệnh nhân bị dị tật môi miệng

Advincula và 10 thanh thiếu niên khác bị dị tật hở môi và vòm miệng từ sơ sinh đã trải qua các quy trình chỉnh hình miễn phí của Hội Từ Tế, là hội từ thiện Phật giáo vốn đã tổ chức một cuộc tiếp cận tại Trung tâm Y tế Thủ đô ở Tondo, Manila vào ngày 8-4-2014.

Dự án này là một sáng kiến chung của Hội Phật giáo Từ Tế và Bác sĩ Myra Elliot, một bác sĩ phẫu thuật miệng và hàm mặt nổi tiếng. Bác sĩ này là người sáng lập Phòng khám Toàn cầu, một tổ chức phi lợi nhuận có trụ sở tại Singapore bao gồm các tình nguyện viên cung cấp dịch vụ y tế cho người nghèo.

Tại Manila, nhóm của Elliot và các hội viên Từ Tế đã hợp tác để tìm kiếm bệnh nhân từ các khu vực khó khăn của thủ đô. Các bác sĩ phẫu thuật đã thực hiện những ca chữa trị sút môi, hở hàm ếch và ghép xương răng.

(Philippine Daily Inquirer - May 2, 2014)

*Một tình nguyện viên y tế từ Hội Từ Tế khám cho một bệnh nhân đã trải qua phẫu thuật hở môi tại Trung tâm Y tế Thủ đô ở Tondo, Manila (Phi Luật Tân)
Photo: Hội Từ Tế*

-->

ẤN ĐỘ: Khóa đào tạo Phật giáo và tiếng Tây Tạng cho sinh viên tốt nghiệp

Dharamala, Ấn Độ - Bộ Tôn giáo và Văn hóa (DAC) của Chính phủ Tây Tạng lưu vong kết hợp với trường Cao đẳng Kim cương thừa Gyumey ở Nam Ấn Độ đã lên kế hoạch tổ chức một khóa đào tạo Phật giáo và tiếng Tây Tạng kéo dài 6 tháng cho các sinh viên Tây Tạng tốt nghiệp.

Theo DAC, chương trình này được hình thành với nguồn cảm hứng và sự hướng dẫn của Đức Đạt lai Lạt ma, người thường nhấn mạnh về tầm quan trọng của việc truyền đạt giáo dục Phật giáo cho thế hệ trẻ của Tây Tạng để họ trở thành "những Phật tử thế kỷ 21".

Các yêu cầu đối với những người Tây Tạng muốn tham gia chương trình này là họ phải là sinh viên tốt nghiệp và đạt yêu cầu về tiếng Tây Tạng và Anh ngữ.

Khóa đào tạo 6-tháng sẽ gồm có các giáo lý Phật giáo cơ bản và tiếng Tây Tạng.

Những người tham gia sẽ được trao giấy chứng nhận sau khi đỗ các kỳ thi.

(Phayul.com - May 3, 2014)

NEPAL: Thủ đô Kathmandu mừng lễ kỷ niệm năm thứ 2.558 Cuộc đời Đức Phật (Vesak)

Kathmandu, Nepal - Năm nay đại lễ Vesak sẽ được tổ chức vào ngày 14-5 dương lịch, nhằm ngày trăng tròn tháng Baishakh (tháng đầu tiên của âm lịch Hindu).

Theo truyền thống 4 năm một lần, xá lợi của đức Phật sẽ được rước đi khắp Thung lũng Kathmandu. Tín đồ từ các cộng đồng Phật giáo (cả thường dân lẫn tu sĩ) và các tu viện khác nhau sẽ tham gia cuộc diễn hành tôn giáo này. Các cuộc nói chuyện và thuyết giảng về Phật giáo cũng sẽ được tổ chức để truyền bá đạo Phật.

Lâm Tì Ni cũng sẽ có các chương trình khác nhau tại địa



phương để chào mừng đại lễ Vesak. Và ngoài các chương trình hiến máu, các lễ kỷ niệm khác nhau liên quan đến Phật giáo đang được tổ chức trên toàn quốc.

(Buddhistdoor International – May 5, 2014)



*Các tiểu tăng Nepal
Photo: Buddhistdoor International*

NHẬT BẢN: Điều khắc gia người Nhật khắc tượng Phật trên tuyến đường hành hương tại Tây Ban Nha

Fumiaki Ogita, nhà điêu khắc tượng Phật người Nhật có nghệ danh là Bonkai, đã bắt đầu công việc điêu khắc một tượng Phật lên một cây lớn nằm trên đường hành hương nổi tiếng tại Molinaseca, Tây Ban Nha.

Ông hy vọng rằng tác phẩm của mình sẽ đóng vai trò là một sự kết nối giữa đảo Shikoku ở Nhật Bản với đô thị Molinaseca của Tây Ban Nha, 2 địa danh nổi tiếng về các tuyến đường hành hương.

Vào ngày 20-4-2014, ông Ogita, 73 tuổi, đã từ Nhật Bản đến Tây Ban Nha để khắc một tượng Phật Quan Âm lên một cây lớn tại đô thị Molinaseca nằm trên con đường hành hương Santiago de Compostela của Thiên Chúa giáo, một Di sản Thế giới.

Ông Ogita dùng phương pháp gọi là "ikiki jizo" để khắc tượng Phật Quan Âm này.

Tác phẩm sử dụng phương pháp ikiki jizo đầu tiên của ông, được ông sáng tác khi ông 38 tuổi, có thể được tìm thấy tại vùng núi ở Shiko Kuchuo, Tỉnh Ehime.

(Asahi Shimbun – May 9, 2014)

Fumiaki Ogita và tác phẩm Phật giáo của ông tại Shiko Kuchuo, Tỉnh Ehime—Photo: Haruko Hosokawa



MÃ LAI: Tình nguyện viên lau chùi pho tượng Phật nhập diệt của Chùa Chaiya Mangalaram

George Town, Mã Lai – Pho tượng Phật nhập Niết bàn nổi tiếng, dài 33 mét, tại Chùa Thái Chaiya Mangalaram trên Đường Burmath đã được lau chùi kỹ lưỡng để chuẩn bị cho đại lễ Vesak.

Khoảng 20 tình nguyện viên của chùa đã dành nhiều giờ để làm sạch từ đầu đến chân của pho tượng còn được gọi là Pra Buddha Chaiya Mongkol này. Họ cũng dọn dẹp các cơ sở của ngôi chùa trên Đường Burmath.

Vào ngày 6-5-2014, du khách đến viếng chùa đã cúng dường cho lễ hội và mang những bao gạo đến để làm thực phẩm phục vụ cho tín đồ trong Ngày Vesak.

Nhiều tín đồ cũng đã cúng dường cho lễ thắp-nến diễn ra vào đêm trước để đánh dấu sự dẫn sinh, thành đạo và nhập diệt của Đức Phật.

(thestar.com.my – May 9, 2014)



*Lau chùi tượng Phật nằm (tại Chùa Chaiya Mangalaram) để chuẩn bị cho đại lễ Vesak
Photo: The Star*

NHẬT BẢN: Triển lãm tranh Phật của các họa sĩ tranh Manga

Chùa Zojoji, tọa lạc tại công viên Shiba-koen ở phường Minato của Tokyo, tổ chức cuộc triển lãm "Hotoke no sekai" (Triển lãm Minh họa Đức Phật của các Họa sĩ tranh Manga) từ ngày 10 đến 13-5-2014. Triển lãm giới thiệu các tác phẩm của gần 50 họa sĩ manga xưa và nay, trong số đó có Osama Tezuka, Fujio Akatsuka và Takao Saito.

"Manga đã trở thành loại hình nghệ thuật đại diện của đất nước, vì vậy chúng tôi đã mời các họa sĩ từ khắp Nhật Bản đóng góp vào triển lãm này", Keiichi Wada, một người tổ chức

của cuộc triển lãm cho biết. "Chúng tôi đã yêu cầu họ đưa phong cách của riêng mình vào việc mô tả Đức Phật. Nhiều người trước đây chưa từng thực hiện đề tài này, vì vậy nó trở thành một sự khám phá".

Đã có các kế hoạch yêu cầu cuộc triển lãm nói trên tiếp tục được tổ chức tại các chùa khác nhau trên khắp nước Nhật.

(asahi.com – May 10, 2014)



Tranh manga chủ đề Đức Phật được triển lãm tại chùa Zojoji, Tokyo—Photo: Louis Templado

THÁI LAN: Các ngôi chùa cổ tại tỉnh Nan bị hư hại do động đất

Nhiều di tích khảo cổ học quan trọng tại tỉnh Nan đã bị hư hại bởi trận động đất cường độ 6 xảy ra tại Chiang Rai vào ngày 5-5-2014. Sự hư hại được tường thuật là tồi tệ hơn trận động đất hồi năm ngoái tại Nan.

Thị trường thành phố Nan và các quan chức từ văn phòng phòng chống và giảm nhẹ thiên tai của địa phương đã khảo sát sự hư hại do động đất tại nhiều di tích khảo cổ học quan trọng trong tỉnh. Ngôi chùa cổ Wat Phumin có nhiều vết nứt bên trong và bên ngoài chánh điện. Thị trường nói rằng đội của ông sẽ khẩn trương kiểm tra các địa điểm quan trọng khác và theo dõi tình hình động đất.

Các di tích khảo cổ học khác bị hư hại nhẹ, bao gồm chùa Wat Phrathat Chang Kham và Wat Phrathat Khao Noi tọa lạc trên một đỉnh đồi.

(Tipitaka Network – May 11, 2014)

Ta Nghĩ Về Đất Nước Ta



Khi đất nước
Có ngọn cờ của nước
Thuở ấy...

Cha ông đã tạc nên hình
Mảnh vườn xưa đã ươm xanh mộng ước
Trời Nam hãy còn hùng cứ oai linh.

Giọt máu tim chưa ráo hồn dân tộc
Lệ sử muôn đời còn đọng sắc quê hương.
Dấu vết ngàn năm dấu nhòa nét ngọc,
Trang bi hùng chưa hết nỗi đau thương!

Cọc Bạch Đằng còn nhọn hướng biển Đông
Tiếng thét lòng đêm còn vang dòng Như Nguyệt
Mơ tưởng binh thư bên đường đan sọt
Ai nỡ tìm quên từ buổi sinh thành...!?

Đâu thuở Mê Linh trời nắng rộng
Đâu Hồ Gươm trao kiếm giữ sơn hà
Lưng trâu về, trắng ngọn cờ lau tập trận
Mùa xuân nào áo vải rộn cờ hoa.

Từng năm đất, năm xương
Xưa làm nên sức sống
Hơi thở trời Nam
Núi rừng gió lộng
Bốn ngàn năm
Hùng cứ riêng phương.

Mười năm
Bạc áo Lam Sơn
Mười năm huyết lệ
Còn thơm sử vàng
Mười năm chuốc mộng quan san
“Bình Ngô Cáo...” giặc hung tàn Bắc phương.

Tổ quốc bấy giờ
Sao lắm nỗi đục trong!
Khí tiết xưa đâu?
Hãy quên mình vì đại cuộc
Dân tộc còn chẳng
Hồi những cây cao bóng cả?
Sá chi bao lau sậy cản bên đường!

Giặc đến Biển Đông
Giặc gờm đất Bắc
Giặc cạnh Tây Nam
Tứ phía giặc vây rồi
Ta nghĩ gì về đất nước ta ơi!

thơ

MẶC PHƯƠNG TỬ

ĐẠO PHẬT VIỆT THẾ KỶ THỨ NHẤT VÀ THỜI KỲ BẮC THUỘC (111 tr. TL – 542 TL)

HT. Thích Đức Nhuận

(trích **Đạo Phật và Dòng Sử Việt**, do PHV Quốc Tế xuất bản năm 1998)

(Bài được đăng làm 2 kỳ)

ĐẠI CƯƠNG:

- Thời đại Hùng Vương qua truyền tích Tiên Dung My Nương và Chử Đồng Tử

- Đạo lý Nhân quả - Luân hồi - Nghiệp báo trong nếp sống người Việt:

- Về thực chất cuộc sống

- Về phương diện sáng tác

- Sang đầu thế kỷ II (168 - 189) do 4 vị

Phạm Tăng: Ma Ha Kỳ Vực, Khang Tăng Hội, Chi Cương Lương, Mậu Bác (cũng gọi là Mậu Tử) từ Ấn Độ - Trung Hoa tới Giao Châu hoằng hóa đạo Phật.



... Do hoàn cảnh địa lý và lịch sử nên về tôn giáo, chính trị và văn hóa nước Việt Nam ta đã từ nhiều thế kỷ chịu ảnh hưởng xa gần của trung Hoa. Tuy nhiên, Đạo Phật và Dòng Sử Việt, buổi ban đầu, không do Trung Hoa mà lại từ Ấn Độ du nhập.

Căn cứ vào lịch sử nước nhà thì, Đạo Phật truyền vào Việt Nam (khi đất nước ta còn gọi là Văn Lang - Giao chỉ) do hai ngã đường bộ và thủy, giao liên giữa Ấn độ và Trung Hoa, phải ngang qua Việt Nam.

Về Đường Bộ đi qua miền Trung Á (Mông Cổ, Tây Tạng, Trung Hoa) rồi từ Trung Hoa qua Cao Ly và Nhật bản.

Về Đường Thủy thì qua ngã Sri-lanka, Java thuộc Indonésia và Trung Hoa.

Nước ta ở vào giữa hai con đường ấy, và do sự ghé lại của những thương nhân và tăng sĩ Ấn Độ đã mang hạt giống Bồ Đề - Đạo Phật - trồng trên đất Giao Chỉ^[1] ngay từ đầu kỷ nguyên Tây lịch. Rất có thể là trước kỷ nguyên Tây lịch người Việt đã có biết đến Đạo Phật rồi.

Sau năm 111 trước Tây lịch, khi nước Việt đã do người Hán đô hộ, thì sự có mặt của đạo Phật - **Tôn giáo của Trí Tuệ và Tình Thương** - là những "liều thuốc an thần" làm tươi mát những tâm hồn khô héo của người dân mất nước, nên tổ tiên ta đã tôn thờ Đức Phật, biết thấu hiểu những tinh hoa của Đạo làm Lễ sống để giữ lấy mình mãi còn là mình.

Khi người phương Bắc thôn tính nước Nam Việt, chúng liền sáp nhập nước ta vào lãnh thổ Trung Hoa, lập thành quận huyện với tên gọi lúc đầu là Giao Chỉ, sau đổi: Giao Châu, đặt dưới sự cai trị của các triều đại: Hán - Ngô - Tấn - Tống - Tề - Lương - Tùy - Đường (từ năm 111 tr. TL đến năm 939 TL) qua 3 thời kỳ, cộng 1031 năm, nền văn hóa Văn Lang - Âu Lạc có cơ nguy bị Hán tộc đồng hóa.

Cũng trên một nghìn năm ấy, ông cha ta phải ẩn nhẫn, chịu đựng gian khổ,

đã biết áp dụng giáo lý *giác ngộ giải thoát và tự chủ* của Đạo Phật trong thực tế cuộc sống hằng ngày... và lấy đó làm phương châm "cứu nguy" cho đất nước dân tộc ngày mai.

Vào thế kỷ thứ 3 trước TL, thánh quân ASOKA (268 - 232 tr TL), nước Magadha, vì muốn mở mang bờ cõi, vua đã đem quân đánh lấy xứ Kalinga, gây nên cuộc huyết chiến vô cùng thảm khốc mà, về sau này, chính vua đã công khai sám hối. Hồi xâm lược Kalinga vua ASOKA chưa theo giáo pháp của Đức Phật. Nhưng sau khi quy y Tam bảo rồi vua mới thức tỉnh hồi hận và trở nên thánh thiện. Sự kiện này được ghi rõ trong một tấm bia:

...*"Tất cả nỗi thống khổ về nạn binh đao đã làm cho trăm phải nặng lòng lo ngại. Dù cho số người bị sát hại đọa đầy trong việc xâm chiếm xứ Kalinga nhiều đến thế nào cũng không thể so sánh được với sự đau khổ của trăm..."*

Đối với trăm, sự thắng trận cao cả hơn hết là sự thắng trận của chính pháp...

Kim ngôn này được khắc vào mặt đá để cho ngày sau con cháu của trăm sẽ không còn nghĩ đến những cuộc thắng trận khác nữa, và chúng nó phải làm cách nào để thắng nỗi trận giặc lòng..."

Khi thánh quân ASOKA cho khắc bia này thì xứ Kalinga đã bị tiêu diệt mất mười vạn và bị lưu đầy mười lăm vạn quân, đây là chưa kể số thường dân bị sát hại, chết oan, cửa nhà đổ nát, cháy rụi. Đây là chỉ mới kể có một bên nước Kalinga, chứ chưa kể số quân bị chết, bị thương, bị bắt làm tù binh và thường dân bị chết oan về phía vua Asoka (Magadha).

Chúng ta được biết, thuở Phật giáo được 218

năm, thánh quân Asoka hết lòng hoằng dương chính pháp và đã thực hiện ba việc lớn:

1. *Triều tập Đại Hội Kết Tập Kinh Điển Kỳ 3.*
2. *Dựng tháp thờ Phật và xây tu viện.*
3. *Thành lập phái đoàn Tăng sĩ hoằng pháp.*

Sau 9 tháng Đại Hội Kết Tập Kinh Điển Kỳ 3 tại thành Pataliputra, tức Bihar và Patna ngày nay, thánh tăng Moggaliputta Tissa lĩnh sứ mệnh vua Asoka trực tiếp điều động các đoàn truyền giáo đi vào các vùng: Kashmir, Gandhara, Mahisamandala, Vanavasa, Aparantaka, xứ Marathe, xứ Hy Lạp, vùng Himalaya, xứ Kim Thổ, tức Myanmar, cửa ngõ mở ra toàn thể Ấn – Hoa, Indonesia và Sri Lanka. Thánh tăng Mahinda truyền pháp vào Sri Lanka, hai vị thánh tăng Sona và Uttara thì truyền vào Myanmar.^[2]

Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam, chương 1: *Đạo Phật du nhập Việt nam – thời điểm và các thuyết du nhập*, tác giả Minh Chi viết: "... Một phái đoàn do hai cao tăng Uttara và Sona được phái đến Suvanna-bhumi, xứ của vàng. Sử liệu Phật Giáo Miến Điện chép rằng hai cao tăng đó đã đến Miến Điện truyền giáo. Nhưng sử liệu Phật giáo Thái Lan cũng ghi là hai cao tăng Sona và Uttara có đến Thái Lan truyền giáo. Liệu hai cao tăng đó có tiếp tục hành trình và đến Việt Nam hay không, đó là một nghi vấn mà các nhà sử học Trung Hoa và Việt nam, cho đến nay vẫn chưa làm sáng tỏ được. Có học giả dựa vào tài liệu Trung Hoa nói rằng, ở Giao Chỉ tại thành Nê Lê, có bảo tháp của vua Asoka. Và học giả đó xác định thành Nê Lê, mà sử liệu Trung Hoa nói tới, chính là Đồ Sơn ở nước ta hiện nay" (Sđd, trg 21 – 22), và **Đạo Phật Việt Nam**, đã đưa ra những luận chứng: "... Khoảng 300 năm trước tây lịch, nghĩa là: ngay sau khi Đại Hội Kết Tập Tam Tạng lần thứ III tại Pataliputra (Hoa Thị Thành), Ấn Độ, do vua Asoka thực hiện; và cũng sau đại hội này đức vua đã gửi chín giáo đoàn đi truyền bá chính pháp tại các nước, từ Afghanistan (A Phú Hãn) tới đông bộ Mediterrenee (Địa Trung Hải), trong đó có một giáo đoàn do hai ngài Sona và Uttara lãnh đạo, đã tới Miến Điện và toàn xứ Đông Dương kể cả Việt Nam. Nói cách khác, hồi đó, ở Giao chỉ tại thành Nê Lê, tên cũ của vùng Đồ Sơn hiện nay, cách Hải Phòng 12 cây số có bảo tháp vua a Dục (Asoka), do các Phật tử địa phương xây nên, để tri ân vua a Dục (Asoka) đã cử giáo đoàn tới đây để truyền bá Phật pháp".

Đồ Sơn gồm có mười ngọn núi (1 núi Mẹ; 9 núi con). Núi mẹ cao chừng 168 mét so với mặt bể; trên đỉnh núi này, có một bảo tháp Dục Vương được dựng vào khoảng 300 năm trước Tây lịch; sau khi tháp này tàn phế, tiếp đến tháp Tường Long do vua Lý Thánh Tông xây trên nền tháp cũ, vào khoảng giữa thế kỷ XI TL; hiện nay, ngôi chùa Tường Long mới được tu bổ lại.

Và tác giả *Đạo Phật Việt nam* kể: ngày 1.1.1994, trong một chuyến tham quan, được thượng tọa Thích Quảng Tùng, trụ trì chùa Dư Hàng, Hải Phòng, hướng dẫn ra Đồ Sơn để chiêm bái Phật tích tại chỗ, và rất may mắn là được đọc tám bài thơ tả cảnh vùng này, gọi là ĐỒ SƠN BÁT VINH, còn ghi lại ở cuốn gia phả của họ Hoàng bằng chữ Nho, trong số tám bài thơ thì có hai bài: bài thứ năm có tên là "Tháp Sơn Hoài Cổ" nói về tháp Dục Vương (Asoka). Bài thứ ba, nhan đề: "Cốc Tự Tham Thiền", và đã được dân địa phương dịch ra chữ Việt như sau:

Phiên âm:

1. *Cổ tháp di hư loạn thảo đôi*



*Dục Vương khứ hậu ủy yên đôi!
Thiên chung bảo khí minh lưu thủy,
Cửu cấp phù đồ hóa kiếp hồi.
Tiêu tử ý kha miên thạch đẳng.
Mục nhi khu độc há sơn ôi.
Đăng cao dục hội sơn Tăng giảng,
Hà xứ chung lâu khẩu nhất hồi.*

Dịch nghĩa:

*Tháp xưa lau cỏ tốt bởi bởi,
Vua Dục đi[3] vua sau[4] cũng đổ rồi!
Chuông nặng ngàn cân kêu đầy nước,
Tháp cao chín bậc hóa thành vôi.
Chú tiểu dựng cũi nằm đo đá,
Trẻ mục lừa trâu vội xuống đồi.
Lên núi muốn cùng Sư giảng kệ,
Chuông đâu mà đánh thử một hồi?*

Ở dưới chân núi Mẫu Sơn, hiện có một ngôi chùa Hang – Cốc Sơn Tự – tác giả kể tiếp là đã được gặp một ông cụ coi chùa kể chuyện rằng: "Thuở xưa vào cuối đời vua Hùng Vương, ở đây có một vị sư tên là Sư Bần (Bần Tăng), người Ấn Độ, lập bàn thờ Phật và tu ở trong hang núi này và sau đó, cũng viên tịch tại hang núi này. Bởi vậy, dân địa phương gọi là chùa Hang, hay Cốc Tự. Biết rằng: khi còn bình sinh, Sư Bần có giảng Đạo Phật cho Chử Đồng Tử. Theo sách *Lĩnh Nam Chích Quái*, thì Chử Đồng Tử có ghé thuyền vào núi Quỳnh Viên và gặp một tăng sĩ tên là Phật Quang giảng đạo Phật cho nghe. Vậy, ngày xưa gọi là Quỳnh Viên Sơn và Sư Phật Quang; thì ngày nay là Mẫu Sơn và Sư Bần. Và lại, từ tỉnh Hưng Yên, đầu sông Thái Bình, có đền thờ Chử Đồng Tử, chảy suốt ra cửa bể Đồ Sơn, cách đây chừng năm cây số, hiện nay lại có một đền thờ Chử Đồng Tử trên bờ sông Thái Bình, vì ở đây, Chử Đồng Tử có cứu sống được người con trai của một gia đình, cho nên, theo truyền thuyết địa phương, người ta đã lập đền thờ để nhớ ơn Chử Đồng Tử".

Qua những dữ kiện trên mà ta có thể biết rõ được lộ trình của Chử Đồng Tử, đi bằng thuyền buôn, dọc theo sông Thái Bình, từ Hưng Yên ra tới cửa bể Đồ Sơn, rồi ghé thuyền vào núi Mẫu Sơn (mà ngày xưa gọi là Quỳnh Viên Sơn) để lấy nước ngọt, và gặp Sư Bần (Sư Phật Quang) ở chùa Hang Cốc hiện nay, ngay ở sát chân núi, liền với bờ biển. Dưới đây là bài thơ thứ ba trong tám bài – Đồ Sơn Bát Vinh – để tả cảnh chùa hang, Cốc Tự:

Phiên âm:

2. *Thần san quỷ tạc bất tri niên?
Thử cốc an bài nhược tự nhiên.
Ôc tự phong đài giải tự thiết,*



*Nham như tường bích thạch như diên.
Dạ minh hiển quả liên đài hạ,
Phong tử hàm hoa bảo án tiên
Đạo ưởng tiêu ca hòa điệu ngữ,
Chung thanh hoán tinh lại Tạng miên.*

Dịch nghĩa xuôi:

*Thần quý nào đây đã tạc ra tự bao giờ?
Hang này xếp đặt rất tự nhiên.
Mái hang như rêu xanh, bậc như đá mài,
Nhũ đá tựa vách tường, thêm tựa chiếu dài.
Đêm trăng chim dâng quả dưới đài sen,
Đàn ong ngâm hoa trước bàn thờ.
Tiếng sóng, tiêu ca, hoà chim hót,
Chuông ngân gọi tỉnh Sư lúc ngủ say[5]*

Sách **Lĩnh Nam Chích Quái** của Vũ Quỳnh chép: Truyện Đầm Nhất Dạ: Tiên Dung Mị Nương và Chử Đồng Tử chứng minh sự có mặt của Đạo Phật vào đời Hùng Vương TK thứ III. (Triều đại 18 vua Hùng kể từ 2879 – 257 tr TL Thục An Dương Vương). Ở đây chỉ xin nhắc lại chỗ cần thiết trong truyện: Hai vợ chồng Tiên Dung Mị Nương và Chử Đồng Tử... sau khi vua cha đuổi ra khỏi nước, bèn lập ra cái chợ để buôn bán. Ngôi chợ này vẫn thường có các thương nhân ngoại quốc lui tới. Người ngoại quốc ở đây chỉ có thể là người Ấn Độ đã vượt biên giới phía bắc Ấn Độ sang vùng trù phú Myanmar (Miến Điện) rồi vào vùng Founan (Phù Nam). Trong truyện có nói rõ là hai vợ chồng gặp một đại thương gia dùng thuyền để đi buôn và nói với Tiên Dung: "Quý nhân xuất ra một thoi vàng, năm nay cùng với người nhà buôn ra ngoài biển mua vật quý, sang năm sẽ lời được một thoi". Hai vợ chồng bàn với nhau rồi đồng ý. Người chồng đã cùng với đại thương gia đi buôn ở biển. Ngoài biển có hòn đảo tên là Quỳnh Viên (sách Đạo Giáo nguyên Lưu ghi là Quỳnh Vi). Nơi đây có một am và có một vị tăng sĩ tên là Phật Quang. Người đại thương gia và Chử Đồng Tử đã ghé thuyền vào đảo để lấy nước ngọt. Dịp này Đồng Tử được vị Tăng sĩ Phật Quang thuyết pháp cho nghe nên giác ngộ và được truyền pháp khí là *chiếc gậy* và *cái nón lá* và bảo rằng: "những cái ấy làm chìa khóa cho mọi năng lực thần bí"; Đồng Tử có pháp khí thần thông nên bỏ nghề buôn, rồi đưa thoi vàng cho người đại thương gia đi buôn và dặn, khi nào trở về ghé vào am để chờ Đồng Tử cùng về với. Khi về gặp lại nhau, Đồng Tử đem Đạo Phật nói với Tiên Dung. Tiên Dung giác ngộ và hai vợ chồng cùng nhất trí đi tìm thầy học đạo. Sau hai vợ chồng đều đắc đạo. Truyện còn nữa, nhưng đến đây có thể tạm kết thúc.

(Chuyện Chử Đồng Tử và Tiên Dung):

*"Bồ Di còn chuyện trích tiên
Có người họ Chử ở miền Khoái Châu
Ra vào nường nấu hà châu
Phong trần đã trải mấy châu cùng người
Tiên Dung gặp buổi đi chơi.
Gió đưa Đẳng các, buồm xuôi Nhị Hà
Chử Đồng ẩn trốn bình sa
Biết đâu gặp gỡ lại là túc duyên.
Thừa lương nạng mới dừng thuyền,
Vây màn tắm mát kê liền bên sông.
Người thực nữ, kẻ tiên đồng,
Tình cờ ai biết vợ chồng duyên ưa.
Giận con ra thói mây mưa,
Hùng Vương truyền lệnh thuyền đưa bắt về.
Non sông đã trót lời thề,
Hai người một phút hóa về bông châu.
Đồng An, Dạ Trạch đâu đâu.
Khởi hương nghi ngút truyền sau muôn đời".
(Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca, trang 22).*

Theo JATAKA (Ấn Độ) kể chuyện tiền thân của Đức Phật và ta cũng thường gặp cảnh hoàng tử ra khơi tìm trần châu, lương được để cứu độ chúng sinh... Như vậy, truyện kể trên chắc chắn là người Ấn Độ chứ không ai khác.

Vào buổi ấy (thế kỷ thứ ba tr TL), một phong trào di dân rất rộng từ xứ Kalinga sang phía đông và xuống phía nam nhưng chỉ lẻ tẻ và nhiều đợt; phong trào trở nên rầm rộ vào khoảng đầu kỷ nguyên Tây lịch. (Có lẽ) Đạo Phật du nhập nước ta cũng vào thời điểm này.

Sự truyền bá Đạo Phật ở nước ta buổi sơ khai, tuy mới chỉ mở mang và khai đạo ở trị sở Luy Lâu nhưng cũng đã gây được sự chú ý của người dân bản địa, cũng như đã có xây chùa, dựng tháp...

Một sự trùng hợp lịch sử kỳ diệu là, trong sách **Lý Hoặc Luận**, Mâu Tử tự xác định "ông học và theo Đạo Phật ở Luy Lâu". Bài tựa của sách Lý Hoặc Luận đã cho chúng ta những dữ kiện quý báu:

"... Sau khi vua Hán Linh Đế băng hà, thiên hạ nhiễu loạn, chỉ có Giao Chỉ là yên ổn. Các bậc dị nhân phương Bắc đều tới đây, phần lớn đều tin theo thuật thần tiên tịch cốc trường sinh. Hồi ấy có nhiều học giả, Mâu Tử thường lấy ngũ kinh ra vấn nạn, các đạo gia và thuật sĩ không ai đối đáp cho xuôi được, cũng tự như Mạnh Kha cự lại Dương Chu - Mặc Dịch..." (Nguyễn Lang, VNPGSL Tì ni đa lưu chi, trang 54).

(Cũng trong bài Tựa ấy) "... Bền mài chí theo Đạo Phật, cùng nghiên cứu Lão Tử, lấy huyền diệu làm rượu ngon, lấy ngũ kinh làm đàn sáo... Người thế tục đa số không biết, cho rằng Mâu Tử đã phản lại ngũ kinh mà theo dị giáo... Thực ra, nếu mở miệng ra tranh luận với họ thì cũng là phi đạo, mà im lặng thì coi như bất lực, bèn dùng bút mực, lược dẫn lời thánh hiền mà chứng giải điều mình nghĩ. Do đó gọi là Mâu Tử Lý Hoặc Luận" (Sđd, trg 55, 56).

Nguyên bản văn chữ Hán mà Nguyễn Lang trích dịch trong sách Lý Hoặc Luận:

"... Thị thời Linh Đế băng hà, thiên hạ nhiễu loạn, độc Giao Châu sai an, Bắc phương dị nhân hàm lai tại yên, đa vi thần tiên tịch cốc trường sinh chi thuật. Thời nhân đa hữu học giả, Mâu Tử thường dĩ Ngũ kinh nạn chi. Đạo gia, thuật sĩ mặc cảm đối diện, tự chi ư Mạnh Kha cự Dương Chu Mặc Dịch..."

"... Ư thị duệ chí ư Phật đạo, kiêm nghiên cứu Lão Tử... hàm huyền diệu vi tửu tương, ngoạn Ngũ kinh vi cầm hoang. Thế tục chi đồ đa phi chi giả, dĩ vi bội Ngũ kinh nhi hướng dị đạo. Dục tranh tặc phi đạo, dục mặc tắc bất năng. Toại dĩ bút mực chi gian

lược dẫn Thánh Hiền chi ngôn chứng giải chi, danh viết MÂU TỬ LÝ HOẶC LUẬN vân".

(Đại tạng Kinh đệ ngũ thập nhị chi sách – Sử Truyện bộ IV)

Tác giả sách **Nghiên Cứu Về Mâu tử** viết: "Nếu Phật giáo không truyền vào nước ta từ thời vua A Dục (thế kỷ thứ 3 tr TL) để đến năm 43 khi hai Bà Trưng thất trận, một trong các nữ tướng của hai bà là Bát Nàn phu nhân đi xuất gia, như truyền thuyết dân gian đã có, thì ít nhất vào năm 100 sau Tây lịch Phật giáo đã hiện diện với tư cách một bộ phận tín ngưỡng đầy quyền uy đến nỗi dân ta đã trồng một thứ hoa để cúng Phật gọi là **uất kim hương**. Sự hiện diện được xác lập này đưa tới một số hệ luận đáng quan tâm, không những đối với lịch sử Phật giáo Việt Nam, mà còn đối với tư tưởng và văn học Việt Nam, trong đó nổi bật nhất là việc ra đời tác phẩm văn học tư tưởng Phật giáo xưa nhất do Mâu Tử viết hiện biết của không những Việt nam, mà cả Trung Hoa và Viễn Đông nữa, đó là Lý Hoắc Luận. "Kể từ Trần Văn Giáp công bố quan điểm cho rằng Mâu Tử là một trong những người truyền giáo đầu tiên của Phật giáo nước ta trong Le Boudhisme en Annam des origines jusqu'au XIII^e Siècle (1932) "... Ngược lại, chính bản Tự Truyện do tay ông (Mâu Tử) viết trong Lý Hoắc Luận đã xác định ông học và theo Đạo Phật tại nước ta. Nói cách khác, ông là sản phẩm của Phật giáo Việt nam, và tác phẩm Lý Hoắc Luận có thể nói là kết tinh đầu tiên của nền Phật giáo đó".[6]

Trong **Đạo Giáo Nguyên Lưu**, gồm 3 quyển thượng, trung, và hạ của thiền sư An Thiền, viết bằng Hán Tự, thế kỷ XIX, trong đó tác giả ghi lại Đạo Phật ở Việt Nam, mở đầu với đoạn dẫn nhập tổng quát: Đại Nam Thiền Học Sơ Khởi (*bước đầu Thiền học ở Đại Nam*). Đoạn này gồm phần Hùng Vương Phạm Tăng (*Các nhà sư An Độ dưới đời Hùng Vương*), tác giả kể ở đây KHÂU ĐA LA (Ksudra), cư sĩ TU ĐỊNH và con gái là A MAN; Đại Nam Phật Tháp (*các tháp thờ Phật ở Đại Nam*). Tiếp sau là các vị sư tổ truyền giáo trong các triều đại nước Đại Nam cho đến đời Thiệu Trị (1845); các truyền thần thoại liên quan đến Đạo Phật ở Trung Hoa và ở Đại Nam. Hai quyển còn lại đặc biệt nói về Nho giáo và Lão giáo.

Trong **Kho Tàng Cổ Tích Việt Nam** kể truyện Tấm Cám được But hiện xuống cứu người lành: "Tấm, Cám là hai chị em cùng cha khác mẹ. Tấm là con bà vợ cả; còn Cám, con bà vợ lẽ. Bố của chúng không may mất sớm. Sau đó mẹ Tấm cũng mất. Nó ở với Cám và dì ghẻ là mẹ của Cám. Bà dì ghẻ ác độc hành hạ Tấm đủ điều oan khuất. Tấm đã bao phen chìm nổi luân hồi, khi là hình thái *trái thị*, khi là hình thái *chim vàng anh*... But thấy thương tâm hiện ra cứu độ cho Tấm bé bóng hiền lành. Ở hiền gặp lành, sau Tấm hưởng phúc báo được hoàng tử cưới làm vợ".

Hắn ta chưa quên tích *Truyện Mai an Tiêm* buôn bán với người ngoại quốc. *Truyện Cây Nêu và tấm Áo Cà Sa*, *Truyện Trầu Cau với sự luân hồi* thác sinh thành cây, đá v.v... Tất cả đều nói lên sự liên lạc văn hóa Ấn – Việt. Được biết: dưới thời Sĩ Nhiếp cai trị nước ta từ năm 187 đến năm 226, thì văn hóa Trung Hoa, hay nói khác là Nho giáo và Lão giáo, lúc ấy đã chính thức công khai truyền bá ở Giao Châu; hệ thống giáo lý của hai đạo này, không có các tích kể trên, qua các truyền thuyết đời Hùng Vương. Với



những mẫu truyền trên, ta thấy: người Việt đã tiếp nhận giáo lý **Nhân Quả, Luân Hồi** và **Nghiệp Báo** của Đạo Phật một cách hết sức tự nhiên, không do dự, như tiếp nhận sự phát minh của chính mình vậy.

... Kể từ đời Hùng Vương mở nước, đóng đô ở đất Phong Châu, người Việt đã sớm ý thức: chỉ có sự *thuần nhất* mới có thể tồn tại để phát triển và tiến hóa. Dù rằng buổi ban đầu sự sinh hoạt của xã hội Văn Lang hãy còn theo lề lối bộ lạc, nhưng sự thuần nhất trong ý chí đoàn kết đã được thể hiện một cách trọn vẹn để vượt thắng các trở ngại và duy trì cho sự tồn tục của giống nòi.

Thật vậy, vì ý thức Tự Chủ của dân tộc Việt trải qua hơn một ngàn năm bị người Hán thống trị đất nước, từng làm đau khổ giống nòi ta, nên người Việt đã sớm **thức tỉnh** nhận rõ dã tâm thôn tính của họ nên đã cương quyết từ thủ, ôm chặt lấy những gì thuộc truyền thống của tổ tiên, để **bảo trì nếp sống, phong hóa, ngôn ngữ sáng, bén, lời y phục, cách ăn ở, xử thế; tâm hồn thì bao dung rộng mở...** điển hình như việc sử dụng chữ Nho mà người Việt đọc khác người Hoa, và đã sáng chế ra một thứ chữ riêng, thứ chữ Nôm. Chữ Nôm là một lối chữ mượn ở chữ Nho rồi ghép thêm một chữ làm thanh phụ mà tạo thành, đọc theo tiếng mẹ đẻ (tiếng Việt). Đó là óc sáng tạo đặc thù của người Việt đối kháng lại với mọi áp lực nguy hiểm của người phương Bắc, chỉ muốn đồng hóa dân tộc ta.

Với lối sống đặc thù của người Việt khác với lối sống của người Hán... người Việt suy nghĩ, nói năng và hành động nhất nhất đều y cứ vào đại tiền đề: lấy "Tổ ăm" làm căn bản chung, nên không bao giờ người Việt chấp nhận có sự tương tranh vì ý hệ hoặc mưu cầu danh lợi cho riêng cá nhân hay một tập thể nào, rồi gây bè kết đảng hòng tiêu diệt lẫn nhau. Những ai đi ngược lại truyền thống ấy đều coi là nghịch lý, nhất định bị đồng bào chối bỏ, coi họ như những người dị chủng.

Chính quan niệm "Tổ ăm" được coi như linh

(xem tiếp trang 63)

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT VĂN PHÒNG ĐIỀU HỢP LIÊN CHÂU

615 North Gilbert Road, Irving, TX 75061-6240; Tel. (972) 986-1019

BẢN LÊN TIẾNG

Về Việc Trung Quốc Xâm Phạm Lãnh Hải Việt Nam Qua Việc Đưa Giàn Khoan Vào Vùng Đặc Quyền Kinh Tế Của Việt Nam

Vào ngày 01 tháng 5 năm 2014, Trung Quốc đã đưa giàn khoan gọi là giàn khoan Hải Dương 981 vào vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam cùng với hơn 80 tàu hộ tống gồm nhiều tàu quân sự và máy bay. Trong lúc các tàu cảnh sát biển của Việt Nam làm nhiệm vụ bảo vệ lãnh hải và ngăn cản việc Trung Quốc đặt giàn khoan trái phép thì tàu cảnh sát Trung Quốc đã dùng vòi rồng xịt nước, dùng tàu đâm vào tàu Việt Nam làm bị thương nhiều người Việt Nam. Trung Quốc còn dùng hàng chục máy bay các thứ quần thảo trên không phận thuộc lãnh hải Việt Nam để uy hiếp cảnh sát biển Việt Nam. Sau cuộc họp báo của chính quyền Việt Nam chiều ngày 07 tháng 5 năm 2014 để tố cáo Trung Quốc đặt giàn khoan trái phép, xâm phạm chủ quyền lãnh hải Việt Nam thì các cơ quan chức năng và truyền thông Trung Quốc tố ngược lại Việt Nam dùng tàu cảnh sát biển đụng vào tàu cảnh sát biển của họ, và đe dọa “dạy cho Việt Nam một bài học.”

Cho đến nay dù dư luận quốc tế chỉ trích Trung Quốc trong việc đưa giàn khoan vào Biển Đông, gây căng thẳng trong vùng biển đảo đang có tranh chấp, và toàn khối 10 nước ASEAN ra tuyên bố ngày 11 tháng 5 năm 2014 kêu gọi các bên tôn trọng Công Ước Quốc Tế Về Luật Biển Năm 1982 và Tuyên Bố Về Ứng Xử Của Các Bên Trên Biển Đông Năm 2002 mà Trung Quốc đã ký kết tham gia, Trung Quốc vẫn ngang nhiên đặt giàn khoan Hải Dương 981 trên Biển Đông.

Trước sự kiện nghiêm trọng trên, Văn Phòng Điều Hợp Liên Châu thuộc các Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại (GHPGVNTNHN) Tại Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan, GHPGVNTN Âu Châu, GHPGVNTN Hoa Kỳ, và GHPGVNTNHN tại Canada nhận định rằng:

1/ Lịch sử hàng ngàn năm qua cho thấy các chế độ chính trị quân chủ và cộng sản cai trị tại Trung Quốc luôn luôn có tham vọng bá quyền xâm lược đất nước Việt Nam từ thời Nhà Hán trước công nguyên đến thời Cộng Sản Mao Trạch Đông, Đặng Tiểu Bình ở thế kỷ 20. Nhưng thực tế lịch sử cũng cho thấy rằng dân tộc Việt Nam ở mọi thời đại đều quật cường bất khuất, quyết tâm chống lại các thế lực từ phương Bắc để giữ vững bờ cõi biên cương, duy trì nền độc lập tự chủ về truyền thống văn hóa và lãnh thổ nước nhà.

2/ Việc Trung Quốc đưa giàn khoan Hải Dương 981 với hơn 80 tàu hộ tống các loại gồm nhiều tàu quân sự và máy bay vào vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa Việt Nam vào ngày 01 tháng 5 năm 2014 vừa qua là hành động không những vi phạm luật pháp quốc tế và những cam kết với khối ASEAN mà còn là hành động xâm lăng trắng trợn đối với lãnh hải Việt Nam.

3/ Suốt dòng lịch sử hơn hai ngàn năm có mặt tại Việt Nam, Phật Giáo luôn luôn đóng góp xứng đáng sức mình vào công cuộc dựng nước, giữ nước và sự toàn vẹn lãnh thổ và lãnh hải của Quốc Gia Việt Nam. Trong những lúc đất nước bị xâm lăng, đô hộ, người Phật tử Việt Nam sẵn sàng dẫn mình vào việc kháng chiến giữ nước, và ngay cả các vị Thiền sư cũng không ngần ngại cỡi tăng y, khoác chiến bào xông pha vào chiến trận đánh đuổi giặc ngoại xâm, bảo vệ từng tấc đất của tổ quốc mà bao đời tiền nhân đã hy sinh gầy dựng.

Từ những nhận định trên, Văn Phòng Điều Hợp Liên Châu của bốn Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan, Âu Châu, Hoa Kỳ và Canada đồng thanh



LÊN TIẾNG:

1/ Cục lực phản đối chính quyền Cộng Sản Trung Quốc đưa giàn khoan Hải Dương 981 và hơn 80 tàu hộ tống gồm nhiều tàu quân sự và máy bay vào vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa Việt Nam; yêu cầu Trung Quốc phải rút ngay giàn khoan và tất cả các tàu hộ tống ra khỏi hải phận Việt Nam; yêu cầu Trung Quốc tôn trọng Công Ước Quốc Tế Về Luật Biển Năm 1982 và Tuyên Bố Về Ứng Xử Của Các Bên Trên Biển Đông Năm 2002 mà Trung Quốc đã ký và cam kết tôn trọng.

2/ Kêu gọi Nhà Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam (CHXHCNVN) dù hành xử theo phương thức ngoại giao, đối thoại trong tinh thần tôn trọng luật pháp quốc tế và hòa bình đối với Trung Quốc, cũng phải tỏ thái độ và lập trường cứng rắn, cương quyết không nhân nhượng đối với chủ quyền lãnh thổ và lãnh hải của Việt Nam; không vì lý do nào mà để mất dù là một tấc đất, một tấc biển do tiền nhân để lại. Trước sự ngoan cố của Trung Quốc không chịu rút giàn khoan Hải Dương 981 và hàng chục tàu hộ tống ra khỏi hải phận Việt Nam, chính quyền Nhà Nước CHXHCNVN cần tiến hành việc kiện Trung Quốc vi phạm luật pháp quốc tế và xâm phạm chủ quyền Việt Nam trước tòa án của Liên Hiệp Quốc.

3/ Kêu gọi Nhà Nước CHXHCNVN gấp rút thực hiện công cuộc vực dậy sức mạnh đoàn kết của đại khối dân tộc để đủ sức chống lại thế lực xâm lược của Trung Quốc bằng thiện ý và nhiều phương thức cụ thể: nghiêm túc tôn trọng các quyền tự do căn bản của người dân; trả tự do cho tất cả tù nhân lương tâm đang còn bị giam giữ chỉ vì bất đồng chính kiến, hoặc biểu thị lòng yêu nước của họ đối với hiểm họa xâm lăng của Trung Quốc; không ngăn cản, bắt bớ trái phép hay đánh đập và sát hại người dân; xử trị nghiêm minh và công bằng các đảng viên và công chức tham nhũng từ thượng tầng lãnh đạo đến hạ tầng cơ sở; lắng nghe và chân thành đáp ứng nguyện vọng chung của toàn dân để trở thành một chính quyền dân chủ pháp trị vì dân vì nước thực sự.

4/ Thiết tha kêu gọi đồng bào và Phật tử Việt Nam trong nước cũng như hải ngoại, dù đang ở quốc gia nào, mang quốc tịch nào, hãy tự đặt mình vào cương vị của người dân nước Việt khi đất nước lâm nguy, quyết tâm bảo vệ sự toàn vẹn của đất Tổ quê Cha; tùy theo khả năng và hoàn cảnh, góp tiếng nói, tài sức và sự đồng tâm của mình cho đại cuộc chống ngoại xâm, giữ gìn giang sơn xã tắc.

Phật Lịch 2558, ngày 11 tháng 5 năm 2014

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất

Văn Phòng Điều Hợp Liên Châu

Chánh Văn Phòng

Hòa Thượng Thích Tín Nghĩa

Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Hoa Kỳ

Hòa Thượng Thích Như Huệ

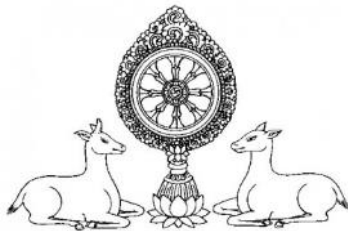
Hội Chủ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Hải Ngoại tại Úc Đại Lợi—Tân Tây Lan

Hòa Thượng Thích Tánh Thiệt

Quyền Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Âu Châu

Hòa Thượng Thích Bồn Đạt

Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Hải Ngoại tại Canada





PHÁP TỪ PHẬT ĐẢN PL. 2558

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch: Chư Tôn Đức Tăng Già,
Kính thưa: Quý vị lãnh đạo tinh thần các tôn giáo, quý Hội đoàn, Đoàn thể người Việt quốc gia, quý Cơ quan truyền thông báo chí, quý Quan khách và đồng hương Phật tử,

Kính thưa liệt quý vị,

Ngày Đức Phật Đản Sinh, cũng là ngày đánh dấu một chứng tích lịch sử trọng đại của con người. Chứng tích lịch sử trọng đại ấy, là hương vị Giáo Pháp Giải Thoát được thuyết giảng khắp muôn nơi. Giáo pháp như dòng suối mát làm tươi nhuận cho những tâm hồn sầu muộn. Là chất liệu từ bi, để ban vui cứu khổ khắp quần sanh. Giáo pháp ấy không phải ở bên ngoài, mà hoàn toàn có tự trong ta, trong mỗi người, để từ đó dựng thành sức sống thánh thiện, vượt thoát. Đức Phật dạy: *"Hãy ẩn nấu nơi chính ta như một hải đảo, xem chính ta là chỗ nương tựa. Hãy ẩn nấu nơi Giáo pháp như một hải đảo, như chỗ nương tựa không nên tìm ẩn nấu từ bên ngoài."*

Đây chính là tinh thần giáo dục tự trị, tự giác mà Đức Phật đã giảng dạy suốt 49 năm kể từ khi thành đạo, cho đến lúc nhập Niết Bàn. Lời giảng dạy ấy, chính là Giáo Pháp Giải Thoát như trong Kinh Udàna đã nói: *"Cũng giống như nước trong đại dương bao la, sâu rộng chỉ có một vị là vị mặn của muối, Giáo pháp chỉ có một vị là vị Giải Thoát."*

Vì mục đích giải thoát sinh tử, đoạn tận khổ đau mà Đức Phật thị hiện nơi đời, cách nay 2638 năm về trước. Đức Phật đã trao gởi cho chúng ta một gia tài pháp bảo để lấy đó làm phương tiện tu hành mà thành đạo nghiệp: *"Giáo pháp mà Đức Thế Tôn khéo giảng dạy và được truyền bá đầy đủ là để tự chứng ngộ, là Giáo pháp có hiệu năng tức khắc, khuyến khích, suy gẫm, tìm tòi, dẫn đến Niết Bàn, để bậc Thiện trí am hiểu, mỗi người cho riêng mình."*

Hôm nay, GHPGVNTN Hoa Kỳ và Cộng Đồng Phật Giáo Nam Cali, thành kính tưởng niệm Ngày Đức Phật Đản Sinh, trong bầu không khí trang nghiêm, trọng thể, đã nói lên tinh thần tương kính, tương thuận cùng chia sẻ Phật sự được tốt đẹp. Chúng tôi kỳ vọng và gởi gắm toàn tâm, toàn lực đến mỗi thành viên của Cộng đồng Tăng Già, luôn chung vai gánh vác trọng trách, mà lý tưởng của người tu Phật, đã tự nguyện dẫn thân, để cho Đạo Pháp ngày một xướng minh, để cho đời người ngày một vui tươi, hạnh phúc. Cũng như những tấm lòng hộ pháp cao quý của hàng cư sĩ Phật tử, biết hy sinh cái riêng mình mà phụng sự cái chung của Phật Pháp. Được vậy, thì Đạo Pháp mới được trường tồn, chúng sanh mới an lạc. Là Phật tử chúng ta, người mở mắt tay để cho, chứ không phải là người nhắm lòng tay để giữ. Trong Kinh Đại Niết Bàn, Đức Phật đã dạy: *"Như Lai đã truyền dạy chân lý mà không có sự phân biệt nào giữa giáo lý bí truyền và giáo lý công truyền, bởi vì, khi đề cập đến chân lý, Như Lai không hề có bàn tay nắm lại của ông Thầy còn muốn giữ lại điều gì."* Người học Phật, tu Phật phải khéo tự lắng tâm để nghe lời Phật dạy, ngõ hầu áp dụng vào đời sống hàng ngày để có được niềm bình an, tịnh lạc.

Chúng ta có được ngày hôm nay, là do đã trải qua một quá trình hy sinh, gầy dựng từ nhiều thập niên trước, Chư bậc Tổ đức, Tôn túc đã một thời khai sơn, phá thạch để xây dựng cho cộng đồng Phật giáo nơi đây có một nền tảng vững chắc, để bảo tồn và phát huy con đường hoằng pháp nơi hải ngoại, mà giờ đây quý Ngài đã quay về Tây.

Chúng ta, một phút lắng lòng thanh tịnh để tưởng niệm đến công đức cao dày của quý Ngài.

Kính bạch Chư tôn đức Tăng già,

Kính thưa quý liệt vị,

Chúng ta kính mừng Ngày Đức Phật Đản Sinh là biểu tỏ tấm lòng thuần hậu, đốt nén hương Gối, hương Định, hương Tuệ để dâng lên cúng dường mười phương chư Phật. Cúng dường Đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn thị hiện nơi đời. Chúng ta nhất tâm nguyện cầu cho mọi người biết thương nhau trong tình thương chân thật, để nhờ đó mà thế giới được hòa bình, muôn loài được an lạc. Thành kính đánh lễ các bậc Chứng Trung Tôn, hiển bày Đức chứng Như hải để làm hành trang trên con đường hoằng pháp nơi hải ngoại này.

Kính chúc quý Ngài: pháp thể khinh an, đạo nghiệp viên thành.

Đồng kính chúc quý quan khách, đồng hương Phật tử: thân tâm thường lạc, vạn sự cát tường.

Nam Mô Thành Tựu Trang Nghiêm Công Đức Phật.

Sa Môn Thích Tín Nghĩa

VÌ HÒA BÌNH VÀ AN LẠC CHO THẾ GIỚI



HT. Thích Minh Tuyên

(DIỄN VĂN KHAI MẠC
Đại Lễ Phật Đản Phật Lịch 2558
do GHPGVNTN Hoa Kỳ và
Cộng Đồng PGVN Nam Calif.
tổ chức)

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Kính bạch chư Tôn Thiền Đức Tăng, Ni,
Kính thưa quý vị quan khách đại diện các
tôn giáo bạn, quý vị dân cử, quý đại diện
Cộng Đồng, Đoàn Thể, Tổ Chức người
Việt tị nạn Cộng Sản, quý cơ quan truyền
thanh, truyền hình, báo chí,
Kính thưa quý đồng hương và chư Phật
tử,

Trước hết, xin thay mặt Ban Tổ Chức Đại
Lễ Phật Đản Phật Lịch 2558, chúng con
xin thành kính tri ân chư Tôn Thiền Đức
Tăng, Ni đã từ bi quang lâm chứng minh
Đại Lễ; chúng tôi cũng xin chân thành
cảm tạ sự hiện diện quý báu của quý vị
đại diện các tôn giáo bạn, quý vị dân cử,
quý đại diện Cộng Đồng, Đoàn Thể, Tổ
Chức, quý cơ quan truyền thanh, truyền
hình và báo chí, cùng toàn thể quý đồng
hương và Phật tử đã hoan hỷ nhận lời
mời của Ban Tổ Chức chúng tôi đến tham
dự đông đảo trong ngày Đại Lễ Phật Đản

hôm nay. Sự hiện diện quý báu của chư liệt vị không những là niềm khích lệ lớn lao cho Ban Tổ Chức mà còn nói lên tinh thần tương thân, tương kính – chất liệu nền tảng cho sự đoàn kết vững mạnh của toàn thể cộng đồng người Việt tị nạn cộng sản tại đất nước Hoa Kỳ.

Kính bạch chư Tôn Đức,
Kính thưa quý liệt vị,

Cách nay 2638 năm, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã thị hiện ra đời trong thế giới này là để thực hiện bản nguyện cứu khổ chúng sinh. Vì vậy, sau khi giác ngộ dưới gốc cây Bồ Đề vào năm 35 tuổi, Ngài đã dành trọn 45 năm còn lại của cuộc đời bằng đôi chân trần đi khắp vùng châu thổ nam bắc Sông Hằng tại Ấn Độ, ban bố Chánh Pháp chuyển mê khai ngộ nhằm mục đích giải khổ quần sinh. Đời sống và lời dạy của Đức Phật chứa đựng ánh sáng trí tuệ giác ngộ siêu việt đối với thực tại đời sống, và lòng từ bi bao la vô hạn của Ngài trang trải bình đẳng cho tất cả muôn loài chúng sinh. Để góp phần xây dựng cuộc sống hòa bình và giải thoát cho con người và xã hội, Đức Phật thường xuyên nhắc nhở hàng đệ tử rằng, **"Trên thế gian này không phải thù hận trừ được hận thù, mà chỉ có lòng từ bi mới chuyển hóa được thù hận."** Đức Phật cũng gửi thông điệp rõ ràng đến xã hội loài người rằng, **"Không có giai cấp trong giọt máu cùng đỏ, trong giọt nước mắt cùng mặn."** Tinh thần từ bi, hòa bình và bất bạo động mà Đức Phật truyền bá ngày nay đã trở thành di sản tinh thần phổ quát của toàn nhân loại. Cũng như thiền định mà Đức Phật thực nghiệm đã trở thành liệu pháp chính thức trong y học hiện đại.

Thừa hưởng di sản tinh thần cao quý ấy từ Đức Phật, Phật Giáo Việt Nam suốt hai ngàn năm qua đã không ngừng góp phần xứng đáng cho công cuộc kiến tạo và giữ gìn nền tự do, dân chủ và độc lập cho dân tộc và nước nhà. Đau lòng thay, dù chiến tranh đã kết thúc 39 năm, nhưng Việt Nam vẫn chưa có hòa bình và độc lập thực sự. Người dân Việt trong nước vẫn còn bị độc đảng cai trị với nạn cường hào ác bá và tham nhũng lan tràn, thay vì một chế độ dân chủ pháp trị hợp lòng dân. Lãnh thổ và lãnh hải của Việt Nam một phần đã bị ngoại bang cưỡng đoạt, phần còn lại trong nguy cơ bị xâm lược. Trong không khí tưởng niệm 39 năm ngày 30 tháng 4, xin

tất cả chúng ta cùng nhất tâm cầu nguyện cho dân tộc Việt Nam sớm có tự do, dân chủ, cho đất nước Việt Nam được toàn vẹn lãnh thổ, lãnh hải.

Kính bạch chư Tôn Đức,
Kính thưa quý liệt vị,

Trong đại lễ hôm nay, ngoài việc kỷ niệm ngày Đản Sanh, tri niệm và xưng tán ân đức sâu dày của Đức Phật, xin mỗi người trong chúng ta hãy là sứ giả của tình thương góp phần xây dựng hòa bình và an lạc cho thế giới; xin hãy cùng nhau giữ gìn môi trường sống lành mạnh và nguồn tài nguyên thiên nhiên quý giá cho các thế hệ mai sau thừa hưởng; xin hãy mở rộng lòng thương, nghĩ đến những người bất hạnh hơn chúng ta đang lâm cảnh màn trời chiếu đất vì thiên tai như động đất, núi lửa, sóng thần, bão lụt...; và xin hãy làm những gì thiết thực nhất để cứu giúp những người phải sống trong đày đoạ thống khổ bởi nhân họa và chiến tranh.

Đức Phật đã từng dạy rằng Ngài đản sanh trong thế giới này là để "hàn gắn lại những gì đã bị đổ vỡ," do lòng tham lam, thù hận và si mê của con người tạo ra. Thật vậy, chính tham lam, thù hận và si mê đã gây ra bao nhiêu đổ nát, tan thương và đau khổ cho con người và cộng đồng xã hội. Tưởng niệm ngày Đản Sanh của Đức Phật là cơ hội quý giá để mỗi người trong chúng ta bình tâm tỉnh giác trước tất cả những hành tác của ý nghĩ, lời nói và việc làm để có thể phần nào chuyển hóa ba nghiệp nơi tự thân và góp phần làm cho cuộc sống cá nhân, gia đình và cộng đồng xã hội ngày càng hòa bình, hạnh phúc, thăng tiến và phú cường. Đó chính là thắp sáng ý nghĩa ra đời của Đức Phật vì sự an lạc cho con người và muôn loại chúng sinh.

Trong niềm hoan hỷ tràn đầy nhân ngày Đản Sanh của bậc Đại Giác Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni, thay mặt Ban Tổ Chức chúng tôi xin long trọng tuyên bố khai mạc Đại Lễ Phật Đản Phật Lịch 2558.

Trân trọng cảm ơn và kính chúc chư Tôn Đức và quý liệt vị vô lượng cát tường, sở cầu như ý.

Garden Grove, ngày 03 tháng 5 năm 2014
Ban Tổ Chức Đại Lễ Phật Đản Phật Lịch 2558
Trưởng Ban

Hòa Thượng Thích Minh Tuyên



Dai Le Phat Dan 2014 - HoPhap.net

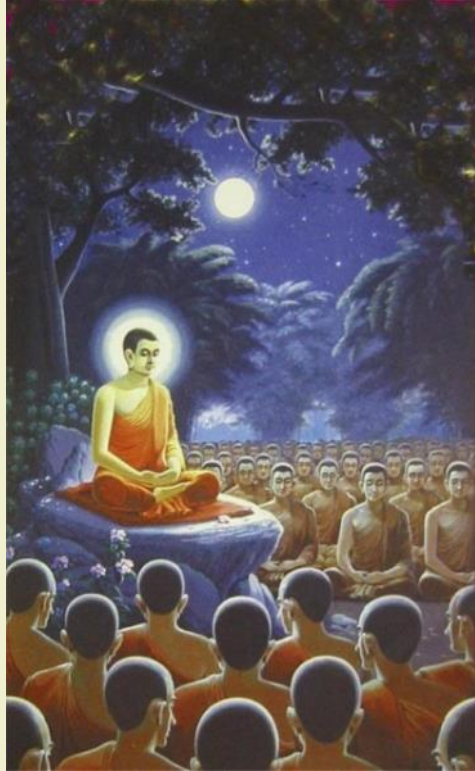
HUẤN TỪ AN CƯ

TK. Thích Huyền Quang

Nam mô Bốn sư Thích Ca
Mâu ni Phật

Kính Thưa chư Đại Đức
Tăng, cùng Bốn Chúng đệ tử,

2500 năm trôi qua kể từ khi hình ảnh của đấng Chí tôn khuất dấu vô thường giữa rừng Câu-thi-na u tịch. Từ đó cỗ xe chuyển dịch tuần hoàn vẫn tiếp tục lăn bánh, để lại sau nó những vết tích của phú cường và huỷ diệt, bạo lực và nhân ái; rải rác đó đây, trên những sa mạc khô cằn, trong những đô thị trù phú, loài người đã góp nhặt từng giọt máu đào, từng giọt nước mắt để tích lũy thành kiến thức, tạo dựng thành văn minh; từ những giá trị cá biệt là căn nguyên xung đột giữa các cộng đồng tôn giáo, dân tộc, dân tiến tới những giá trị phổ quát phản ánh khát vọng và tâm nguyện muôn thuở của con người. Những giá trị phổ quát, những quyền cơ bản làm nên giá trị hiện hữu của con người càng lúc càng được thừa nhận trong các cộng đồng dị biệt của nhân loại, coi đó như là điều kiện thiết yếu tạo dựng một xã hội hoà bình, an lạc, hoá giải hận thù, xoá bỏ bất công, áp bức gây nên bởi tham vọng quyền lực, cuồng tín giáo điều. Thông điệp bao dung, hỷ xả mà đức Thích Tôn trao truyền cho các chúng Thanh văn và Bồ tát, tỏa sáng bằng các phẩm tính từ bi và trí tuệ của tuệ giác vô thượng, ngày nay dần dần được nhân loại đón nhận như là dấu hiệu chỉ đường cho một thế giới nội tâm an lạc trong một thể giới đầy sơ hãi vì bạo lực điên cuồng. Thông điệp ấy được truyền vào đất nước Việt nam cũng đã 2000 năm. Đức tính bao dung và những giá trị phổ quát của phẩm giá con người được hàm chứa trong đó đã từng là nguồn lực sinh tồn tác động, hình thành ý thức dân tộc. Mỗi dân tộc, trong điều kiện địa lý và lịch sử cá biệt, bằng vô vàn đau thương và khổ lụy của nhiều thế hệ tiếp nối, đã tạo dựng nên những giá trị truyền thống, có đủ sức mạnh ý chí để tự khẳng định sự tồn tại của mình bình đẳng với mọi dân tộc khác, dù lớn hay nhỏ. Đó là bài học lịch sử được viết bằng tâm nguyện hy sinh vô úy của lịch đại Tổ Sư, của nhiều thế hệ Phật tử anh hùng, mà ngày nay hết thầy chúng đệ tử Phật, xuất gia cũng như tại gia, cần phải tư duy chiêm nghiệm, tự trang bị cho mình nhận thức chân chính, để nhờ đó mà tăng trưởng tâm nguyện bồ đề, sức mạnh dũng cảm vô úy. Nếu không được như thế, cộng đồng Phật tử Việt nam sẽ chỉ hiện diện như những hội đoàn ô hợp đấu tranh theo quyền lợi thế tục, mà công phu hành trì, công việc Phật sự lại chỉ tập trung vào những hình



thức bên ngoài và nghi lễ cúng bái.

2500 năm, giáo pháp của đức Thích Tôn được truyền bá lan dần từ Đông sang Tây, từ cận vùng Nam cực cho tới vành đai Bắc cực, bằng phương tiện duy nhất là thuyết giáo mà không bạo lực hận thù, chỉ thấm nhuần hương vị duy nhất là giác ngộ và giải thoát. 2000 năm lịch sử truyền thừa trên đất Việt, cũng thuần một hương vị duy nhất được hòa quyện bất khả phân bởi tinh hoa dân tộc và đạo pháp. Đó là ý nghĩa tồn tại, mà cũng là sứ mạng, của các cộng đồng Phật tử Việt nam trong đại khối cộng đồng dân tộc.

Năm nay, cũng như hằng nghìn năm trước, Tăng già và Phật tử Việt nam cúng dường ngày đàn sinh của đức Từ phụ, đấng Đạo sư của chư thiên và nhân loại, bằng tín tâm thanh tịnh, bằng công hạnh tu trì được tích lũy, đốt nén tâm hương giới định tuệ, cầu nguyện an lạc cho mình và cho nhiều người, ích lợi trong đời này và đời sau.

Kính thưa Chư liệt vị,

Ngay sau ngày Phật đàn, là ngày Tăng già Việt nam, gồm cả hai bộ Tỳ kheo và Tỳ kheo ni, kiết giới an cư theo truyền thống Bắc phương. Mặc dù do sự sai biệt phong thổ, lịch pháp và tập quán xã hội nên ngày tháng an cư của hai hệ truyền thừa Nam Bắc không đồng, nhưng tất cả đều dựa trên một nền tảng Tỳ-ni tạng, với những học xứ tương đồng của giới bốn Biệt giải thoát. Nhân dịp này, tôi kính gởi đến toàn thể Tăng già Việt nam, chư Đại đức tỳ kheo và tỳ kheo ni; gởi đến toàn thể bốn chúng đệ tử Phật, lời thăm hỏi và chào mừng ngày mới của Mùa an cư như là lời chúc tụng đầu năm trong đời sống đạo hạnh.

Mùa an cư, các chúng Tỳ kheo và Tỳ kheo ni, trong từng trú xứ riêng biệt, cùng hòa hiệp và thanh tịnh trong đồng nhất trú xứ, và đồng nhất thuyết giới; là nền tảng phước điền cho các chúng đệ tử xuất gia cũng như tại gia, lấy đó làm y chỉ để tăng trưởng đạo lực, vun bồi gốc rễ phước lạc nhân thiên và đạo quả Niết bàn.

Cũng nhân đây, tôi xin nhắc lại bảy pháp bất thối mà đức Phật đã chỉ dạy mà chúng Tỳ kheo và tỳ kheo ni cần phải học tập, chấp hành; y chỉ trên đó mà tu trì để tăng trưởng đạo lực cho mình và đồng thời củng cố bản thể thanh tịnh và hòa hiệp của Tăng già, không bị lôi cuốn vào các sự nghiệp thế gian, không bị chi phối và sử dụng bởi các cộng đồng thế tục. Nguyên lai pháp bất thối được Phật công bố do

bởi Đại thần Vũ Xá theo lệnh vua A-xà-thế thỉnh ý đức Phật về ý đồ xâm lược và trấn áp bộ tộc Bạt-kỳ, ý thị sức mạnh của Vương quốc Ma-kiệt-đà hùng cường. Nhân đó, Phật khiến A-nan tập hợp tất cả chúng tỳ kheo trong phạm vi thành Vương xá để nghe đức Phật công bố bảy pháp bất thối. Cũng như một dân tộc không bị đánh bại và khuất phục, nếu dân tộc ấy có đầy đủ bảy pháp bất thối; cũng vậy, chúng tỳ kheo sẽ không thể bị khống chế bởi bất cứ sức mạnh dầu hung tàn như thế nào của thế lực cường quyền, nếu chúng tỳ kheo sống hòa hiệp bằng bảy pháp bất thối. Bằng vào ý thức tự giác, chứ không bằng vào sự cưỡng chế pháp luật, đức Phật công bố bảy pháp bất thối, mà Tăng trong một trú xứ nếu không y giáo phụng hành, chúng tỳ kheo ở đó chỉ là một tập thể ô hợp, nghĩa là như bày qua khi có lợi thì cùng tụ nhau lại kêu la inh ỏi, khi hết lợi thì tan tác bay đi. Bảy pháp bất thối như sau:

1. Các tỳ kheo thường xuyên tập hợp đúng theo các qui định bởi Luật tạng, để giảng luận Chánh pháp, chứ không phải tập hợp để tuyên dương tán tụng sức mạnh quyền lực thế gian, khiến cho các tỳ kheo trong trú xứ cùng sinh hoạt hòa thuận.

2. Các tỳ kheo phải tụ họp trong tinh thần hòa hiệp không tranh chấp, giải tán trong tinh thần hòa hiệp không tị hiềm, nghị kỵ, và chấp hành các Tăng sự trong tinh cảm nhiệt thành.

3. Chúng tỳ kheo không tùy tiện quy định và ban hành những luật lệ không đáng được ban hành, không thích hợp; cũng không được tự tiện sửa đổi, bãi bỏ những luật lệ đã được ban hành từ trước; sống đúng theo giáo huấn của Phật, và tùy thuận những gì mà Tăng già đã quy định, được truyền thừa qua lịch đại Tổ Sư.

4. Các tỳ kheo phải luôn tôn trọng, kính lễ các tỳ kheo trưởng thượng, mà phẩm hạnh và trí tuệ do công phu tu tập và học hỏi, xứng đáng là hàng Trưởng lão trong Tăng; luôn luôn nhiệt thành nghe những lời khuyến giáo của các tỳ kheo trưởng thượng như thế.

5. Các tỳ kheo sống không bị lôi cuốn vào những tham ái, những bận rộn thế tục.

6. Trú xứ của chúng tỳ kheo là những nơi nhàn tĩnh, không phải là trú xứ tập hợp để phục vụ các quyền lợi thế tục.

7. Các tỳ kheo sống an trú chánh niệm, tỉnh thức, tạo thành một cộng đồng thanh tịnh hòa hiệp,

để cho các đồng phạm hạnh từ những nơi khác chưa đến thì muốn đến, đã đến thì muốn an trú lâu dài để tu tập, cùng sống hòa thuận và an lạc.

Từ duy chiêm nghiệm bảy pháp bất thối mà đức Thích Tôn đã trao truyền cho chúng đệ tử, những người Phật tử Việt nam không khỏi ngậm ngùi vì những mâu thuẫn bất hoà, tranh chấp, chia rẽ trong hàng đệ tử Phật. Sinh vào thời Pháp nhược Ma cường, hàng Thánh Tăng vắng bóng, Phật tử Việt nam cùng chung kết quả cộng nghiệp của dân tộc Việt nam, mà những dòng thác hung bạo của tranh chấp quyền lực quốc tế, của hận thù giai cấp, của đấu tranh ý thức hệ, đã ghi lại vô vàn vết tích đau thương trên đại khối dân tộc. Đức Phật đã dạy, chúng sinh là kẻ thừa tự của những nghiệp mà nó đã làm. Vậy, mỗi người trong chúng ta, Tăng cũng như tục, cần có thời gian lắng đọng tâm tư để thấy rõ trách nhiệm của từng cá nhân mình, vì đã không cố đủ năng lực trí tuệ, không có đủ ý chí dũng mãnh, để cho ngọn đèn Chánh pháp được lịch đại Tổ Sư truyền trao qua 2000 nghìn năm lịch sử bỗng chốc bị lu mờ, khiến cho hầu hết những người con Phật không thấy rõ đường nào phải đi, không thể phân biệt đâu chánh đâu tà, đâu là sự mạng của người tu học Phật và đâu là sự dịch nô lệ của thế gian.

Kính thưa Chư liệt vị,

Ngày Phật đản, Phật tử chúng ta dâng nén tâm hương cúng dường mười phương chư Phật. Hương thơm giới định huệ dâng lên, nhưng khói bụi trần lao ô trược cũng đồng thời rơi vãi xuống. Vì vậy, chúng ta không nên chỉ nhìn lên làn khói cuộn như mây lành năm sắc trong hư không mà quên không nhìn thấy bụi bẩn rơi vãi trên bàn thờ. Mỗi khi dâng hương cúng Phật, hãy nhớ đừng quên quét dọn bàn thờ Phật cho thanh tịnh trang nghiêm; cũng đừng tự trối tay mình lại, hay để cho người khác trối tay mình lại, mà nhìn bụi bám đài sen càng lúc càng dày.

Vật có tụ thì phải có tán. Tâm người có khi hiệp thì cũng có khi lìa. Tăng chúng nay hiệp mai lìa, một phần cũng là quy luật của tồn tại. Nhưng bản thể thanh tịnh và hòa hiệp tạo thành tồn tại của Tăng mà đức Phật thiết lập thì không hề dao động, không hề biến đổi. Khi duyên hội, các pháp tự thành. Nhưng duyên hội không hoàn toàn ngẫu nhiên mà không có cộng đồng giao hưởng bởi tâm tư hay ước vọng của chúng sinh. Cho nên, trong mùa an cư năm nay, tôi thành tâm cầu nguyện uy lực Tam bảo gia trì hộ niệm cho bốn chúng đệ tử hội đủ thiện duyên, bỏ bớt dần những vọng tưởng trần lao, xa dần những bận ba thế tục, chuyển tu giới định huệ, hướng tâm nguyện đến sự tồn tại chói sáng của Tăng già từ bản thể thanh tịnh và hòa hiệp. Có như thế, Phật pháp mới là nguồn suối an lạc, Tăng-già là tiêu chỉ cho một xã hội đạo đức và trật tự. Bốn chúng đệ tử Phật như thể cùng góp công đức kiến tạo thế giới hòa bình, cho dân tộc an lạc và tăng tiến.

Cầu nguyện cho tất cả chúng đệ tử Phật cùng học cùng tu, cùng tôn thờ một đấng Đạo Sư, cùng sống hòa hiệp như nước với sữa, như thể mới tìm thấy sự an lạc trong Chánh pháp.

Nam Mô Trung Thiên Giáo Chủ Điều Ngự Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Tu Viện Nguyên Thiều. Phật Đản Năm Giáp Thân
Tỳ kheo Thích Huyền Quang





MINH ĐỨC TRIỀU TÂM ẢNH

Tôi tìm Phật



1-

"Nhược dĩ sắc kiến ngã
 Dĩ âm thanh cầu ngã
 Thị nhân hành tà đạo
 Bất năng kiến Như Lai"
 Câu kệ ngôn xưa
 Tôi đọc mãi, tụng hoài
 Qua tháng qua năm
 Tuổi tác chất đầy
 Mà vẫn không bao giờ thuộc được
 Tôi đã từng đi tìm ngài
 Qua nguy nga chùa tháp
 Tượng đài vàng son
 Điểm ngọc, đeo châu
 Từ kinh thành phố hoa
 Đến đô thị sắc màu
 Chân dung Phật thật huy hoàng tráng lệ
 Ngài ngồi trên bảo đài cao
 Uy nghi chín bệ
 Long phục, hổ châu
 Hàng quý, độ ma
 Ngài phóng hào quang
 Xuyên cõi ta bà
 Oai nhiếp thần linh
 Đoạt quyền Thượng Đế
 Cứ mỗi độ Vesak
 Là tung bừng khắp năm châu bốn bể
 Nhân loại lại reo hò đại lễ tôn nghinh
 Cờ phướn, đèn hoa phát phối, lung linh
 Nhã nhạc, trầm hương
 Vũ ca diều dật!
 Đây có phải là chúng ta đi tìm Phật?
 Khi chúng sanh đang thống khổ, tai ương
 Khi đạo đức tan hoang, đồ võ thê lương
 Khi khủng bố, chiến tranh, điêu tàn nhân lý
 Ngài đâu cần nhân gian tôn xưng, cổ súy
 Đâu cần phù hoa sắc tướng tri ân
 Mỗi người hãy tự tu
 Tự ngắm bóng mình
 Để thấy rõ tham sân chướng dày bản ngã
 Mặt nạ hư dối đã tráo lăm bao độ
 Quá dày sâu không thấy rõ thực hư
 Phật không thể ngồi trong điện các kim châu
 Cũng đâu muốn chốn chốn già lam
 Hoành tráng, lớn to

Để nhân huy chương, kỷ lục
 Để tử sa-môn chỉ cần cội cây, lều trống
 Ôm bát xin ăn, dị giãn thanh bản
 Manh áo cà sa chỉ để che thân
 Đâu phải là tỷ phú, đại gia mà cao sang, kiêu cách
 Đâu phải đại đế, tiểu vương
 Mà lễ nghi phục dịch
 Chân đất đầu trần, tuệ đức gương trắng
 Buông bỏ, xả ly cả mây vi trần
 Không dính bụi
 Khi huyền thân trả về cho cát bụi
 Hạt xá-lợi là ngọc
 Được kết tinh từ vô biên trí giác
 Từ vô biên hỷ xả từ bi
 Có hành, có tu mới biết có gì
 Đi tìm Phật khỏi thấy mình lạc lối
 Tôi đã mê si, vô minh mà dậm trần dong ruổi
 Chạy đuổi theo bóng sắc của ma vương
 Những cám dỗ kiêu sa
 Những ảo ảnh mê trần
 Ngoại tướng là thiên cung
 Nhưng bên trong là địa ngục
 Bây giờ tôi đã tỉnh thức
 Mong thế gian cùng tỉnh thức
 Để trở về giác niệm quy y!

2-

Câu kệ ngôn xưa
 Nguyên ngữ nói gì
 "Nhược dĩ sắc kiến ngã
 Dĩ âm thanh cầu ngã
 Thị nhân hành tà đạo
 Bất năng kiến Như Lai"
 Tôi đã từng thơ, văn giỡn chữ, khoe tài
 Cũng đã từng mỹ ngôn
 Đăng đàn thuyết giáo
 Những băng đĩa âm thanh tuyệt hảo
 Những video giảng nói hùng hồn
 Những báo đài âm ỉ phô trương
 Đức Phật hôm nay cũng phải tiếp thị trường
 Cũng buôn bán âm thanh
 Cho người người tìm Phật
 Đàn sáo, nhạc ca, hát ngâm xảo thuật

Mê ly lòng người
 Đắm đuối kẻ "chân tu"
 Tôi đã từng bỏ trí, theo ngu
 Chạy theo ngôn lời chấp chùng khái niệm
 Đi tìm Phật
 Lại rơi vào thanh tướng
 Quyết "xao thôi" chữ nghĩa cho hay ho
 Sự thực một ly
 Là ngàn dặm xa bờ
 Ngón tay chỉ không còn là mặt trăng
 Mà thấy toàn xanh đỏ
 Thấy của phái này, của hệ kia
 Của mưu đồ vị kỷ
 Của tông môn mình
 Của tử đệ đồng trang
 Ai cũng là chân sư, đạo sư, giáo chủ vênh vang
 Ai cũng nắm chân lý trong tay
 Ai cũng là thánh nhân
 Vì thương đời mà ra tay cứu độ!
 Nào thông điệp
 Nào tuyên ngôn rộn ràng dâu bể
 Nói rồi xong theo ước lệ đời thường
 Nói rồi vỗ tay
 Đoàn kết, yêu thương
 Như ngọn gió xao qua rồi mất
 Như chữ nghĩa, ngữ ngôn, âm thanh
 Đã hiển bày sự thật!
 Ôi!
 Có vị hiền đức đã nói:
 "Tri giả bất ngôn,
 Ngôn giả bất tri"
 Biết bao năm đi tìm Phật
 Mà tôi lại chạy đuổi theo thơ phú ca từ
 Nói quá nhiều
 Có nghĩa là đa ngôn đa quá
 Nói nhiều thì lỗi nhiều
 Nguyên ngôn càng xa lạ
 Chỉ chứng tỏ sự nghèo nàn trí tuệ trong tôi
 Lại còn tán hay, tụng giỏi, xướng tài
 Chuông mõ dặt dìu
 Cầu mong chánh giác
 Tôi cũng đã từng
 Mải mê âm thanh, sắc tướng
 Mà bỏ quên giác niệm từng giờ
 Mà bỏ quên tự tánh quy y
 Tâm mình là Phật!



3-
 "Nhược dĩ sắc kiến ngã
 Dĩ âm thanh cầu ngã
 Thị nhân hành tà đạo
 Bất năng kiến Như Lai"
 Do vậy, hôm nay
 Tôi cố gắng học thuộc bài
 Câu kệ ngôn từ ngàn cao sương khói
 Câu kệ ngôn vượt muôn trùng bóng tối
 Để trở về tạo ngộ chân tâm
 Vesak đã về đây
 Tôi lặng lẽ âm thầm
 Trong căn phòng nhỏ xa quê
 Đốt một thoi trầm
 Rời trầm tư, mặc tưởng
 Rời toạ thiền
 Rời rời xa âm thanh, sắc tướng
 Rời xa đảo điên, thế mộng phù du
 Tôi đã từng bị bản ngã nhốt tù
 Bản ngã lợi danh, kiêu căng, vị kỷ
 Quyết học cho thuộc
 Bài kinh về "lửa"
 Lửa đã cháy rồi
 Từ mắt tai mũi lưỡi
 Lửa đã cháy rồi
 Từ sắc thanh hương vị giác
 Lửa đã cháy rồi
 Địa đại, thiên hà
 Ba cõi cháy rồi đốt bạn, đốt ta
 Đốt cả nhân vui, lạc an tâm lý
 Đốt cả quý vương, dạ xoa, ma mị
 Đốt cả rồi
 Để thấy rõ duyên khởi tánh không
 Từ tánh không
 Có bóng Phật trắng lòng
 Trời chân đế
 Tao phùng trong từng hơi thở một
 Tôi đi tìm Phật
 Biết bây giờ là thật
 Trong cô liêu
 Chỉ có Phật của lòng tôi
 Để nguyên ngôn chẳng hiện chữ lời
 Chim bay trên trời kia
 Đám mây trắng thông dong kia
 Cùng vô tâm xoa dấu!
 Đức Phật của tôi
 Vẫn xán lạn
 Triệu triệu huy quang tinh dầu!

Chùa Hương Đạo
 Fort Worth - Dallas - Texas

TRÁCH NHIỆM THUỘC VỀ BẠN

YOU ARE RESPONSIBLE

Tác Giả: **VEN. DR. K. SRI. DHAMMANANDA**

Người Dịch: **H. T. THÍCH TRÍ CHƠN**

(tiếp theo kỳ trước)

PHƯƠNG CÁCH LÀM GIẢM NHỮNG KHỔ ĐAU CỦA BẠN

2. Trách nhiệm về sự an lạc nội tâm

Sự thanh tịnh và an lạc nơi tâm bạn có thể được kéo dài hay chóng tan biến tùy thuộc quan niệm tinh thần của bạn. Sự an lạc nơi tâm bạn có thể duy trì với sự chế ngự và diệt trừ tâm kiêu mạn của bạn. Nếu bạn bám chặt vào bản ngã sai lầm và bảo thủ một thái độ tiêu cực, tâm bạn sẽ bất an và gặp khó khăn ngay. Trong nỗ lực phát triển quyền lợi hẹp hòi và mục tiêu ích kỷ của mình, bạn sẽ tạo nên sự khổ đau cho những kẻ khác và gây tai hại cho chính bạn. Trái lại, không chú ý đến ngoại cảnh, bạn có thể tìm thấy hạnh phúc qua sự duy trì cái tâm bình an với thái độ tích cực.

Và trạng thái hạnh phúc ấy bị mất đi chỉ vì bạn đã để cho ngoại cảnh phá hủy nó.

Chẳng hạn, chúng tôi giả thiết rằng có người chỉ trích bạn hay việc làm của bạn. Gặp trường hợp ấy, bạn thường cảm thấy mình bị sỉ nhục. Bản ngã của bạn có thể bị tổn thương. Nhưng trước khi để cho ý tưởng đó phát sinh, bạn nên khách quan xem xét sự phê bình đó. Một cách, nếu sự phê bình đưa ra với thiện chí và nhằm mục đích xây dựng, bạn nên chấp nhận việc chỉ trích ấy trong niềm tin tưởng tốt đẹp và dùng nó một cách hữu ích cho việc tự cải thiện chính mình. Trái lại, nếu sự chỉ trích đó là vô căn cứ, bất công với ác ý, bạn không có lý gì để nổi giận và oán thù. Khi sự chỉ trích không đúng sự thật, bạn đừng nghĩ đến nó và bạn sẽ không bị bắt buộc chấp nhận điều ấy.

Bạn nên có thái độ như thế đối với mọi sự chỉ trích - xây dựng hay phá hoại. Nếu bạn hành động với tâm thành và việc làm của bạn được tán dương bởi các thiện hữu trí thức, bạn đừng nên thối chí không làm các việc phước ấy vì sự nói xấu của kẻ khác. Hãy yên lòng tin theo giáo pháp chân thực sau đây như sự ủng hộ cho bạn. Đó là lời đức Phật dạy: "Kẻ ác hại người hiền, thanh tịnh không cầu uế, tội ác sẽ trở lại kẻ làm ác như ngược gió tung bụi". Và bạn sẽ cảm thấy không ai hại được mình, trừ phi bạn tự gây ra để cho kẻ khác làm điều ấy.

Lại nữa, thái độ tinh thần của bạn đối với người khác có thể quyết định kết quả mà kẻ đó đáp trả lại bạn. Nếu bạn tỏ ra có lòng thương và tử tế với người khác, bạn sẽ nhận lại nơi họ tình thương và lòng tốt ấy. Nhưng nếu bạn tỏ vẻ oán giận người nào, kẻ ấy sẽ thù ghét lại bạn. Bạn đừng mong nhận lại tình thương thay cho oán hận, giúp đỡ thay cho ích kỷ, và thiện tâm thay cho ác ý.

Bạn chịu trách nhiệm về sự xây dựng và phát triển những liên hệ thân hữu với kẻ khác hầu giúp bạn có được sự an lạc chứ không phải khổ đau.

3. Đừng so sánh cao hơn, ngang bằng và thua kém

Bạn có thể tránh được những khó khăn và lo âu không ích lợi nếu bạn kiềm chế không so sánh mình với kẻ khác. Hành động so sánh tự nó có thể không sai quấy nếu việc làm ấy giúp bạn trở nên đạo đức hơn trong ý tưởng và cao thượng hơn trong hành động. Nhưng, rất thường xảy ra, khi bạn so sánh mình với người khác để xem ai "vượt trội hơn" sẽ dẫn đến việc suy nghĩ và lo âu không cần thiết. Nếu bạn thấy rằng bạn hơn người ta, bạn có thể trở nên kiêu ngạo. Nếu bạn cho rằng mình bằng kẻ khác, bạn có thể tự mãn và sanh tâm biếng nhác. Nếu bạn có ý tưởng mình thua kém người ta, bạn có thể trở thành rụt rè và tiêu cực. Cho nên, để tránh có trạng thái tinh thần thụ động ấy, bạn đừng nên so sánh mình với bất cứ ai.

Tốt hơn, bạn cần hiểu rằng sự vượt trội, ngang bằng hay thua sút người ta đều là những tình trạng tương đối, và chúng luôn luôn biến đổi theo thời gian. Trong vòng sanh tử luân hồi bất tận, trải qua nhiều kiếp sống, chúng ta đã từng có địa vị cao sang ngang bằng và thua kém lẫn nhau. Lúc này bạn có thể là kẻ ăn xin, nhưng khi khác bạn trở nên người phú quý.

4. Đừng hy vọng gì cả, bạn sẽ không gặp buồn phiền

Mọi người đều hy vọng rằng một ngày nào đó, ước nguyện của họ sẽ được thành tựu. Niềm hy vọng thúc đẩy con người không ngừng cố gắng vươn lên đối đầu với những khó khăn và thất bại để họ có thể đạt đến mục tiêu cao cả hơn. Ước mong thành tựu giấc mơ của mình trong tương lai giúp con người vui vẻ lạc quan.

Tuy nhiên, khi con người vươn lên với niềm hy vọng và bắt đầu mong cho mọi việc xảy ra theo ước muốn của mình, họ sẽ gặp nhiều phiền muộn. Họ làm lành chỉ vì mong có được sự khen thưởng hay đền trả. Và nếu phần thưởng ấy không đến, họ trở nên dè dặt khi làm các việc thiện.

Khi bạn làm điều tốt, bạn nên hành động vì lợi ích cho kẻ khác. Hạnh phúc phát sinh nơi lòng mình ngay lúc bạn làm việc lành, tự nó, là một phần thưởng to lớn. Để có an vui, bạn nên vượt lên trên ý muốn nhận lại sự trả ơn từ kẻ khác cho mỗi việc làm phước của bạn.

Trong bất cứ xã hội nào, sự biết ơn là một đức tính quý báu. Đó là lý do tại sao bạn nên ghi nhớ lòng tốt và sự giúp đỡ mà người khác đã giúp cho bạn. Đức Phật dạy lòng tri ân là một phúc lành to lớn, một đức hạnh cao quý cần nên phát triển.

Khi bạn hành động giúp kẻ khác, cố gắng đừng mong chờ sự trả ơn để bạn khỏi gặp những điều phiền não. Nếu bạn hy vọng tức bạn đang đặt hạnh phúc của bạn ở trong tay những người mà lúc nào họ



cũng muốn quên điều ơn nghĩa. Khi họ tỏ ra bội phản, bạn nên chấp nhận với thiện tâm sự vong ân đó. Trường hợp họ nhớ ơn bạn, nên xem đó như một phần thưởng tạo cơ hội để bạn tích cực giúp đỡ cho kẻ khác. Nếu bạn làm được như vậy, bạn sẽ tìm thấy hạnh phúc cho dù việc làm phước của bạn có được người ta nhớ hay không.



WAYS TO REDUCE YOUR TROUBLES

2. Responsibility for inner peace

The calm and peace within a person's mind can either be prolonged or dissipated depending on his mental attitude. His inner peace can be maintained with self-surrender and the casting away of pride. If he were to cling to the false ego and maintain a negative attitude, trouble and an unsettled mind soon result. In his effort to promote his selfish goals and narrow interest, he makes himself unbearable to others and brings harm to himself. On the other hand, regardless of external conditions, a person can have happiness through maintaining a balanced mind and a positive attitude. And that happy state is lost only because he allows external conditions to upset it.

For instance, let us assume that criticism has just been made about you or your work. Very often in such a situation you may feel insulted. Your ego may be damaged. But before you let such thought to arise, examine that criticism objectively. On the one hand, if the criticism given is well-founded and arises with good intention, you should accept that criticism in good faith so as to use it constructively for self improvement. On the other hand, if it is unjust, ill-founded and given with bad intention, there is still no reason to lose your temper and retaliate. Just ignore the criticism since it is untrue and you are under no obligation to accept it.

Such should be your attitude towards all criticism constructive or negative. If you have acted with sincere motives and your actions are commended by the wise, then you should not be deterred from performing good works because of an unkind tongue. Take comfort by following the Dhamma (truth) which will be your protection. The Buddha said: "Whoever harms a harmless person, one pure and guiltless, upon that very fool evil recoils like fine dust thrown against the wind." And you will not feel hurt unless you allow others to succeed in doing it.

In addition, the mental attitude you have towards others can determine the attitude you receive in return. If you show love and kindness to others, you will receive that love and kindness reflected back to you. But if you show hatred, then hatred will

be your only reward. Do not expect to receive love in return for hatred, charity for selfishness, and sympathy for thoughtlessness.

You are responsible for creating and promoting good relationships with others so that peace rather than trouble will prevail.

3. Superiority, Equality and Inferiority

You can avoid having unnecessary worry and trouble if you refrain from comparing yourself with others. By itself the act of comparison may not be wrong if it inspires you to become wiser in thought and nobler in deeds. But, too often, comparing yourself with others to see who is "superior" leads to conceit and unnecessary worry. If you think you are better than others, you may become proud. If you think you are equal to others, you may become complacent and stagnate. If you think you are inferior to others, you may become timid and helpless. Therefore to avoid having such negative mental states, refrain from making comparisons.

It may be useful to remember that superiority, equality, and inferiority are relative states which change constantly with time, place and circumstances. In the endless rounds within the ocean of life and death (samsara), we have all been superior, equal and inferior to one another at different times. At one time you may be a beggar, while at another a rich man.

4. Expect nothing and you cannot be disappointed

Everyone has hopes that his wishes will be fulfilled someday. It is hope that gently persuades a person to strive onwards unrelentingly in the face of difficulties and failure in order that he may reach to greater heights. This expectation of the fulfillment of his dreams in some distant future keeps him bright with optimism.

However, when a person goes beyond mere hoping and begins to expect things to happen according to his wishes, he is in for disappointments. He does good only because he expects some reward or reciprocal action. And if that reward is not forthcoming, he becomes disillusioned with performing good works.

If you do good, then do it for the sake of doing service to some fellow being. The happiness which arises in your mind together with the performance of the deed is itself a big reward. To be happy, you should transcend the desire of getting gratitude from others for each deed performed.

In any society, gratitude is a rare virtue. This is the reason why you should remember the kindness and assistance others have given you. The Buddha considered gratitude to be a great blessing, a positive quality to develop.

But if you have rendered help to others, try not to expect gratitude in order to avoid disappointments. If you do, then you are placing your happiness at the mercy of others who are inclined to be forgetful. If they fail to show gratitude, learn to accept such "forgetfulness" in good spirit. If they do remember your kindness, then treat it as a bonus in addition to the opportunity you have of serving others. If you do this, then you can be happy regardless of whether your deeds are remembered or not.

(to be continued...)

**LỄ HỘI PHẬT ĐẢN PL. 2558 DO GHPGVNTN HOA KỲ VÀ CỘNG ĐỒNG PGVN NAM CALIFORNIA
TỔ CHỨC TẠI THÀNH PHỐ WESTMINSTER, CALIFORNIA, NGÀY 3 & 4 THÁNG 5.2014**



Dai Le Phat Dan 2014 - HoPhap.net



Dai Le Phat Dan 2014 - HoPhap.net



Dai Le Phat Dan 2014 - HoPhap.net



Dai Le Phat Dan 2014 - HoPhap.net



Dai Le Phat Dan 2014 - HoPhap.net



Dai Le Phat Dan 2014 - HoPhap.net



Dai Le Phat Dan 2014 - HoPhap.net



Dai Le Phat Dan 2014 - HoPhap.net

Photos: Hophap.net

**LỄ HỘI PHẬT ĐẢN PL. 2558 DO GHPGVNTN HOA KỲ VÀ CỘNG ĐỒNG PGVN NAM CALIFORNIA
TỔ CHỨC TẠI THÀNH PHỐ WESTMINSTER, CALIFORNIA, NGÀY 3 & 4 THÁNG 5.2014**



Photos: Dzũng Nguyễn

BỒ TÁT THÍCH QUẢNG ĐỨC NGỌN LỬA TỪ BI VÀ TRÁI TIM BẤT DIỆT

Thích Nguyên Siêu

(Bài tham luận, thuyết trình trong Ngày Về Nguồn -- Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư lần VII)

Kính bạch chư Tôn Đức Tăng già,
Kính thưa chư vị Thiện Hữu tri thức,

Lễ hiệp kỳ Lịch Đại Tổ Sư lần thứ VII, được tổ chức tại chùa Cổ Lâm, Seattle, tiểu bang Washington, đông đảo chư Tôn Đức Tăng Ni và thính chúng, đã hoan hỷ câu hội trong tinh thần tương kính, tương thuận, tương giáo, tương sám như Luật dạy, cũng như pháp hòa kính, cộng trú mà hành Phật sự khắp mọi miền trên các quốc gia - Châu lục. Cũng như giữ gìn và phát huy bản thể của Tăng Già để làm điểm tựa sức sống trên bản nguyện thượng cầu hạ hóa.

Hôm nay trên tinh thần đó, chúng ta hãy chiêm nghiệm lại hành trạng và tinh thần tu chứng của Bồ Tát Thích Quảng Đức. Một con người bằng xương, bằng thịt, nhưng đã tích lũy công đức tu hành để có trái tim bằng kim cương bất hoại, được đốt cháy bằng ngọn lửa Từ Bi, trong ý thức bảo tồn, thăng hoa cuộc sống công bằng, bình đẳng và nhân bản.

I. Thân Thế Và Hạnh Nguyện Tu Trì:

Bồ Tát Thích Quảng Đức pháp danh Thị Thủy, pháp tự Hành Pháp. Thế danh là Lâm Văn Tuất. Sinh năm 1897 tại làng Hội Khánh, quận Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Từ thuở nhỏ Bồ Tát xuất gia với Hòa Thượng Thích Hoằng Thâm là bốn sư cũng là cậu ruột. Bồ Tát được Hòa Thượng nhận làm con nuôi nên đặt tên là Nguyễn Văn Khiết. Năm 15 tuổi Bồ Tát thọ Sa Di. Năm 20 tuổi thọ Cụ túc giới.

Sau khi thọ giới xong Bồ Tát vân du hóa độ, Bồ Tát đã ẩn tu trong núi trọc 3 năm tại Ninh Hòa cho đến ngày hoàn mãn, Ngài đến Nha Trang cũng như các vùng phụ cận, từng bước chân hóa duyên, một mình bằng hạnh Đầu đà rày đây mai đó để làm điểm tựa và xây dựng niềm tin Phật Pháp kiên cố cho người Phật tử cư sĩ tại gia.

Vào năm 1932, khi Hội An Nam Phật Học ra đời, quý Ngài đã cung thỉnh Bồ Tát trong ngôi vị chứng minh Đạo sư cho Chi Hội Phật Giáo Ninh Hòa và sau đó kiêm nhiệm vai trò kiểm Tăng trong tỉnh Khánh Hòa. Trong thời gian làm Phật sự, hoằng pháp lợi sanh các tỉnh miền Trung Bồ Tát đã kiến tạo hoặc



trùng hưng tất cả là 14 ngôi tự viện.

Công đức tu hành và nhân duyên hóa độ tùy duyên, năm 1934, Bồ Tát rời miền Trung để vào miền Nam tiếp tục trên con đường hoằng dương Phật pháp nơi đây. Bồ Tát đã làm Phật sự khắp miền Nam Việt Nam. Nơi nào có nhân duyên giáo hóa, Bồ Tát đều hóa thân phụng sự mà không phân biệt, vô thường, vô cầu. Do vậy, Bồ Tát cũng đã đến Campuchia để tham vấn, nghiên cứu kinh điển Pali Theravada. Con đường hoằng dương chánh pháp từ lúc thiếu thời

ở miền Trung nước Việt, Bồ Tát đã hoàn thành sự mạng của bậc chân tu thực đức như thế nào thì vào miền Nam Nam Việt Bồ Tát vẫn đi trên con đường kiến lập đạo tràng, trùng hưng tự viện như vậy. Do đó, nơi đây Bồ Tát đã khai sơn trùng tu là 17 ngôi Chùa. Tổng cộng tất cả hai miền Trung Nam là 31 ngôi Già Lam hiện còn. Ngôi chùa cuối cùng, Bồ Tát trụ trì là chùa Quan Thế Âm, địa chỉ: **68 Nguyễn Huệ, quận Phú Nhuận Gia Định. Nay đổi lại tên của Bồ Tát là Thích Quảng Đức.**

Vào ngày 20 tháng 4 nhuận, Quý Mão, nhằm ngày 11 tháng 6 năm 1963, trong cuộc đấu tranh của Phật Giáo, nhằm đòi hỏi công lý, lẽ phải và bình đẳng tôn giáo, Bồ Tát đã nhận thấy được đầu là chánh pháp, đầu là thể lực vô minh tham vọng, bá quyền, Bồ Tát đã phát nguyện thiêu thân để bảo tồn chánh pháp. Để soi sáng lương tâm, lương tri chế độ đương thời. Tu hạnh Bồ Tát nên Bồ Tát đã thể hiện ước nguyện Bồ Tát bằng hành động của con đường Bồ Tát tự tắm xăng ướt hết mấy lớp y hậu, rồi thiêu tọa tại ngã tư Phan Đình Phùng, Lê Văn Duyệt giữa hàng hàng lớp lớp chư Tôn Đức Tăng Ni, công an, cảnh sát, tự tay bật lửa thiêu thân.

Từ tinh thần Đại hùng, Đại lực, Đại Từ Bi, đốt thân mình làm ngọn đuốt thiêu soi sáng lương tri nhân loại. Thì cũng bằng tinh thần Đại Xả, Đại Hạnh, Đại Nguyện Bồ Tát đã khuyến tấn bằng lời nói Từ Bi vô phần biệt: "Trước khi nhắm mắt về cảnh Phật, tôi trân trọng kính gởi cho tổng thống Ngô Đình Diệm, nên lấy lòng bác ái, Từ Bi đối với quốc dân và thi hành chính sách bình đẳng Tôn giáo để giữ vững nước nhà muôn thuở... Tôi tha thiết kêu gọi chư

Thượng tọa, Đại Đức Tăng Ni, Phật tử nên đoàn kết nhất trí, hy sinh để bảo tồn Phật Giáo.”

II. Ngọn Đuốc Thiêng Được Đốt Lên Bằng Định Lực Và Lời Nguyên:

Trước tình huống dầu sôi lửa bỏng, chư Tôn Đức Tăng Ni bị chính quyền Ngô Đình Diệm đàn áp khốc liệt, ngày càng nghiêm ngặt. Các ngôi chùa miền Trung - Huế, đến An Quang, Xá Lợi, Sài Gòn, đầu đầu cũng đầy màu tang tóc. Tiếng gào thét, lời rên xiết kêu la trong những trận tấn công của chính quyền bằng dùi cui, mã tấu, lựu đạn đến chư Tăng Ni, Phật tử, sinh viên, học sinh. Hình ảnh ấy in sâu vào tâm thức của Bồ Tát. Cái gì đến thì đã đến: đến bằng hạnh nguyện Từ Bi cứu khổ độ đời. Đến bằng Đại Hạnh Phổ Hiền. Bằng Đại Bi Quan Âm. Bằng Đại nguyện Địa Tạng Bồ Tát. Nơi chánh điện chùa An Quang. Bồ Tát nhất tâm thọ trì Kinh Pháp Hoa để giữ tâm được tươi mát và kiên định ước nguyện được viên mãn. Bồ Tát lên chánh điện chùa An Quang trong giờ tịnh độ, khóa lễ xong, Phật tử ra về, khi ấy Bồ Tát nói với Thầy Huệ Thới và Thầy Đức Niệm:

“Vị đại chúng, tôi xin hiến thân giả huyền để cho pháp nạn được giải thoát. Ngày mai này tôi sẽ từ giả cõi đời, hẹn gặp hai Thầy ở cảnh giới cực lạc của Đức Phật A Di Đà, sau khi tôi tự thiêu để hiến dâng cho Phật Pháp, xin các Thầy lưu ý, vì tôi không thể trực tiếp nói với các vị lãnh đạo:

- **Thứ nhất:** Sau khi thân tôi thiêu thành tro bụi sẽ lưu lại trái tim cho đời, thì đó là kết quả tốt đẹp về lời phát nguyện của tôi hiến dâng thân này cho Đạo pháp và đó cũng là thành quả tu hành của tôi.

- **Thứ hai:** Khi tôi thiêu, nếu tôi chết trong tư thế nằm ngửa thì nguyện vọng Phật Giáo sẽ thành công, các Thầy cứ tiếp tục tranh đấu. Ngược lại nếu tôi chết nằm sấp thì các Thầy nên tìm cách đi ra các nước Miên, Lào, Thái... để mà tu, nguyện vọng tranh đấu của Phật Giáo không thành.

- **Thứ ba:** Ngày di quan tài của tôi, nếu quý Thầy có cảm thấy triệu chứng gì là lạ, có thể là ngủ mộng thấy, có thể là cảm giác hay triệu chứng gì thì nên đình chỉ ngay, dời việc di quan ra ngày khác.”

Để chứng minh ba điều mà Bồ Tát Thích Quảng Đức cho biết trước hôm tự thiêu đó là:

- **Thứ nhất:** Bồ Tát tự thiêu xương thịt cháy hết chỉ có trái tim đốt, sức nóng lên đến 4.000 độ mà không cháy.

- **Thứ hai:** Thân Bồ Tát ngã xuống và nằm ngửa tư thế viên tịch đúng như lời Bồ Tát nói trước hai Thầy Huệ Thới và Đức Niệm.

- **Thứ ba:** Giờ di quan đồng bào Phật tử được thông báo của Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo. Buổi trưa hôm ấy Phật tử thấy một số người mặc sắc phục đen từ những bờ ruộng đi lên gỡ những quả mìn đã đặt lúc nào trên đường dẫn đến lò thiêu An Dưỡng Địa.

Từ những lời nguyện sắt son vì Phật pháp mà Bồ



Tát đã biết trước những gì sẽ xảy ra đúng như tâm nguyện của mình mà nói trước cho quý Thầy nghe để chứng minh lời nguyện sắt son ấy. Đồng thời vì định lực, mà Bồ Tát đã chuyển nghiệp chung của Phật Giáo đồ Việt Nam từ sự nguy nan chuyển thành sự bình an, lợi lạc. Và nhất là Bồ Tát đã để lại Trái Tim Bất Diệt để chứng minh một cách hùng hồn trên tinh thần tu tập - Tam Vô lậu Học, như Giới sanh Định, như Định phát Huệ, để đi thẳng vào lòng người mà hóa giải mọi sự phân tranh, oán tắng. Ngọn lửa Từ Bi và Trái Tim Bất Diệt của Bồ Tát đã thu hút hàng tỷ người trên thế giới theo dõi, dù người đó là Phật tử hay không Phật tử. Tất cả ai cũng đồng ý rằng, một chế độ bạo tàn phi nhân không thể tồn tại trước lẽ phải và sự thật. Đây là một bài học chung cho mọi quốc gia, dân tộc trên thế giới, hãy lấy đó mà chiêm nghiệm cho bản thân để hành xử đúng thì tồn tại mà hành xử sai sẽ diệt vong.

III. Những Nguồn Tin Và Nhận Định Chung

- **Thứ nhất:** Ký giả Nữ Ước Thời Báo (New York Times) David Halberstam đã tường thuật một cách ngạc nhiên và kính nể: “Tôi đã được thấy cảnh tượng ấy, nhưng chỉ một lần đã quá đủ. Lửa phủ khắp người, thân từ từ khô lại, đầu cháy nám, không khí bay mùi khét thịt, thân hình chìm trong lửa đỏ thật kinh ngạc. Phía sau tôi có thể nghe tiếng khóc của những người đang đứng vây quanh và một số lần lượt kéo đến. Tôi quá xúc động khóc không nên lời, quá bàng hoàng để ghi chép hoặc hỏi vài câu, quá bối rối để suy nghĩ... chìm trong biển lửa nhưng ngài vẫn bất động, thịt gân không nhúc nhích, không một tiếng rên la, thân ngã xuống, những người đang đứng xung quanh òa khóc.” (*)

- **Thứ hai:** Quảng cáo trên New York Times và Wasinhton Post... ký giả kiêm nhiếp ảnh gia Malcolm W. Broure viết: “Những bức hình mà tôi chụp về cái chết của Hòa thượng Quảng Đức đã trở thành một sở hữu vật của người ta gởi đi khắp cùng thế giới. Những bức hình đó mang nhiều ý nghĩa tùy theo cái nhìn và mục đích sử dụng của mỗi người.” (*)

- **Thứ ba:** Báo Le Monde, Pháp: “Trước hành động tự thiêu để đấu tranh, kẻ tàn bạo nhất cũng phải chùn bước.” (*)

- **Thứ tư:** Báo Journal de Geneve tại Thụy Sĩ: “Người ta có thể tuyên truyền rằng đó chỉ là cuộc nổi loạn của phe đa số khắc khổ kiểm chuyện, vì chính phủ chỉ là một thiểu số bó kết chặt chẽ với nhau mà bộ tịch lại vĩnh vảo và cứng nhắc. Những việc phải hy sinh vì chính pháp của Hòa Thượng Thích Quảng Đức lại cho thấy rằng Phật Giáo Việt Nam đang phải bảo vệ nếp sống và tư tưởng của họ.” (*)

- **Thứ năm:** Tôi (Bùi Kha) Có người quen ở Orange County cho biết, cách đây gần hai mươi năm, ông Ngô Đình Trác, con trai của bà Ngô Đình Nhu ở tại Pháp cùng với nhà thơ Du Tử Lê đến chùa Việt Nam Los Angeles, California lúc 2 giờ khuya để gặp Hòa Thượng Thích Mãn Giác. Hòa Thượng tiếp đón vui vẻ. Sau khi thắp hương và lễ Phật, Ông Ngô Đình



Trắc thưa rằng: "Mạ con biểu con qua gặp Hòa thượng và xin Hòa thượng trình lại với Giáo Hội Phật Giáo là Mạ con xin thay mặt gia đình xin sám hối những lời nói và việc làm trước đây đối với Tăng Ni và Phật tử Việt Nam..." (*)

- **Thứ sáu:** Mục sư Donald Harrington tại Nữ Ước: Buổi giảng trong thánh đường ở New York ngày 30-6-63: "Cách đây hơn hai tuần, vào ngày 11- 6- 63 có vị sư tên Thích Quảng Đức đã ngồi theo kiểu tọa thiền trên đường nhựa nóng. Trên

tay Người cầm một xâu chuỗi 45 hạt và bắt đầu niệm Phật, còn trên chiếc áo cà sa của Người thì đã tẩm xăng. Tất cả Tăng Ni lùi lại, kính cẩn, kính sợ, khách bộ hành nhận thấy một biển cổ phi thường gì sắp xảy ra nên tất cả đều dừng lại chờ đợi. Với vẻ thần nhiên, bình thản trên khuôn mặt, Ngài Quảng Đức niệm lớn "Nam Mô A Di Đà Phật". Thế rồi Người bắt một que diêm và ngọn lửa phừng phực phủ kín thân thể nhưng Ngài không hề rên la hay lay động. Người ngồi thẳng trong 10 phút, thân hình chìm trong lửa đỏ và khi lửa tàn, Người nằm xuống bất động."(*) Hòa thượng Thích Quảng Đức hy sinh đời mình bằng cách tự thiêu để thức tỉnh lương tâm của Tổng thống Diệm và lưu ý cho toàn thể giới.

- **Thứ bảy:** Tích Lan, bà Sirimavo Bardarenaike, thủ tướng Tích Lan vô cùng xúc động. Bà kêu gọi các nước theo Phật Giáo tại Á Châu ủng hộ Tích lan trong việc yêu cầu Liên Hiệp Quốc can thiệp vào vấn đề đàn áp Phật Giáo tại Việt Nam. Ngày 26-8-63 Hội Nghị Phật Giáo Tích Lan yêu cầu các đoàn thể Phật Giáo trên toàn quốc treo cờ rủ để tang các Phật tử hy sinh vì tín ngưỡng.

- **Thứ tám:** Tuyên bố của bộ ngoại giao Hoa Kỳ: "Căn cứ vào các tin loan đi từ Sài Gòn, rõ ràng chính phủ Việt Nam Cộng Hòa đã có những biện pháp đàn áp nghiêm khắc các lãnh tụ Phật Giáo Việt Nam. Hành động này là một vi phạm trực tiếp của chính phủ Việt Nam vào lời cam kết theo đuổi một chính sách hòa giải với tín đồ Phật Giáo. Hoa Kỳ phiến trách các hành động đàn áp loại này." (*)

- **Thứ chín:** Liên Hiệp Quốc, với những hình ảnh Phật tử Việt Nam bị đàn áp, bắt bớ, tù đầy bởi chính quyền Ngô Đình Diệm được đăng tải vào các trang nhất của hầu hết các báo khắp thế giới, tổ chức Liên Hiệp Quốc mở cuộc điều tra vào ngày 24.09.63. Mặc dù chính quyền Ngô Đình Diệm không cho Liên Hiệp Quốc đến những nơi cần điều tra. Nhưng cuối cùng phái đoàn đã thu thập đủ bằng chứng để kết luận rằng: "Phật tử Việt Nam bị chính quyền Ngô Đình Diệm kỳ thị, khủng bố, tra tấn, tù đầy, giết hại và bắt cải đạo trong nhiều năm qua." (*)

IV. KẾT LUẬN

Lịch sử Phật Giáo Việt Nam hai nghìn năm qua, khi lên thác, lúc xuống ghềnh, lắm khi còn lên đến khi nước nổi trôi, nhưng tính tự tôn, từ bản thể của Tăng Già, từ giá trị đặc thù của nền văn hóa giác ngộ đã un đúc và tác thành Tăng Già Việt Nam có dòng máu làm Phật, làm Tổ, làm Thánh Tăng, làm chư vị Thiền Sư... để hộ quốc an dân mà ngọt

Tìm Phật

*Hơn mười năm biệt xứ
Tìm Phật ở quê người
Lật từng trang kinh sử
Vẫn mù sương lòng con.*

thơ

*Hơn mười năm trăm trở
Tìm Phật, lại tìm con
Đôi theo từng hơi thở
Phật mỉm cười bên con.*

*Hơn mười năm trầm lặng
Tìm Phật giữa đời thường
Có buồn đau mới hiểu
Tắm lòng mẹ yêu thương.*

*Hơn mười năm trở về
Viết bài ca lưu lạc
Khúc ca mừng Vesak
Phật đàn giữa lòng con.*



MẶC KHÔNG TỬ

một dòng lịch sử thời nào cũng có.

Bồ Tát Thích Quảng Đức ở trong dòng máu làm Phật ấy. Bồ Tát hóa thân vào đời ác năm trước để hiển bày giá trị chân tu thật đức cho con người thấy, mà tự tôn trên lý tưởng giác ngộ.

Bồ Tát Thích Quảng Đức sống chung với thời đại ác, nhưng lòng Bồ Tát luôn Từ Bi để hóa độ người ác. Luôn thương tưởng đến người ác mà ban bố hạnh lành hầu hóa độ cho họ chuyển mê thành ngộ, chuyển phàm thành Thánh, chuyển ác tâm thành thiện tâm.

Bồ Tát Thích Quảng Đức thắp sáng ngọn lửa Từ Bi, từ nơi thân xác của Bồ Tát, chỉ vì người, quên thân mình để hộ trì chánh pháp, đây là một triết lý sống cao thượng, vị tha mà chỉ có hạnh nguyện Bồ Tát mới có.

Hôm nay Đại Lễ Hiệp Kỳ lịch Đại Tổ Sư - Ngày Về Nguồn lần thứ VII. Đại Giới Đàn Huyền Quang, kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Chùa Cổ Lâm, tất cả Tăng tín đồ nhất tâm dâng lễ hạnh nguyện độ đời kham nhẫn của Bồ Tát mà học đức tánh Từ Bi vượt thoát. Học trí tuệ siêu việt, tu chứng của dòng máu Tăng Già Việt Nam.

Thích Nguyên Siêu

(*) Trích dẫn từ trang mạng Tu Viện Hoa Sen www.thuvienhoasen.org : Ngọn Lửa Quảng Đức và Biển Cổ Phật Giáo 1963 Dưới Cái Nhìn Của Thế Giới - Bùi Kha.

TỪ BI LÀ MỘT PHƯƠNG THUỐC CHỮA TRỊ VÔ SONG

SOFIA STRIL-REVER
Hoang Phong chuyển ngữ

Lời giới thiệu của người dịch:

Bài viết dưới đây được dịch từ một bản tiếng Pháp mang tựa là *Compassion, medecin insurpassable* (Lòng Từ Bi, một vị lương y vô song) của một học giả Phật Giáo rất uyên bác là bà Sofia Stril-Rever. Bài viết này được đăng trên tập san Dharma số 46 (tháng 10, 2003) với chủ đề *Compassion et Médecine* (Từ Bi và Y Khoa), độc giả cũng có thể tra cứu bài viết này trên mạng internet tại: <http://www.buddhaline.net/La-compassion-une-energie-de>

Bài chuyển ngữ này là một trong loạt những bài với chủ đề "Quan điểm của Phật Giáo đối với sự đau đớn và bệnh tật". Các bài khác đã được phổ biến là:

- Đức Phật thuyết giảng về sự đau đớn (Kinh *Sal-latha Sutta*)
- Đức Phật từng cảm nhận các giác cảm đau đớn (Kinh *Sakalika Sutta*)
- Giáo huấn của Đức Phật về sự đau đớn và khổ đau (Rich Heller)
- Thái độ của người Phật Giáo về sự đau đớn (Ajahn Brahmavamso Mahathera)
- Cái chết là một thứ bệnh ung thư (Ajahn Liem)
- Y khoa cũng chỉ là cách luyện đan (Khyentsé Rinpoché)
- Không nên trì hoãn sang ngày hôm sau (Eihei Dogen)

Các bài trên đây cũng đã giúp chúng ta tìm hiểu phần nào quan điểm của Phật Giáo về chủ đề đau đớn và bệnh tật trong kinh sách cũng như của những vị tu hành thuộc các tông phái và học phái khác nhau, xuyên qua thời gian và từ các phương trời khác nhau. Bài chuyển ngữ này sẽ giúp chúng ta nhìn vào chủ đề trên đây qua lời văn bóng bẩy của một nữ học giả Phật Giáo là bà Sofia Stril-Rever. Bà là cháu của một nữ tu sĩ Thiên Chúa Giáo rất nổi tiếng là bà Emmanuelle, tốt nghiệp cử nhân văn chương tại đại học Sorbonne Paris. Bà Sofia-Rever cũng tốt nghiệp tại đại học này về văn minh Ấn độ, và là một chuyên gia về Phạn ngữ và Tây Tạng Học. Bà cũng là một văn sĩ và cũng đã từng viết chung với bà Sơ Emmanuelle một số bài viết. Thế nhưng bà lại tu tập theo Kim Cương Thừa với các nhà sư Tây Tạng rất lỗi lạc ở miền bắc Ấn và đã được thụ giới kinh *Thời Luân* (*Kalachakra*). Năm 1992 bà đã may mắn được gặp Đức Đạt-lai Lạt-ma và trở thành đệ tử của Ngài, và sau đó cũng đã viết chung với Ngài nhiều sách.



Bà Sofia Stril-Rever
(ảnh chụp trong một buổi phỏng vấn trên đài truyền hình Pháp)

TỪ BI LÀ MỘT PHƯƠNG THUỐC CHỮA TRỊ VÔ SONG

Sofia Stril-Rever

Hầu hết chúng ta nào có khác gì với thái tử Tất-đạt-đa (Siddhartha) trước khi bước vào Con Đường đưa đến Giác Ngộ. Chúng ta sống trong một khoảnh khắc thật ngắn ngủi, ngắn hơn cả một giấc mơ trong một lâu đài ảo giác.

Ngày xưa các bức tường của cái lâu đài ảo giác ấy cũng đã từng được thân phụ của một vị thái tử tên là Tất-đạt-đa, dựng lên ở miền bắc Ấn, thế nhưng các bức tường ấy nào có giúp cho vị thái tử ấy tránh khỏi khổ đau đâu. Ngày nay giữa thế kỷ XXI này, các bức tường ấy vẫn cứ tiếp tục được dựng lên, đây là những bức tường phi-vật-chất của sự trau chuốt cái tôi. Sự say mê trau chuốt ấy đã được đẩy mạnh đến độ trở thành cả một nỗi ám ảnh về một thân xác trẻ trung mãi mãi, một thứ thân xác được bơm bằng silicon, căng tròn và nhẵn thín, nuôi dưỡng bằng những thức ăn nhanh vội vã.

Nấp mình phía sau sự ám ảnh về vẻ xinh đẹp và sức khỏe dẻo dai của thân xác trẻ trung ấy, nào chúng ta có trông thấy được cái bản chất mong manh của những bức tường thành dựng lên từ sự bám víu vào cái tôi của chính mình. Sự mong manh ấy chỉ hiện ra với chúng ta khi các bức tường bắt đầu sụp đổ. Thường thì đây là lúc mà người khác báo cho biết là mình - hay một người thân của mình - đang vướng phải một căn bệnh ngặt nghèo.

Trong trường hợp ấy chúng ta cũng sẽ giống như thái tử Tất-đạt-đa khi bước ra khỏi tòa lâu đài của ảo giác, để trông thấy tận mắt bệnh tật, già nua và cái

chết. Chúng ta nào có được chuẩn bị trước đâu, chúng ta chỉ nhận thấy được hiện thực của khổ đau khi mà chính mình phải gánh chịu sự hành hạ của ốm đau.

Dù là các vị bác sĩ đã từng trông thấy khổ đau suốt những năm tháng dài khi còn đang học cho đến lúc hành nghề, thế nhưng không phải vì thế mà họ chấp nhận sự khổ đau dễ dàng. Chẳng qua vì sức mạnh của cơ chế đề kháng (*bản năng chống lại sự biến cải*) và thái độ ẩn nấp phía sau cái vỏ bằng thép của mình đã khiến họ cứ đứng vững tiếp tục sống bên cạnh khổ đau. Họ ngoảnh mặt đi trước những cảnh tượng ấy đến độ tạo ra cho mình một thái độ thật cứng nhắc trong việc chữa trị, không còn ý thức được là mình chỉ gây thêm khổ đau cho kẻ khác (*trong nguyên bản là acharnement thérapeutique/fiercely therapeutic*). Trong khi đó cũng có một con đường khác giúp đối đầu với hiện thực của khổ đau, đây là cách giúp mình dần dần biết đón nhận nó, chấp nhận nó để biến cải nó.

Nếu bước theo con đường này thì rồi thế nào chúng ta cũng sẽ gặp được những vị thầy giúp đỡ mình. Họ sẽ bảo cho mình biết rằng ốm đau thật ra là một món quà mà sự sống đã ban tặng cho mình. Nhà sư Lama Zopa Rinpoche còn đi xa hơn thế nữa khi cho rằng bị đau ốm cũng tương tự như được tham dự một khóa ẩn cư. Trong lúc ẩn cư ấy các bức tường thành bao bọc sự ích kỷ sẽ sụp đổ, giúp mình hòa nhập cái khổ đau trong nội tâm mình với những khổ đau đang xảy ra trong bối cảnh chung quanh. Chúng ta nào có khổ đau một mình đâu, chúng ta cùng khổ đau với tất cả chúng sinh. Đây mới đúng thật là thể dạng hiện thực của HHHHkhổ đau, và chính thể dạng đó sẽ đưa chúng ta bước vào con tim rộng mở của cả thế giới này.

Trong những lúc khó khăn xảy đến với mình, đòi hỏi mình phải có khả năng hiểu biết và thương yêu, và nếu trong những lúc đó may mắn có một vị thầy giảng dạy cho mình phép luyện tập Tong-len (*một phép thiền định của Phật Giáo Tây Tạng gọi là sự "trao đổi", tức là sự tự nguyện nhận chịu mọi sự đau khổ của kẻ khác và trao lại cho họ tất cả hạnh phúc của chính mình*) giúp mình biến từng hơi thở trở thành những lời ước nguyện mang lại tình thương cho tất cả chúng sinh, thì đây quả không có gì tốt đẹp cho bằng. Qua từng hơi thở vào, chúng ta xin nhận chịu tất cả khổ đau của kẻ khác, và để đổi lại chúng ta gởi theo với từng hơi thở ra tất cả hạnh phúc của mình cho họ.

Cốt lõi của giáo huấn Phật Giáo cũng chỉ là cách dạy cho chúng ta biết đối đầu với khổ đau, bệnh tật và cái chết. Phép thiền định do Phật Giáo đưa ra sẽ giúp biến cải khổ đau của chính mình và chia sẻ khổ đau với kẻ khác. Với tư cách một người Phật Giáo, chúng ta phải có trách nhiệm trợ giúp những người đứng ra chữa trị và cả những kẻ ốm đau. Ngay trong giây phút này, trong các bệnh viện (và kể cả dưới những túp lều của những người nghèo khổ không tiền chữa chạy), hiện đang có không biết bao nhiêu người bệnh bị bỏ quên, cô đơn và tuyệt vọng trước sự hành hạ của ốm đau và cái chết gần kề. Thế nhưng thật ra điều khiến chúng ta không sao chịu đựng nổi là không có cách nào giúp mình giải thích cho họ về [nguyên nhân] những khổ đau của chính họ.

Không một khả năng chủ động, cũng không ai an ủi, những kẻ đã hết phương cứu chữa đến một lúc nào đó chỉ còn biết cầu xin những người chữa trị cho mình hãy giúp mình được ra đi nhanh hơn. Danh sách những người muốn được chết sớm ngày càng

dài thêm trong các bệnh viện trên thế giới được phép gây chết không đau (euthanasia).

Đây là dịp mà những người thầy Phật Giáo phải biết khơi động tiềm năng vô biên của lòng từ bi nơi những người này hầu giúp họ đương đầu với những giây phút cuối cùng trước khi nhắm mắt. Lòng từ bi không những có thể đôi khi làm tan biến được sự đau đớn trên thân xác, mà còn là một sức mạnh vô song có thể chữa lành được căn bệnh ích kỷ trầm kha hầu mang lại cho mình một sức khỏe tối thượng và một tâm trí an bình.

Bures-Sur-Yvette, 13.05.14
Hoang Phong chuyển ngữ

^I Sơ Emmanuelle (1908-2008), tên thật là Madeleine Cinquin, cha người Pháp, mẹ người Bỉ. Riêng bà thì giữ cả hai quốc tịch. Bà được mệnh danh là "Bà Sơ của những người áo rách". Bà xả thân giúp đỡ người nghèo ở Ai Cập và được cựu Tổng Thống Mubarak trao tặng quốc tịch danh dự Ai Cập năm 1991.



Sơ Emmanuelle

^{II} Lama Zopa Rinpoche thường được gọi bằng một tên quen thuộc hơn là Thubten Zopa, là một nhà sư rất uyên bác, sinh năm 1946 tại Nepal. Ông quay về Tây Tạng năm 1957 khi xứ này bị Trung Quốc chiếm đóng từ những năm 1950. Năm 1959 người Tây Tạng nổi dậy và bị quân đội Trung Quốc đàn áp đẫm máu, riêng tại thủ đô Lhasa số người bị giết lên đến 15.000 người, và trên toàn quốc là 87.000 người vào năm 1960, vì thế ông lại phải trốn về Nepal. Ông giảng dạy và thành lập nhiều tu viện tại quốc gia này và nhiều nơi khác trên thế giới. Sách của ông rất được ưa chuộng tại các nước Tây Phương.



Lama Zopa Rinpoche

BAO NHIÊU DẶM NỮA MỚI LÀ...

Trăng khuya in bóng tôi ngồi
Thả lời nhịp mõ, bồi hồi Kim Cang
Chợt bừng,
Lộ diệc hợp tan
Bóng kia hóa hiện đóa vàng nụ mai

Thấy Cha, gầy guộc hình hài
Tiếng ru Mẹ vọng, ngân dài thâu canh
Thấy Người, ngơ ngác biển xanh
Xòe tay,
Lả tả phù vân đất trời!

Tiếc gì không?
Những mảnh rời,
Trái sầu riêng rụng, thành lời sầu chung
Người đi kẻ ở rưng rưng
Nửa vàng trăng khuyết, nửa vàng chia xa

Bao nhiêu dậm nữa mới là,
Quê-Hương-Mẫu-Nhiệm, nơi ta cùng về!

(tìm nhau trong cõi hợp tan)

CHƯ PHẬT XA HAY

Thăm sâu rừng trúc biếc
Hé nụ vàng nở hoa
Bát Nhã Ba La

Ngàn thông cao vời vợi
Xào xạc gió len qua
Cùng hát thiên ca

Đôi cỏ mênh mông nắng
Dấu chân người áo nâu
Chẳng đi về đâu

Chẳng đi là chẳng đến
Hành trang nào quấy vai,
Nhẹ tợ sương mai

Chẳng đi mà vẫn bước
Chẳng đến mà về đây
Chư Phật xa hay!

(Thiên Di Am, Chùa Chánh Pháp
Bebford, Kentucky)



thơ

HUỆ TRÂN

DẤU CHÂN XƯA

Bên sông, ngày tắt nắng
Chợt đôi bờ
Giác,
Mê.
Cuối đời, đôi dép rách
Phổ nguyện, trần ai ly

Phật ngồi yên như núi
An lạc và thanh thoi
Ngoài song, lao xao gió
Bên song, trắng lên rồi

Thầy đốt đỉnh trầm hương
Cho con quỳ trước điện
Thầy lặng thinh, kiết già
Cho con dâng lời nguyện

“Con nay nguyện đốn củi
Con nay nguyện gánh nước
Con nay nguyện giã gạo
Tìm dấu chân người trước”
Đánh lễ Tổ Huệ Năng
Lạy Thầy,
Con cất bước

“Thần thông tịnh diệu dụng
Vận thủy cập ban sài” (*)
Chưa lên Ngũ Giác Đài
Mà gặp được Bồ Tát
Vĩ Văn Thù Sư Lợi
Trong tâm con bát ngát.

(Tào Khê tịnh thất)

(*) Bàng Ấn.

PHẬT PHÁP, THỰC TẬP VÀ GIẢNG DẠY

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT
do **Nhóm Áo Lam** thực hiện)



Thưa Anh Chị Em Huỳnh trưởng,

Mỗi Huỳnh Trưởng là một nhà giáo, dù ngành chuyên môn của mình ở ngoài đời có phải là ngành Sư phạm hay không. Tuy nhiên, dạy Phật Pháp cho các em khác với dạy các môn học Văn, Toán, Lý... ở nhà trường và tất cả chúng ta không ai là chỉ dạy lý thuyết suông, vì Phật Pháp là học để hành và bản thân mỗi huỳnh trưởng đều thực hành Phật Pháp trong đời sống hằng ngày của mình. Mặc dù Phật Pháp không bao giờ cũ nhưng cách truyền đạt của chúng ta—phương pháp sư phạm—nên được đổi mới để tuổi trẻ tiếp thu được dễ dàng hơn.

Thật vậy, ví dụ khi chúng ta dạy các em về “Bốn Sự Thật Cao Thượng” (Tứ Diệu Đế), có người nói rằng bốn chân lý cao siêu này làm sao áp dụng vào cuộc đời? – Xin thưa, bất cứ bài Phật Pháp nào cũng áp dụng được cả. Bài này để giải quyết khổ; vì “dàn bài” đã rõ: 1. Khổ; 2. Nguyên nhân của Khổ; 3. Sự chấm dứt Khổ; 4. Con đường (phương pháp) dẫn đến chấm dứt Khổ.

Điều đáng nói ở đây là KHỔ không thể định nghĩa giống nhau; đối với mỗi người một khác—tất nhiên định nghĩa chung là đúng nhưng thiên hình vạn trạng, bao gồm tất cả mọi loại khổ—còn với từng người, Đoàn sinh hay Huỳnh trưởng thì có khi hoàn toàn trái ngược (cái mà người này cho là khổ, người kia không thấy đó là khổ, chẳng hạn).

Ngoài ra, KHỔ trong thời đại này, với tuổi trẻ, không chỉ định nghĩa “sinh lão bệnh tử...” mà phải thấy cái khổ của thời đại là sự căng thẳng (STRESS); căng thẳng có mặt ở khắp nơi, thuộc mọi lãnh vực, mọi lứa tuổi. Người Phật tử được dạy không trốn chạy cái Khổ mà phải đối diện với nó, nhận diện khổ đau, nhìn sâu vào bản chất của Khổ để có thể học hỏi từ đó. Thật vậy, chúng ta phải thấy rõ bản chất của KHỔ mới thấy được con đường của sự chuyển hoá, dẫn đến sự chấm dứt Khổ được.

Khi đối diện với Khổ, nhìn sâu vào nỗi khổ đang có mặt, chúng ta sẽ khám phá ra được gốc rễ của Khổ, nguyên nhân của Khổ, tức là sự thật thứ Hai (Tập). Thông thường, Khổ là do tham vọng không đạt được. Ví dụ đối với ai thêm khát thành công thì thất bại là nỗi khổ đau lớn nhất; ai thêm khát tiền bạc thì nghèo là nỗi đau khổ lớn nhất; ai thêm khát danh vọng địa vị thì chưa có danh vọng địa vị là nỗi khổ lớn nhất của họ, v.v... có bao nhiêu ham muốn là bấy nhiêu khổ.

Như vậy, nếu KHỔ là căng thẳng, bị áp lực, thì hạnh phúc an lạc là nhẹ nhàng, thanh thản; và từ đó, ta khám phá ra rằng sự thật thứ Ba (Diệt) ngược lại với Sự thật thứ Nhất.

Cuối cùng là con đường dẫn đến chấm dứt đau khổ, hay là sự chuyển hoá—đây là sự thật thứ Tư (Đạo) – chủ yếu là nói về Bát Chánh đạo. Chúng ta không liệt kê ra một dọc dài: Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh niệm, v.v... mà chúng ta nói đến Bát chánh đạo đơn giản, thực

hành theo lời dạy của thiền sư Achaan Chah: đó là tu 2 con mắt, 2 lỗ tai, 2 tay, miệng (lưỡi) và ý; chúng ta khai triển cho các em hiểu tu 2 con mắt là tu như thế nào, tu 2 lỗ tai là tu làm sao, v.v... đó là Phật Pháp ứng dụng trong đời sống hằng ngày.

Chúng ta vừa dạy vừa học, vừa tự thực tập vừa hướng dẫn; làm sao cho các em thấy được Phật Pháp không phải chỉ vào Chùa hay đến Đoàn mới có, mà Phật Pháp ở ngay trong đời sống hằng ngày của các em: khi các em vừa thức dậy, đánh răng súc miệng, rửa tay, khi các em đi ra đường, đứng đợi xe bus, trong bưu điện, trong chợ v.v... các em đều có thể tu tập Chánh niệm, ăn cơm trong chánh niệm v.v...

Thân kính chúc ACE Huỳnh trưởng luôn kiên trì, nhẫn nại tinh tấn và giữ gìn Chánh niệm để hoàn thành sứ mệnh giáo dục đàn em của chúng ta – tuổi trẻ Phật giáo ở trong nước cũng như ở Hải ngoại.

Trân trọng,
BBT





PHÁP PHẬT NHƯ BÈ QUA SÔNG

(*Phật Pháp Thứ Năm* — bài viết hàng tuần của GDPT
do **Nhóm Áo Lam** thực hiện)

Thưa Anh Chị Em Áo Lam,
Có nhiều người trong anh em bà con bạn bè của chúng ta thường nói rằng họ không tin vào một cái gì hết: Trời Đất, Thánh, Thần, Phật, Chúa v.v... Họ cũng không tin bất cứ một chủ thuyết nào, một giáo lý nào... và còn tự hào về lời tuyên bố này nữa!! Chúng ta đừng ngạc nhiên vì những người nói như vậy cách đây hơn 2600 năm, thời đức Phật còn tại thế, đã có rồi. Hôm nay, nhân mùa Phật Đản, xin kể câu chuyện đó cho ACE nghe để chúng ta cùng suy gẫm, quán chiếu.

Du sĩ Dighanakha (chúng ta gọi tắt là Digha) là cậu ruột của tôn giả Xá Lợi Phất (Sariputta), một hôm đến thăm đức Phật và nói: "Sa môn Gotama, ngài dạy giáo pháp gì? ngài chủ trương cái gì? chủ thuyết của ngài là thế nào? Riêng tôi, tôi không thích một chủ trương hay lý thuyết nào cả và tôi cũng không tin vào bất cứ chủ trương hay lý thuyết nào cả!"

Đức Phật mỉm cười hỏi lại: "Vậy ngài có thích cái chủ trương 'không thích' của ngài không? ngài có tin cái chủ trương 'không tin' của ngài không?"

Digha ngờ ngàng, bối rối trước câu hỏi của đức Phật, nhưng ông vẫn bình tĩnh nói: "Sa môn Gotama, tôi thích hay không thích, tin hay không tin thì cũng vậy thôi, đâu có quan trọng gì?"

Đức Phật từ tốn: "Một khi đã kẹt vào một chủ thuyết rồi thì người ta mất hết tự do; người ta trở nên độc đoán, cố chấp, luôn nghĩ rằng chỉ có lý thuyết của mình là đúng với chân lý, ngoài ra đều là tà đạo! Thái độ cố chấp này chính là nguyên nhân gây ra những bất hòa, tranh chấp, cãi cọ, và những sự tranh chấp, gây gỗ đó có thể kéo dài bất tận, làm hao tổn thì giờ và có thể gây ra chiến tranh nữa. Cái đó gọi là kiến thủ; Kiến thủ là cố chấp vào một nhận thức hay một quan điểm, cho đó là chân lý tuyệt đối. Kiến

thủ khiến chúng ta không thể mở rộng lòng ra để đón nhận chân lý, vì ta tự cho rằng mình đã 'nắm được' chân lý trong tay rồi."

Digha hỏi: "Vậy giáo lý của ngài dạy có phải là một chủ nghĩa không? Cố chấp vào nó có phải là kiến thủ không?"

Đức Phật trả lời: "Giáo lý của tôi dạy không phải là một chủ nghĩa hay một lý thuyết vì nó không hình thành bởi tư duy ước đoán của trí óc mà đó là những kinh nghiệm của sự thực chứng. Những gì tôi nói ra đều đã thực chứng và bạn cũng có thể kiểm chứng lại bằng kinh nghiệm của chính bản thân bạn."

Digha tò mò: "Như vậy ngài đã dạy những gì và ngài đã thực chứng được điều gì?"

Đức Phật trả lời: "Tôi nói mọi sự vật, hiện tượng trong vũ trụ là vô thường và không có tự ngã; điều này tôi đã chứng nghiệm và Bạn cũng có thể chứng nghiệm. Tôi nói mọi sự vật, hiện tượng trong vũ trụ nương vào nhau mà sinh khởi, tồn tại và hoại diệt chứ không phải được hình thành do một nguyên nhân đầu tiên nào đó. Điều này tôi đã chứng nghiệm và bạn cũng có thể chứng nghiệm."

Tôi nói: quán chiếu về Vô thường, Vô ngã và Duyên Khởi thì có thể đạt tới giải thoát và an lạc. Điều này tôi đã chứng nghiệm và bạn cũng có thể chứng nghiệm. Những điều tôi nói không có mục đích thuyết minh về vũ trụ, về thiên văn, địa lý... mà chỉ có mục đích hướng dẫn sự thực tập và chứng nghiệm Thực Tại. Lời nói không diễn tả được thực tại, chỉ có kinh nghiệm trực tiếp mới cho phép ta tiếp xúc được với Thực Tại.

Nghe đến đây, Digha tỉnh ngộ, thốt lên: "Sa môn Gotama, hay

quá, hay quá! Nhưng nếu có người nhận thức giáo pháp của ngài như một chủ thuyết thì sao?"

Đức Phật im lặng một lát rồi gật đầu: "Du sĩ Digha, câu hỏi của Bạn hay lắm; giáo pháp của tôi không phải là một chủ thuyết nhưng sau này và ngay cả bây giờ nữa, có thể có những người cho rằng giáo pháp ấy là một chủ thuyết! Tôi cần phải nói rõ với họ: giáo pháp của tôi là phương tiện để đi vào thực tại chứ không phải là thực tại, cũng giống như ngón tay chỉ mặt trăng: ngón tay không phải là mặt trăng. Người khôn khéo phải biết nương vào ngón tay để thấy mặt trăng; còn nếu cố chấp cho rằng ngón tay chính là mặt trăng thì người ấy không thể nào còn thấy mặt trăng được. Giáo pháp của tôi là để thực tập chứ không phải để cất giữ, thờ phụng và ca ngợi. Giáo pháp của tôi dạy cũng như chiếc bè, chiếc bè dùng để qua bờ bên kia (bờ giải thoát) chứ không phải để vác lên vai mà tự hào hay ca tụng."

Thưa Anh Chị Em,

Đó là lý do tại sao trong 8 nhánh của Bát Chánh Đạo, Chánh Kiến là quan trọng nhất.

Trân trọng,
Nhóm Áo Lam





TIẾP THỌ GIÁO PHÁP CẦN TÂM THANH THẢN

Nhiều Thượng tọa giảng sư của lớp giáo lý bậc Lực - bậc cuối cấp trong nấc thang tu học Huynh trưởng - GDPT thường nhắc nhở: Minh học kinh với cái tâm rỗng rang, tĩnh lặng thì dễ tập trung tư tưởng, tiếp nhận ý kinh được nhanh.

Thực tế, đến bậc cuối cấp phần lớn đều bồn chồn, nồn nao. Công trình tu học suốt 5 năm (nếu kể chung cả thời gian học tất cả các bậc thì phải nói là 12 năm). Thì giờ Huynh trưởng chật vật, vất vả lắm và toàn những bộ kinh lớn như Kim cang, Lăng nghiêm v.v... nghĩa lý thì rất thâm sâu.

Mỗi đầu buổi học đều có tiếng chuông thỉnh lên, nhắc nhở "lắng lòng thanh tịnh".

Quý ngài cao tăng ngày xưa cũng hay lắm, không vội vã truyền dạy giáo nghĩa vì điều mà phải đợi thời gian "trắc nghiệm" xem tâm của đệ tử đã hoàn toàn tĩnh lặng chưa?

Ngày trước, ngài Khánh Hòa, khi còn là một học tăng, giới luật đã rất nghiêm trì, học tập rất siêng năng và tinh thông. Lúc ngài thọ Cụ túc giới thì đã nổi tiếng thâm hiểu kinh tạng, oai nghi, đức độ, từng có những buổi thuyết giảng kinh Kim cang cho đại chúng, chư tôn đức rất ca ngợi.

Nhưng ngài vẫn còn vướng những nghi pháp trong nghĩa lý vì điều kinh Lăng già. Ngài nuôi chí tâm sư học đạo.

Sau đó ngài được giới thiệu đến cầu học với thiền sư Giới Không trong một am tranh nhỏ bé, đó là am Trà Mây trên núi Thất sơn.

Khi được thiền sư hứa khả giảng giải tinh yếu kinh Lăng già, sư Khánh Hòa lưu lại Trà Mây với vai trò thị giả hầu cận Thầy. Hằng ngày gánh mít, chuối, đu đủ xuống núi đổi gạo và cứ một tuần hai lần, nương theo giòng suối sau am, lần đến đầu nguồn Cam thủy lấy bầu nước tinh khiết về pha trà cho thầy. Đường đi vất vả khó khăn vì phải leo trèo trên sườn núi cheo leo. Nhà sư lúc nào cũng vui vẻ không nề khó nhọc, sư cho rằng gánh chuối, gánh gạo, xách nước, bửa củi cũng là điều dụng. Sư chỉ bản khoán, không hiểu mình có khuyết điểm gì làm thiền sư không hài lòng, chưa khai thị cho mình lại cố cứ chỉ lạnh nhạt khi mình hầu trà. Dù sao, sư chỉ biết kiên nhẫn.

Sáng sớm hôm ấy sư đi lấy nước xa hơn và chọn nước giữa giòng chảy qua sỏi cát lúc mặt trời vừa lên, nước vừa tinh khiết lại vừa có dương khí. Trên đường về am, sư nhớ đến chùa cũ, nghĩ đến giòng sông Cửu Long, nghĩ đến rừng dừa xanh, ôm bình nước trong tay mà như ôm quả dừa vậy (Ngôi chùa đầu tiên trong cuộc đời xuất gia của sư và cũng là ngôi chùa tịnh dưỡng cuối đời rồi xả bỏ bảo thân ở đó, đó là chùa Tuyên Linh ở Bến tre).

Thế mà hầu trà lần này Thiền sư vẫn thái độ lạnh lùng như những lần trước, thầy chưa nếm thử trà mà lại đẩy bình trà xa ra. Sư Khánh Hòa có vẻ tủi hổ nhưng vẫn nhẫn nại.

Thật lâu, thiền sư mới nói: "Nước sôi gì mà giống như nước sông pha lẫn nước dừa, thế thì còn pha trà gì được nữa?"

Thì ra lâu nay chỉ là thử thách và thiền sư đã quán chiếu thấy được tâm niệm của sư Khánh Hòa. Sư sụp xuống lạy sám hối.

Từ đó, sư rất bình thản, luôn luôn chánh niệm tỉnh giác từ trong bước đi, trong việc trồng rau, bửa củi, lấy nước, hầu trà.

Cũng từ đó thiền sư ra tâm truyền đạt thâm nghĩa kinh Lăng Già cho thầy Khánh Hòa, không phải qua lời giảng trực tiếp mà qua thiền ngữ, qua ẩn ngữ đối thoại. Sư tiếp thu rất nhanh, chẳng bao lâu đã thấu đạt nghĩa lý vi diệu của kinh.

Về sau ngài Khánh Hòa là một trong những vị đầu tiên góp phần chấn hưng đạo pháp. Ngài thành lập "Lục hòa Liên hiệp" tại chùa Long Hòa ở Trà vinh. Ngài ra công đào tạo tăng tài, vận động tổ chức Phật giáo Việt nam toàn quốc. Ngài còn thành lập Thư xã tại chùa Linh sơn Sài gòn, kết hợp tăng sĩ và cư sĩ thành lập "Hội Nam kỳ nghiên cứu Phật học."

Học đạo là học như vậy đó, hành đạo là hành như vậy đó. Anh chị em Huynh trưởng chúng ta cần noi gương ngài Khánh Hòa trong việc học Đạo và hành Đạo.

Thân ái,
BBT



TU SĨ VÀ LUẬT DI TRÚ TẠI HOA KỲ

GIẢI ĐÁP THẮC MẮC (tiếp theo)

Tổng Vụ Pháp Chế GHPGVNTNHK thực hiện

HUỖNH TẤN LÊ biên soạn



Trong bài viết hôm nay chúng tôi xin được đưa lên đây một vấn đề có tính cách thời sự là Bảo Hiểm Sức Khỏe; Chương Trình Y Tế Obama Care.

Đạo luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Y tế Vừa Tái Tiền cho mọi người dân (Affordable Care Act of 2010) viết tắt ACA được Tổng Thống Obama ký và ban hành vào ngày 23.03.2010, đạo luật đã trải qua ba năm thử thách, 37 lần cố gắng hủy bỏ của đảng Cộng Hòa và lên đến Tối Cao Pháp Viện, nay đã được áp dụng hoàn toàn vào ngày 01 tháng 10 năm 2013. Đạo luật ACA dài hơn 2000 trang giấy khi đem ra áp dụng đã và đang gặp nhiều khó khăn cho tất cả mọi thành phần dân chúng Hoa Kỳ kể cả thường trú nhân từ già đến trẻ, từ Dân Chủ đến Cộng Hòa.

Đạo luật ACA đã mang lại nhiều niềm phấn khởi và tốt đẹp cho đa số người nghèo và giới kém lợi tức trong xã hội Hoa Kỳ, tuy nhiên cũng gây nên nhiều sóng gió, bất mãn, chống đối từ nhiều phía mà tương lai của đạo luật này chưa chắc đã thành công. Trong phạm vi của bài viết này, chúng tôi muốn nói đến Tu Sĩ Phật Giáo và đạo luật ACA.

Thứ nhất, hiện nay trên nguyên tắc khi có đạo luật này thì tất cả mọi thành phần dân chúng Hoa Kỳ tính luôn thường trú nhân tức những người có thẻ xanh phải có bảo hiểm sức khỏe. Tu sĩ có thẻ xanh đều được ghi danh vào chương trình ACA này. Một thông cáo tại văn phòng bảo hiểm PNA của đạo hữu Quảng Hải Phan Trung Kiên yêu cầu những người đã có thẻ xanh, muốn ghi danh vào chương trình ACA, cần có những giấy tờ sau đây: 1. Thẻ An Sinh Xã Hội 2. Thẻ xanh 3. Bằng lái xe hoặc thẻ ID 4. Nếu có thu nhập thì gửi bản copy của pay check 5. Nếu có khai thuế thì xin gửi bản copy khai thuế năm gần nhất. Mọi thắc mắc xin gọi 714 463 0904. www.pnacompny.com/Helen
www.maximusinsurance.net

Như vậy hầu hết tu sĩ có thẻ xanh đều có thể ghi danh xin bảo hiểm sức khỏe với đạo luật ACA mà không phải tốn tiền lệ phí hay đóng góp hằng tháng và được hưởng tiêu chuẩn y tế y như một người đi làm trong một hãng có bảo hiểm sức khỏe.

Thứ hai vì có sự bắt buộc như vậy nên những tu sĩ khi rời VN đến Hoa Kỳ làm sao có được bảo hiểm sức khỏe. Gần đây trong hầu hết những đòi hỏi về bổ túc giấy tờ khi xin I-129, I-360 hay I-485, Sở Di Trú đều hỏi bằng chứng của bảo hiểm sức khỏe. Khi đó mình phải mua bảo hiểm sức khỏe gia tiền dĩ nhiên phải rất

cao và còn bị giới hạn bởi tuổi tác nữa. **Do đó việc hay nhất để đối phó với đạo luật ACA là phải mua một bảo hiểm sức khỏe du lịch một năm tại VN trước khi lên máy bay đi Hoa Kỳ.** Thời gian phải mua là một năm vì một tu sĩ khi đến Hoa Kỳ nếu đã có R-1 thì thời gian xin thẻ xanh phải mất từ 5 đến 7 tháng. Bảo hiểm sức khỏe một năm vừa giải quyết vấn đề hợp pháp của giấy tờ và trên thực tế nếu có bệnh hoạn phải vào nhà thương thì mình có bảo hiểm lo mà chưa đang bảo trợ không phải lo lắng gì và tốn kém gì cả. Bảo hiểm sức khỏe du lịch một năm trung bình cỡ 150 đô la tại VN, nếu thấy tốn nhiều tiền thì mình chỉ mua phần nhà thương thôi. Sở Di Trú cũng chấp thuận việc chỉ có bảo hiểm nhà thương vì mình lý luận là tại chùa có bác sĩ, được sĩ giúp cho mình. Trong mọi thủ tục hồ sơ gửi lên Sở Di Trú chùa phải đính kèm giấy tờ bảo hiểm sức khỏe đang có.

Thứ ba đối với những tu sĩ đã đến Hoa Kỳ và đang xin giấy tờ Di Trú thì mình chỉ nộp giấy tờ bảo hiểm sức khỏe khi có yêu cầu và trường hợp đó xin gọi văn phòng của đạo hữu Quảng Hải hay một văn phòng bảo hiểm sức khỏe nào khác cũng được để mua một policy. Khi mua như thế này thì mua thời gian chừng 3 tháng và nếu cần thì mua thêm vì mỗi tháng phải trả ít nhất là 70 đô la.

Trong lần sau sẽ tiếp tục câu hỏi thứ 28. Mọi sự phê bình, bổ túc, cần hỏi thêm và đề tài đề nghị xin liên lạc Tòa Soạn Báo Chánh Pháp hay điện thư drlehuynh@gmail.com hoặc gửi thư về Tổng Hội Cư Sĩ Phật Giáo số 1612 N. Spurgeon Street, Santa Ana, CA 92701. Xin đừng gửi thư phải có chữ ký để nhận.



Nhẫn Nhủ

Đừng mang cặp kính màu hồng
Khi em nhìn tới cuộc đời
Bởi em sẽ thấy toàn những đáng yêu huyền
Phủ trùm lên tất cả

Lúc này, lát nữa
Tiếng kèn của người thổi kèn nước nở
Tiếng khóc của em bé trong nôi
Tiếng cười vui của cô bé nhà bên
Hay tiếng xào xạc của lá cây đang đưa
Đột nhiên trở thành đáng yêu hơn là tự thể
của chúng

Đừng mang cặp kính màu xanh
Khi em nhìn vào cuộc đời
Bởi em sẽ thấy toàn những hy vọng ảo
Phủ trùm lên mọi vật

Hôm qua, ngày mai
Cây lá chung quanh
Ngọn gió bên hiên
Tiếng mưa trên ngói
Những điều nghe thấy
Và tất cả mọi người
Đột nhiên trở thành niềm hy vọng lớn lao
hơn là
tự thể của chúng

Đừng mang cặp kính màu đen
Khi em nhìn xuống cuộc đời
Bởi em sẽ thấy toàn những tuyệt vọng giả
Phủ trùm lên thế gian
Niềm vui sẵn có trong em sẽ bị hủy diệt

Tiếng chim líu lo ca hát
Mặt trời tươi mát bình minh
Tâm lòng nhân hậu của người
Cùng với sự hân hoan ...
Đột nhiên trở thành đen tối hơn là tự thể
của chúng

Bởi
Cuộc đời không chỉ toàn đáng yêu
Không chỉ toàn hy vọng
Cũng không chỉ toàn tuyệt vọng
Mà là tất cả bằng tự thể uyên nguyên
của chúng

Nên
Hãy đừng mang bất cứ một loại kính nào
Khi em nhìn vào cuộc đời
Mà hãy mở tròn đôi mắt
Hãy mở rộng con người
Hãy nhìn như cái gương trong suốt
Hãy nhìn bằng tấm lòng thuần khiết
không tì vết
Hãy nhìn với cái thấy trinh nguyên mới
mẻ lần đầu

Hãy nhìn thẳng vào cuộc đời
Bằng nguyên cả trái tim
Bằng trọn vẹn là em
Không bằng bất cứ cái gì vay mượn
Không vì bất cứ thứ gì nghi ngại
Mà chỉ là cái nhìn tinh khôi của sự nhận
thấy
Mà chỉ với cái chân nghĩa của vạn hữu
tinh anh

Hãy đừng phân biệt
Bởi giản dị một điều
Đó là cuộc đời
Đó là như vậy
Và như vậy...



VẤN ĐỀ GIẢI THOÁT TRONG PHÁP MÔN NIỆM PHẬT

Thích Đức Trí



1.1 Khái niệm về pháp niệm Phật và cảnh giới Tịnh Độ

Nói đến vấn đề tu học trong đời ai cũng mong mình nắm được chìa khóa tri kiến để mở cánh cửa vào lâu đài an lạc, hạnh phúc. Lộ trình đó có thể nắm bắt những điều căn bản từ lời Phật dạy, nếp sống thanh tịnh, tỉnh giác, chánh niệm, xả ly mọi tham ưu ở đời. Sự thực hành đó có thể từ trong những giây phút hiện tại đời sống. Nhưng duy trì phương pháp ấy mọi thời, mọi lúc và đi suốt đời sống con người với bao thăng trầm, thì pháp niệm Phật, nương tựa Tam Bảo là nền tảng giúp chúng ta an lạc tự tin để hướng đến đỉnh cao của sự giác ngộ.

Niệm Phật được xem là pháp môn căn bản trong tất cả các pháp môn được Đức Phật dạy trong kinh tạng Nguyên Thủy và kinh tạng Đại Thừa. Nhưng trong vấn đề tu tập, có nhiều người thường quan tâm về phương pháp niệm Phật và cảnh giới Tịnh Độ. Luận đến kết quả sau cùng của sự tu niệm, thì các phương pháp tu đều đưa đến kết quả giải thoát một cách gián tiếp hoặc trực tiếp. Tùy theo mục đích tu tập mà có thành quả khác nhau về sự chứng ngộ hoặc vắng sanh. Do vậy trong kinh Phật giới thiệu nhiều cõi Tịnh Độ, như Tịnh Độ Phật A Di Đà, Tịnh Độ Phật Dược Sư, Tịnh Độ Phật Di Lặc, Tịnh Độ Nhân Gian (theo quan điểm Kinh Duy Ma Cát), Duy tâm Tịnh Độ và nhiều cảnh Tịnh Độ theo kinh điển Đại thừa nhắc đến. Trong bài viết này nhấn mạnh ý nghĩa giải thoát từ pháp Niệm Phật theo quan niệm của Tịnh Độ tông.

1.2 Niệm Phật trong kinh điển Hán tạng và Nikaya

Trước hết chúng ta tìm hiểu về ý nghĩa niệm Phật được đề cập nhiều trong kinh tạng Nikaya Kinh A Hàm. Khi Phật tại thế, giáo lý căn bản dạy cho chúng xuất gia và tại gia là phương pháp thiền quán niệm, cụ thể nhất là Thiền Tứ Niệm Xứ. Thiền là một phương pháp thanh lọc tâm phiền não, đạt được sự giải thoát. Quá trình tu học, niệm Phật, niệm Tam Bảo là một phương pháp mẫu nhiệm giúp tâm an định, dứt trừ sự sợ hãi và bất an trước mọi nghịch cảnh. Phương pháp quán niệm oai lực của Phật mà vượt thoát ra khỏi tâm lý trầm tịch và tán loạn. Kinh chép rằng: *Một hôm, có các vị thương gia đang định vượt qua sa mạc, có nhiều điều khó khăn và nguy hiểm. Trước khi đi, họ đến lễ Phật và được Phật dạy ý nghĩa pháp niệm Phật, niệm Tam Bảo như sau: "Các ông sắp vào nơi hoang mạc, sẽ gặp nhiều khủng bố, tâm kinh hoàng dựng đứng cả lông, lúc ấy nên niệm Như Lai sự: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác,... cho đến Phật, Thế Tôn. Niệm*

nghư vậy thì mọi khủng bố đều được tiêu trừ" (1)

Quan niệm nương nhờ tha lực, hồng ân Tam Bảo trong hàng xuất gia và tại gia là nền tảng của niềm tin tu tập và cứu cánh giác ngộ. Thời đại ngày nay phần nhiều tu trong hoàn cảnh khá thuận lợi, như chùa hay tịnh xá tại thành phố, hay tại các nước tân tiến, điều kiện an ninh rất cao. Trong trường hợp hành giả ẩn cư nơi rừng núi hay đồng trống và cảnh hoang vu không có hội chúng, Đức Phật dạy quán niệm như sau: *"Nếu Tỷ-kheo nào ở nơi vắng vẻ, dưới bóng cây, trong nhà trống, đôi khi bỗng khởi lên lòng sợ hãi, kinh hoàng đến độ lông dựng lên, thì nên niệm Phật, Pháp, Tăng, nổi rộng như trước. Khi niệm đến Như Lai sự, Pháp sự, Tăng sự thì mọi sự sợ hãi tự tiêu trừ."* (2)

Đối với người cư sĩ Phật dạy phát tâm tu học năm giới, tu Bát Quan Trai, phát tâm quán niệm Bốn Pháp Tạng Thượng: Quán về Phật, Pháp, Tăng và Giới để phát triển phẩm đức, học theo nhân cách của Phật, thanh tịnh nội tâm để vượt qua các món phiền não, sự lôi cuốn của tham ái và hoàn cảnh bên ngoài giúp tâm phát sanh nhiều năng lượng giải thoát.

Đức Phật dạy, hành giả luôn nhớ nghĩa đến công đức của Phật, tâm hành giả được chan hòa trong ánh sáng từ bi và trí tuệ của Phật thì tự nhiên ác niệm không phát sanh, thiện niệm sanh khởi. Đó là pháp tu rất thiết thực chung cho mọi người. Phật dạy: *"Này Bà cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử duyên nơi Như Lai cho nên tâm tĩnh, được hỷ, ác tham lam nếu có liền bị diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng bị tiêu diệt."* (3)

Mục đích tu tập là lìa bỏ mọi tham muốn dục vọng thấp hèn, tu theo Phật, chứng quả vị Phật. Người đệ tử luôn nhớ nghĩ đến Phật như tiêu chí của đạo đức, mục tiêu của sự giải thoát. Sự gắn bó chặt chẽ đời sống của mình với nhân cách của Phật để phát khởi sự tinh tấn, để bảo hộ tâm giải thoát, để làm thước đo trong mọi hành động thân khẩu ý. Lộ trình tu tập ấy, quán niệm sâu sắc về Đức Phật, tín niệm Phật để tâm thực hành đạo lý hướng đến giác ngộ, Niết Bàn là điều cần thiết. Phật dạy:

"Có một pháp, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhứt hướng nhằm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-Bàn. Một pháp ấy là gì? Chính là Niệm Phật. Chính một pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhứt hướng nhằm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn." (4)

Chính vì những lợi ích lớn lao của pháp niệm Phật đối với sự tu tập, cho nên về sau quan niệm Tịnh Độ chủ trương niệm Phật tiêu trừ tội chướng,

niệm Phật để vắng sanh, niệm Phật để chứng đạt tâm chánh định, niệm Phật để được chứng ngộ giải thoát sanh tử luân hồi.

2.1 Ngài Huệ Viễn và pháp môn niệm Phật

Ngài Huệ Viễn được tôn xưng là vị tổ sư Tịnh Độ tông, người có công khởi xướng và áp dụng pháp môn niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Có thể nói, niệm Phật theo quan điểm của ngài Huệ Viễn khác với một vài xu hướng niệm Phật trong thực tiễn hiện đại. Huệ Viễn tuy nhấn mạnh niệm Phật vắng sanh, nhưng niệm Phật là phương pháp tịnh hóa tâm thức, đạt được cảnh giới chứng ngộ cao thông qua pháp Niệm Phật Tam Muội. Cảnh giới niệm Phật này giống phương thức thiền quán. Chính ngay niệm Phật đắc định mới thấy Phật và theo nguyện vắng sanh. Hành trạng tu tập của ngài Huệ Viễn giúp chúng ta nhận thức rõ nét hơn về pháp môn Tịnh Độ. Theo các tư liệu sử, xác nhận rằng ngài rất tinh thông nghĩa lý Bát Nhã, ảnh hưởng sâu sắc quan điểm tu hành của ngài Đạo An. Bên cạnh đó, Huệ Viễn tiếp cận với tư tưởng ngài La Thập, một dịch giả tinh thông ba tạng giáo điển Phật giáo. Sự hội ngộ này với sự vấn đáp đạo lý Bát Nhã không tánh, kiến giải nghĩa lý Sắc Không, thành tác Phẩm “Đại Thừa Đại Nghĩa Chương” (5). Khía cạnh đặc biệt khác nữa, Huệ Viễn rất tinh thông tư tưởng Đại Trí Độ Luận, luận giải phương diện tâm tánh phù hợp với quan điểm Đại Thừa. Huệ Viễn tại Lô Sơn đã chủ trì phiên dịch A Tỳ Đàm Tâm Luận, Tam Pháp Độ Luận, Tu Hành Đạo Địa Thiền Kinh. Chính giai đoạn tu học này, chứng tỏ Huệ Viễn rất có nhiều tâm đắc tu tập thiền quán.

Ngài xét thấy pháp môn niệm Phật thích hợp với mọi tầng lớp người tu học, nên nỗ lực hoằng dương Tịnh Độ. Ngài lấy pháp Niệm Phật Tam Muội chủ đạo cho sự tu tập. Phương pháp này y cứ vào Kinh Bát Chu Tam Muội. Điều này nhận rõ trong tác Phẩm: Niệm Phật Tam Muội Thi Tự, ông viết: “*Lại các môn Tam muội, danh mục rất nhiều, công cao để tu, Niệm Phật là thắng.*” (6) Phương pháp Niệm Phật này thuộc Tọa Thiền Niệm Phật, đây là cơ sở tu học và hình thành pháp Thiền Tịnh Song Tu. Tư tưởng Huệ Viễn ảnh hưởng rất lớn trong sự hình thành Tịnh Độ Tông.

Có quan niệm cho rằng, Huệ Viễn tuy khởi xướng pháp môn Niệm Phật, nhưng người phát triển giáo nghĩa thành hệ thống là ngài Đàm Loan và Ngài Đạo Xước. Nhưng điều mà lịch sử Phật Giáo ghi nhận, ngài khởi xướng niệm Phật, phát nguyện vắng sanh, hành trạng hoằng pháp của Ngài xứng đáng một danh tăng Đại Thừa. Chí nguyện tu hành của ngài thoát tục cao vời, tâm không rời công tác phiên dịch kinh luận cho hậu thế tu học. Ngài là bậc danh tăng trí giới nghiêm mật, ba mươi năm an trú tại Lô Sơn phát nguyện tu niệm. Các thế hệ sau ngài nhiều vị cao Tăng tiếp nối và phát huy giáo nghĩa Tịnh Độ hoàn hảo, nhưng ghi nhận phương thức tu học của ngài Huệ Viễn chứng minh cho giáo lý Tịnh Độ là hệ thống mở, cho các tông trở về, khẳng định Tịnh Độ biểu trưng vai trò và sự thích



Pháp Tướng Lô Sơn Đông Lâm - Huệ Viễn Đại Sư

ứng kinh luận Đại Thừa trong mọi thời đại.

2.2 Bốn cách niệm Phật của ngài Tông Mật (784–841)

Ngài Tông Mật, còn có biệt hiệu là Khuê Phong thiền sư, thuộc Ngũ Tổ Hoa Nghiêm Tông. Ngài Tông Mật giới thiệu về bốn pháp niệm Phật trong “Hoa Nghiêm Kinh Hạnh Nguyên Phẩm Biệt Hành Sở Sao”. Bốn pháp đó là:

- Trì danh niệm Phật: Tức chuyên niệm danh hiệu Phật A Di Đà, miệng niệm rõ ràng danh hiệu, tai nghe âm thanh lúc niệm, tâm chuyên chú vào câu niệm Phật.
- Quán tượng niệm Phật: Tức chuyên quán sát tượng hay hình ảnh Phật A Di Đà với tâm chuyên chú, khắc sâu hình ảnh của Phật trong tâm. Khi ngồi thiền cũng chuyên quán tượng hình ảnh của Phật.
- Quán tướng niệm Phật: Y cứ vào mười sáu phép quán trong kinh “Quán Vô Lượng Thọ”. Quán sát vào mười sáu đối tượng Phật, Bồ Tát, tức quán cảnh giới y báo và chánh báo cõi Phật ở Tây Phương Cực Lạc, nhờ sức quán tưởng mà đắc Tam Muội (Chánh Định), thành tựu công đức và tâm nguyện tu hành.
- Thật tướng niệm Phật: Niệm thật tướng các pháp, tức niệm thật tướng Phật. Đây là nhờ sức quán sát chứng đắc pháp tánh viên dung vô ngại. Lấy sự tự lực làm chủ đạo trong sự tu hành. Phương pháp này thuộc về lý niệm Phật, từ đây mà có quan điểm Duy tâm Tịnh Độ.

2.3 Năm phương diện niệm Phật của Trí Giả Đại Sư

Trong năm phương diện Phật của đại sư Trí Giả đề cập trong tác phẩm “Ngũ Phương Tiện Niệm Phật Môn” là thành quả của pháp niệm Phật, thực tiễn quá trình tu học cho đến chứng ngộ. Từ cái nhìn của bậc có tâm tu chứng phân biệt công đức đạt được của Pháp niệm Phật. Đại ý năm thành quả đạt được do niệm Phật đạt nhất tâm, chứng pháp niệm Phật Tam muội (Chánh Định). Chánh Định ấy có năm công đức: Một là niệm danh hiệu Phật đắc Tam Muội được vắng sanh. Thứ hai là quán tưởng hào quang minh của Phật mà tội chướng tiêu trừ. Thứ ba là từ pháp niệm Phật đắc Tam Muội quán các cảnh đều do tâm, đoạn trừ bệnh chấp Pháp. Thứ tư là từ pháp niệm Phật đắc Tam Muội quán sát xả ly tâm và cảnh. Thứ năm là từ pháp niệm Phật đắc Tam Muội chứng tánh khởi viên thông, xả ly mọi tham chấp cảnh thiền định trầm lắng, để chứng đắc thật trí, thật pháp, tự tại giải thoát. Trí giả phân tích sâu hơn về tác dụng của pháp niệm Phật Tam Muội. Như vậy, niệm Phật với mục đích vắng sanh, bên cạnh đó nếu phát huy các phương thức niệm Phật có khả năng chứng ngộ thật tướng, như cảnh giới chứng ngộ của Thiền không khác.

3.1 Vài suy nghĩ về pháp tu niệm Phật trong xã hội hiện đại

Theo trình bày ý nghĩa và các phương pháp niệm

Phật, chúng ta có suy nghĩ về một vài chủ trương tu niệm Phật trong xã hội hiện đại. Trước hết nhìn vào hình thức niệm Phật theo kinh điển Nguyên Thủy, thì đức Phật dạy đệ tử niệm Phật để giúp tịnh hóa tâm thức, phát huy định lực, vượt qua mọi chướng ngại phiền não. Chính yếu phát huy quán tưởng phẩm hạnh của thập hiệu Phật. Quán tưởng và đặt niềm tin trọn vẹn vào Tam Bảo, tức Phật, Pháp và Tăng. Đối với hàng cư sĩ, Phật luôn khích lệ pháp tu Bát Quan Trai Giới, trì giới và tín niệm Tam Bảo, thực hành các pháp lành, đó là điều thiết thực cho sự giải thoát.

Thời đại Tổ Huệ Viễn thì chủ trương niệm Phật Tam Muội, ngoài vấn đề trì giới, y pháp tu học, còn xem niệm Phật là phương thức thiền định và phát nguyện vãng sanh. Tín nguyện Tây Phương Cực Lạc và chuyên tâm tu niệm Phật. Tịnh Độ thời Huệ Viễn khẳng định trọn vẹn ý chí tự lực và tha lực. Tinh thần tu học của Huệ Viễn đã mở rộng sự đón nhận mọi thành phần tri thức trong xã hội phát tâm tu học Tịnh Độ.

Qua thời đại Đàm Loạn và Đạo Xước có công hoằng dương Tịnh Độ và phát huy lý thuyết Tín, Hạnh, Nguyên phổ cập số đông tín đồ tham gia niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Đặc biệt căn cứ vào Kinh Vô Lượng Thọ, nhấn mạnh vai trò tha lực của Phật và ý nghĩa “Đối Nghiệp Vãng Sanh” và “Tiêu nghiệp vãng sanh”. Điều này có căn cứ không phải là hư vọng, vì kinh Quán Vô Lượng Thọ, Phật dạy ngay người đã từng làm điều ác mà lúc lâm chung niệm được mười danh hiệu cũng được Phật tiếp dẫn.

Phải chăng là giáo lý Tịnh Độ chỉ chủ trương các hình thức tôn giáo? Như vấn đề chỉ hộ niệm lúc lâm chung, nhấn mạnh sức mạnh lòng tin. Hoặc có trào lưu, dạy tín đồ chuyên học kinh liên quan Tịnh Độ mà quay lưng với cả kho tàng tri thức giáo lý Phật dạy. Thử hỏi những thái độ bảo thủ trong tu tập như thế có phù hợp với mục đích phát Bồ đề tâm cầu sanh Tịnh độ hay chưa? Chắc chắn rằng, xu hướng niệm Phật như thế không phù hợp với vai trò Tịnh Độ trong giáo nghĩa Đại thừa.

Con người trong xã hội với nền công nghiệp hóa, sinh hoạt tổ chức đời sống thường bận rộn. Như câu vật chất là động cơ thúc đẩy con người phải nỗ lực với công việc để bảo tồn đời sống tiện nghi. Mọi sự biến đổi về kinh tế, công việc để đưa con người vào thế chịu nhiều áp lực. Từ đó họ dễ dàng chấp nhận một giáo lý đơn giản thuần túy niềm tin. Niềm tin thiếu sự quán sát trong đời sống tu học dễ dàng rơi vào căn bệnh cực đoan và bảo thủ trong tu học. Giáo lý Phật dạy là có chánh kiến bị chôn vùi vào lời giảng dạy phiếm diện. Cho nên giải quyết tình trạng đó, các nhà truyền giáo nên hướng dẫn tín đồ học tập kinh điển. Khích lệ Phật tử học Phật lý, thọ trì Ngũ Giới, Bát Quan Trai Giới. Chủ trương phát huy tinh thần tu học theo đúng quan điểm Đại Thừa Phật Giáo, gắn bó thực tế xã hội để đưa Phật giáo vào đời mang tính tích cực hơn.

3.2 Tính chất giải thoát từ pháp môn Niệm Phật

Ý nghĩa giải thoát từ Pháp môn niệm Phật là điều thiết thực trong Pháp môn Tịnh Độ. Tính chất



giải thoát thông qua thực hành pháp môn niệm Phật là gì? Giáo lý Tịnh Độ giới thiệu hai phương thức giải thoát. Một là niệm Phật được vãng sanh về cõi Tây Phương, thoát ly sự khổ Ta Bà. Hai là niệm Phật đắc Tam Muội, chứng ngộ thật tướng, tự tại giải thoát.

Cái khổ lớn nhất trong kiếp người và chung cả chúng sanh là khổ luân hồi sanh tử. Nhưng khi phát tâm tu niệm Phật, là khởi đầu lộ trình thoát khổ. Theo quan điểm truyền thống Nguyên Thủy, thoát khổ luân hồi đồng nghĩa với sự chứng ngộ giải thoát. Nhưng theo quan niệm Tịnh Độ Đại Thừa, thông qua niệm Phật có thể chứng ngộ, bên cạnh đó là nếu Tín niệm Phật A Di Đà và phát nguyện vãng sanh để được vãng sanh, sau đó sẽ được chứng ngộ vô sanh tại cõi Tây Phương. Tín đồ Tịnh Độ, luôn quan niệm vãng sanh là an toàn nhất, vì cảnh giới đó không bị thối chuyển

và có nhiều duyên lành chứng ngộ Phật quả.

Người thường niệm Phật, thiện pháp phát sanh, ác pháp tiêu trừ, đời sống vượt qua mọi cam bẫy ái dục, được sống an nhiên tự tại. Trong cuộc sống con người ai cũng có niềm tin vào một đối tượng nào đó. Nhưng phước lành nhất là tin niệm Phật, Pháp và Tăng. Niềm tin vững vàng thì muôn công đức lành phát sanh. Người niệm Phật tinh cần đưa đến cảnh giới thiền định sâu xa, luôn được Phật hộ niệm. Từ đó phát huy được tuệ giải thoát. Khi có tuệ giác soi sáng, thấy cuộc đời với sự khổ, vô thường, vô ngã thì phiền não tham ái tự nhiên được đoạn trừ. Con người và hoàn cảnh sống như mỗi quan hệ hài hòa. Một khi bạn niệm Phật thì tâm bạn hiển lộ đặc tính của Phật. Nếu từ cá nhân, gia đình và xã hội đều có nhiều người niệm Phật thì đời sống này thêm phần an lạc, phiền não tiêu trừ. Cho nên niệm Phật là con đường xây dựng phúc đức trí tuệ trong đời và nền tảng của sự thoát ly luân hồi sanh tử.

3.3 Niệm Phật và lý tưởng Nhân Gian Tịnh Độ

Có người bảo rằng tu niệm Phật suốt ngày cầu sanh Tây Phương, như là trong ngóng giờ lâm chung, sẽ sanh thái độ bi quan với cuộc sống hiện thực. Đó là vì chưa hiểu chân nghĩa của phạm trù giáo lý Tịnh Độ. Đời là khổ hay vui? Nếu nói đời là khổ thì do đâu mà có khổ? Phải chăng do ái nhiễm dục lạc mới khổ. Người tu bất cứ pháp môn nào cũng có thái độ sống xả ly tham ái và chấp thủ. Tâm ấy gọi là tâm giải thoát. Niệm Phật là lộ trình tịnh hóa tâm thức, phát khởi tâm Phật, phát khởi tâm chân như, phát khởi tâm đại bi thương người, thương vật và cả chúng sanh. Cho nên tu niệm Phật không phải là bi quan, mà chỉ là giữ tâm lìa tham ái chấp thủ thế gian. Đem tâm từ bi giúp đời bớt khổ, làm mọi việc lành để vun bồi phúc đức và trí tuệ, đem sự nghiệp tu hành hồi hướng Tây Phương Tịnh Độ. Vãng sanh Tây Phương không phải là chạy trốn cuộc đời mà để sớm hoàn thành nhân cách giải thoát như Phật và Bồ tát trở lại Ta Bà cứu độ chúng sanh.

Người tu Tịnh Độ cần có chánh kiến, tin nhân quả, tin lời Phật dạy, tin nguyên lý y báo chánh báo. Tâm niệm Phật và hành thiện trong đời sống này là tâm trang nghiêm Tịnh Độ. Hành trang đường về

cực lạc là sự dẫn thân vào dòng đời này để hành đạo. Cuộc đời khổ đau này là ruộng phước điền, ruộng công đức vĩ đại cho người biết tu niệm.

Niệm Phật hay tham thiền và tất cả các pháp môn đều là phương tiện. Rốt ráo thực hành pháp niệm Phật là để thành Phật: "Vi tất cả hiền thánh từ niệm Phật mà sanh, tất cả các món trí tuệ từ niệm Phật mà có. Cho đến hàng Thập Tín Bồ tát và Tam Hiền Bồ tát đều không xa rời niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng; Không rời xa niệm Nhất thiết chủng trí. Từ sơ địa Bồ tát cho đến bát địa, cửu địa, thập địa cũng không xa rời niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng và niệm Nhất thiết chủng trí." (7). Nhất thiết chủng trí là Phật trí. Cho nên, hiểu niệm Phật là con đường thực tiễn giải thoát. Tất cả các cõi Tịnh Độ đều xây dựng bởi tâm đại bi, đại trí của Phật và Bồ tát. Cho nên nếu ai tu hành trong đời, phát Bồ đề tâm cầu giác ngộ, tu muôn hạnh lành trong đời là góp phần xây dựng Nhân Gian Tịnh Độ. Phương tiện và cứu cánh của sự tu hành đều từ tâm mà luận. Tâm thanh tịnh thì trí quang minh. Tất cả các công hạnh tu tập hướng tới Từ Bi và Trí Tuệ, Vô Ngã Vị Tha là con đường hướng tới giác ngộ và vắng sanh Tây Phương Cực Lạc.

4. Kết luận:

Khi tu đoạn trừ được phần nào phiền não thì hiện rõ thêm phần pháp thân. Thành quả niệm Phật với sự tu tập thiền pháp, luôn tương ứng với tâm nguyện cầu giải thoát. Người tu đạo luôn nghĩ ta đang sống trong ân đức và pháp thân của Phật. Tịnh Độ thiết lập từ sức đại bi, đại nguyện cứu độ chúng sanh của Phật. Cho nên Tịnh Độ chân nghĩa là gồm sức tự lực và tha lực của Phật, tạo thành sức mạnh tâm linh, để đạt được kết quả vắng sanh và chứng đắc Niết Bàn. Quá trình tu tập tất cả các pháp môn không rời xa chánh kiến niệm Phật. Phải thường tư duy chánh pháp Phật dạy để niệm Phật, để nhận thức được rằng tu bất cứ pháp môn nào cũng từ tịnh hóa tâm thức mới thành tựu tâm nguyện. Muốn sanh cõi Phật nào, cũng từ thế gian này mà hành đạo, cũng từ tâm này mà tu. Có như thế pháp môn tu tập phải gắn liền với đời sống con người, phụng sự chúng sanh trong đời, mới có cảnh giới Tịnh Độ như tâm nguyện./.

Thích Đức Trí

Chú thích:

- (1) Kinh Tập A Hàm, bài kinh "Niệm Tam Bảo", số 980; Hán dịch: Tống, Tam Tạng Cầu-Na-Bạt-Đà-La, Việt dịch: Thích Đức Thắng. Hiệu đính & Chú thích: Thích Tuệ Sỹ
- (2) Kinh Tập A Hàm, bài kinh "Cây Phướn", số 981; Hán dịch: Tống, Tam Tạng Cầu-Na-Bạt-Đà-La, Việt dịch: Thích Đức Thắng. Hiệu đính & Chú thích: Thích Tuệ Sỹ
- (3) Kinh Trung A Hàm, bài kinh "Trì Trai", số 202. Hán Dịch: Phật Đà Da Xá & Trúc Phật Niệm; Việt Dịch & Hiệu Chú: Thích Tuệ Sỹ.
- (4) Kinh Tăng Chi Bộ, Tập 1, chương 1, phẩm một Pháp, HT. Thích Minh Châu dịch.
- (5) Tác Phẩm này hiện trong Đại Chánh Tạng, Huệ Viễn Văn, La Thập đáp.
- (6) Liên Tông sơ tổ Huệ Viễn đại sư, HT. Thích Thiền Tâm dịch.
- (7) Thiền Thai Trí Giả Đại Sư biên soạn nguyên bản Hán, Đại chính tân tu đại tạng kinh Vol. 47, No. 1962, Tỷ Kheo Thích Đức Trí dịch ra Việt văn.



TRẦN Ý THU

THE COMMEMORATION OF THE BUDDHA'S BIRTHDAY

Buddha's Birthday comes annually.

There have been two thousand five hundred fifty eight years counted by calendar since the Buddha's birth.

The images of incense burning.

People always pray: Shariputra !

An homage to Amitabha Buddha.

Efforts knowledge Bodhi-mind.

Three refuges:

Take refuge in Buddha.

Take refuge in Dharma.

Take refuge in the Sangha.

Parinamana Buddha's.

Wishing for happiness by Amitabha.

Buddha's pure land.

The sounds of bells count in season.

we show gratitude to Buddha's Birthday Commemoration.

MỪNG NGÀY PHẬT ĐẢN

thơ

Từ bi Đức Phật Mâu Ni,
tìm ra ánh sáng đường đi nhiệm mầu.
Gian truân chẳng ngại đương đầu,
qua bao thử thách dãi dầu gió sương.
Phong ba bão táp người đương,
đâu chân lý sống kỷ cương đạo đời.
Cho nhân loại với chân trời,
tu là cõi phúc sáng ngời kỷ nguyên.
Nhiều môn đệ đến hàn huyên,
tuân theo bài dạy cơ duyên đạt thành.

Noi gương Thái Tử hiền lành,
thương nhân loại đã thân hành khổ mang.
Bồ Đề lá rụng ngày quang,
bình minh khởi sắc kinh cương Phật Đà.
Nay vì đại chúng tâm là,
ngôi vua Thái Tử Đạt Đa chẳng màng.(*)
Bao danh lợi với ngại vàng,
hồng trần giác ngộ thân càng lánh xa.
Hội chuông tụng niệm lòng ta,
về chùa Phật Đản bài ca đạo lời.

(*) Thái Tử Tất Đạt Đa (Siddhartha)

HÌNH ẢNH MẸ TRONG PHẬT GIÁO

G.S Trần Thủy Tiên

Đại Lễ Phật Đản của Người Việt vào Ngày Rằm Tháng Tư âm lịch, tức là vào Tháng Năm dương lịch, mỗi năm. Ngày Lễ Mẹ (Mother's Day) của Người Mỹ cũng vào Tháng Năm. Để kết hợp hài hòa cho hai ngày lễ ý nghĩa này, tác giả mạn phép trình bày sơ lược hình ảnh Người Mẹ theo quan điểm Phật Giáo, phát xuất từ nền văn hóa cổ xưa của Ấn Độ.

Thật vậy, trên 2500 năm trước, Đức Phật Thích Ca (Buddha Sakya Muni) đã nhiều lần dùng hình ảnh những người mẹ thống khổ để giảng dạy triết lý sâu xa của Phật Giáo, nhằm thức tỉnh con người ra khỏi sự vô minh và giúp họ tự đoạn diệt đau khổ, một cách khéo léo. Như chúng ta đều biết, đa số tình thương của những người mẹ đều kèm theo sự hy sinh vô tận cho con cháu, rất đáng ca ngợi. Nhưng tình thương đó cũng thường phát sinh sự ái chấp, chấp thủ, và dính mắc... tức là không thể buông bỏ, xa rời, và vì vậy tạo ra đau khổ. Bởi vì "Ái biệt ly khổ" - "Thương yêu mà phải xa cách", là một điều khổ. Vậy phải vận dụng công sức, tự Tu Tập, để giảm bớt, rồi tiến đến tận diệt sự quyến luyến trôi buốc, tức là diệt khổ.

Như trường hợp bà Ubbiri từng là một cô gái xinh đẹp, thuộc một gia đình giàu có, ở Savathi. Sau bà được làm vợ vua Pasenadi, ở nước Kosala, và sinh được một bé gái, tên Jiva. Nhưng ít lâu sau, Jiva qua đời, bà Ubbiri đau buồn như người mất trí, cứ đi đến các nơi hỏa táng, than khóc không nguôi... Một hôm, Đức Phật đến thành phố đó để thuyết pháp, một đám đông tụ tập, nghe giảng. Bà Ubbiri cũng ngừng lại nghe một chút, rồi bỏ ra bờ sông Achiravathi mà khóc. Muốn giúp bà thoát khổ, Đức Phật đến gần và hỏi vì sao bà khóc. Bà kêu lên: "Con gái tôi đã chết rồi! Con gái tôi đã chết rồi!" Đức Phật nói: "Này! Sinh tử, tử sinh liên tục. Tám vạn bốn ngàn người con gái của bà đã chết và được chôn ở nơi này. Bà buồn khóc cho người con gái nào?" Những lời đầy uy lực của Đức Phật đã làm bà bừng tỉnh và giác ngộ... rồi lập tức quy y Tam Bảo (nương tựa theo Phật, Pháp, Tăng). Sau đó, bà kể lại: "Tôi bị một mũi tên đau buồn đâm thẳng vào tim, vì cái chết của con gái. Đức Phật đã rút mũi tên đó ra khỏi tim tôi. Quả tim đã được chữa lành. Không còn nữa những khát khao, ràng buộc..."

Tương tự, bà Kisagotami từ một gia đình nghèo, được gả cho một gia đình giàu, rồi sinh được một bé trai, nên bà được gia đình chồng quý trọng. Nhưng vừa biết đi thì bé trai chết. Bà quá đau khổ nên mất trí, bồng xác con đến từng nhà, xin thuốc cứu con sống lại. Có người chỉ bà tìm đến Đức Phật. Ngài bảo bà hãy đi tìm một hạt cải trắng, nhưng phải từ một nhà nào chưa từng có người chết bao giờ. Bà liền đi khắp nơi, nhưng những nhà bà đến, đều đã có người chết. Bà... tình ngộ, nói với xác con trai, trên tay mình: "Con ơi! Mẹ tưởng cái chết chỉ đến với một mình con. Nhưng không phải vậy, nó

đến với tất cả mọi người." Bà mang xác con vào rừng, chôn cất. Rồi trở lại chỗ Đức Phật, xin xuất gia. Sau bà trở thành một trong những trưởng ni, dạy bảo ni chúng, và chứng quả A La Hán (một bậc giải thoát, không còn sinh tử, luân hồi).

Hãy nghe Đức Phật Thích Ca giảng Kinh Báo Ân Cha Mẹ, kể ra 10 ân, tức là 10 sự hy sinh trời biển, mà người mẹ dành cho con:

- Thứ nhất là bảo bọc và chăm sóc thai nhi.
- Thứ hai là sinh sản đau đớn, khổ sở.
- Thứ ba là quên hết mọi nỗi đau thể xác, sau khi sinh con.
- Thứ tư là ăn đắng, nuốt cay, và dành những món ngon ngọt cho con.
- Thứ năm là để dành cho con chỗ khô ráo, còn mình nằm chỗ ẩm ướt.
- Thứ sáu là cho con bú mớm khi thơ dại và nuôi nấng con lớn khôn.
- Thứ bảy là tắm rửa, giặt giũ cho con nhỏ.
- Thứ tám là luôn thương nhớ con khi con đi xa.
- Thứ chín là săn sóc và hy sinh cho con (lại vì con mà có thể phạm phải điều ác).
- Thứ mười là thương yêu con suốt đời, cho đến chết.



Hình ảnh người mẹ Việt Nam.

Nhưng sai lầm thay, đa số con cháu thời nay, lại quên ơn, bạc nghĩa, và bất hiếu với mẹ. Theo sách Tâm Lý Học Hoa Kỳ, ngay trong các gia đình có người cha vũ phu, đánh mắng mẹ, nhưng làm ra tiền nhiều hơn, con cái thường theo cha mà đổ tội cho mẹ. Một số người mẹ có thể quen lệ thuộc, hoặc đã bị chồng con lợi dụng về sức khỏe lẫn tiền bạc, nên không còn vốn để xoay sở làm ăn sinh sống, khó thể thay đổi để vươn lên. Họ có thể tuyệt vọng, không biết nương tựa vào đâu, khi chính chồng con cho rằng họ là nguyên nhân gây "mất hạnh phúc gia đình". May mắn thay, trong xã hội văn minh của Hoa Kỳ, những người mẹ này có thể kêu cứu với chính phủ xin giúp đỡ (về trợ giúp tài chánh để học nghề) và bạn hữu, hoặc hội đoàn, các tổ chức cộng đồng địa phương (về tình cảm, tinh thần ủng hộ), và phải có ý chí tự lập, nỗ lực làm lại cuộc đời. It's never too late to start a new life.

Ở Việt Nam, chúng ta thường nghe các bà mẹ chồng (thiếu kiên nhẫn và thiếu cả lòng nhân, không hiểu rằng tình yêu vợ và tình thương mẹ của con trai là hai loại tình cảm khác nhau nên không xâm lấn vào nhau) đã xúi giục con trai đánh mắng vợ, chia rẽ tình vợ chồng, gây bất an cho cả nhà. Ngày nay ở hải ngoại, chúng ta cũng nghe chuyện các con dâu (thiếu đạo đức, thủ vai chính trong việc khôn khéo rùi tai chồng) tạo căng thẳng, xung đột, để bỏ rơi mẹ chồng, cô đơn nơi xứ người. Cũng có những con trai, con gái đối xử rất tệ bạc với cha mẹ ruột. Lại có những cha mẹ ruột quá hà khắc, dùng bạo lực con đồ, xử trị con cháu như với kẻ thù... Có thể đây là chuỗi Nhân Quả vay trả lẫn nhau giữa những kẻ vô minh?

- Là những người tầm thường, không có trí huệ để nhìn thấu được Nghiệp Báo giữa quá khứ và hiện tại, chúng ta không rõ. Nhưng theo Phật dạy, đã được Làm Người kiếp này, tức là đã từng gieo được chút phước đức trong đời trước, thì chúng ta nhất định phải tiếp tục Nghĩ, Nói, Làm cho đúng với Lương Tâm của con người và của một hiểu tử, ít nhất để khỏi phụ công khó nhọc của cha mẹ đã sinh dưỡng mình tới lớn khôn. Cũng khỏi phụ công các thầy cô đã giáo dục học trò như mình, theo các giá trị nhân bản, lễ nghĩa, kiên nhẫn, trung tín với gia đình, dân tộc, và góp sức phục vụ cộng đồng, xã hội.

Làm con trai, với đảm lược của người đàn ông trưởng thành, ta nhớ bảo bọc cha mẹ và các chị em. Nhớ khuyên can mẹ (ở chỗ riêng tư) khi thấy mẹ thực sự bất công với con dâu, khen cha mẹ và vợ đúng việc (giữa các buổi họp mặt gia đình), giúp vợ con việc nhà, và bình tĩnh hòa giải sự bất ổn giữa cha mẹ và vợ, nếu có. Làm con gái, với đức hạnh và tài khéo về nội trợ lẫn ngoại giao, ta nhớ hỗ trợ cha mẹ và chồng con, xây dựng gia đình. Nhớ giữ đạo đức làm vợ, làm dâu, làm mẹ, và làm một hội viên gương mẫu cho tuổi trẻ noi theo, và cũng để cả nhà, đoàn thể, và cộng đồng được an vui. Chúng ta không thể an vui khi: để cha nằm ngoài phòng khách, mẹ bệnh ở xa không ai thăm, cha mẹ già đến thăm cháu, không được mời cơm, con trai nghe lời vợ không đóng góp chôn cất song thân, con gái sợ chồng, không dám nuôi mẹ vài ngày...

Trong Phân Biệt Kinh, Phật thuyết: "... Chỉ có đạo đức mới được tồn tại. Như ta thuở quá khứ, cũng từng phải làm cha mẹ, con cái, tôi tớ, nhiều đời không thể tính kể. Tất cả đều do nhân duyên một thời phải chịu... Và cha mẹ mà ta có được hiện thời là do nhân duyên đạo đức nhiều đời, chứ không phải do nhân duyên nghiệp báo. Nhiều đời cha mẹ ta đã để cho ta tự do học đạo. Chính nhờ công ơn đó, ta đã

siêng năng tu hành trải qua nhiều kiếp, nay mới được thành Phật. Vậy nên người muốn học đạo, phải tinh tấn, lo sao cho tròn Chữ Hiếu. Chớ để một khi bị đọa mất thân người (một khi bị làm thú vật hoặc vào địa ngục), muốn kiếp khó bề trở lại! Sau này, gặp Thời Mạt Pháp (có quá nhiều người bạc ác), các người cần nên tu hành Hiếu Thuận..."

"Lại nữa, có ba điều người đời ngu dại ưa làm, nên phải chịu quả báo trong ba đường khổ: Một là Thân ưa sát hại, trộm cắp, và dâm dục. Hai là Miệng ưa nói lời xuyên tạc, chửi mắng độc ác, phản bội, dối trá, lừa gạt, và nói thêu dệt, không đúng sự thật. Ba là Ý ưa nghĩ chuyện tham lam, giận hờn, si mê (vị ngã, tranh giành, ganh tỵ, ghen ghét...). Vì ba điều ưa đó mà đọa vào ba đường khổ: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Chỉ Người Có Trí mới nhận thức được."

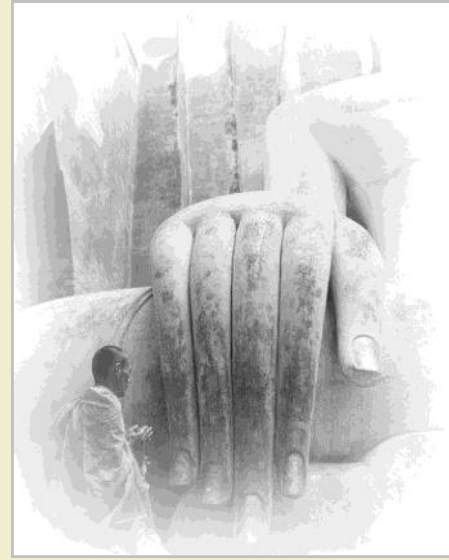
Theo tác giả Viên Thành, cái Miệng còn tạo các điều ác khác, như: ăn uống cầu kỳ, chỉ trích, rêu rao lỗi người, thường làm rách lòng, gây thù hận. Do đó, ông nói có 4 hạng người nên tránh: 1) Hay tìm kiếm sự sợ ý của người khác để nói. 2) Hay nói chuyện mê tín, tà kiến. 3) Miệng làm bộ nói tốt, bụng xấu ác. 4) Làm ít, kể nhiều. Từ cái miệng, ta có thể biết tâm ý mà đánh giá người khác, để cư xử thích nghi.

Sau cùng, con cháu cần biết: Sự ăn ở hiếu thuận với cha mẹ là một Tiến Trình lễ nghĩa với thâm tình lâu dài. Chớ nên bỏ bê cha mẹ cả năm, đến gần Ngày Lễ Mẹ (của Mỹ) hoặc Ngày Cha Mẹ (Lễ Vu Lan của người Việt) thì mới gửi một bó hoa, quà tặng (cho có lệ), hoặc bắc điện thoại "I love you!" là xong... Ờ!!! Mẹ cần tình thương và sự chăm sóc, hỏi han ân cần của con, nhiều hơn vật chất. Hãy nhớ lại lúc con vừa được sinh ra: Cuộc sống của con đã bắt đầu với sự thức giấc vào đời và lòng yêu thương khôn tận mặt mẹ. (Your Life began with waking up and loving your mother's face). Và đây nữa: Đàn ông yêu người tình nhất, yêu vợ nhiều nhất, nhưng yêu mẹ lâu dài nhất. (A man loves his sweetheart the most, his wife the best, but his mother the longest). Happy Mother's Day!!! Chúc mọi người Nụ Cười Vui...

Ngày Lễ Mẹ của Hoa Kỳ, 11.5.2014
& Ngày Phật Đản Việt Nam
(Rằm Tháng 4 âm lịch - 13.5.2014)
GS Trần Thủy Tiên,
M.A. in Psychology & Sociology

Nguồn Tham Khảo:

<http://hoavouu.com/p24a24667/tinh-me-trong-phat-giao>
<http://www.phatgiaongaynay.net/PhatGiao/VuLan/NhungNguoiMe.html>
Eternal Gratitude To Our Parents - English translated by Cung Hoàng Kim @2010
http://www.ngocbao.org/D_1-2_2-76_4-652_5-20_6-1_17-54_14-2/
http://www.ngocbao.org/D_1-2_2-76_4-611_5-20_6-1_17-54_14-2/



Người Con Gái của Nước

NGUYỄN VĂN SÂM

Preserving a river or a creek can bring a lot of revenue.

(Jim Fowler)

Sông bao nhiêu nước cũng vừa...

(Ca Dao)

1. Nhỏ Trinh đi thẳng vô sà n nước sau khi để cặp sách lên bàn. Vô nhà tắm, nó cẩn thận thay bộ quần áo đương bận ra bỏ vô thau giặt đồ, vô nường nường, nhẹ tay như là nâng niu từng sợi vải. Nó kỳ những chỗ dơ, những chấm lốm đốm do nước bẩn văng chỗ không dám xài bàn chải. Xả nước, nó vắt nhẹ nhẹ như là bộ đồ được may bằng gấm nhiễu, mạnh là sợi sẽ tưa.

Xong xuôi nó móc lên sợi dây kèm giăng trong đó, kéo vạt và hai tay áo cho thẳng để khô khỏi nhăn nheo rồi mới tắm gội, thay bộ đồ bộ vải bông ở nhà. Gần như mười bữa như một Ngoại ngồi coi truyền hình trên bộ ván ngựa đấng trước đều nói vọng vô:

"Trinh à! Con ý mình là con của nước nên thích giỡn với nước cả buổi chiều hay sao chứ?" Tiếng chớ của bà lên giọng hỏi nhưng là

giọng ngọt ngào thân thiết nên nhỏ Trinh không có gì phải cập rập.

Nó trả lời vọng ra:

"Ngoại à! Mai mà bộ đồ đi học chưa khô, là cháu của Ngoại không đi học được đó. Có một bộ đồ vĩa này thôi, rách hay dơ thì sáng mai *khó lòng* lắm."

Nó không muốn nói rõ với Ngoại là mình sẽ *trốn học* vì không có quần áo khô, nên thay thế bằng hai chữ *khó lòng*.

Vậy mà nhiều lần trong tháng ai đó trong nhà ngھnھng tắm giặt đã làm ướt bộ quần áo nó móc phơi trong nhà tắm. Sáng ra nó bậm môi thay vô mình bộ đồ hơi ướt ướt, nhiều chỗ còn ỉ ỉ rồi cặp sách đi lang thang ở ngoài đường ngăm xe hơi đi qua, ngó xe máy xẹt lợi. Nhiều lần như vậy cuối cùng thì nó bị đuổi học.

Bữa thấy không cần thiết phải giấu người nhà nữa sau một tháng sáng nào cũng sửa soạn đi học nhưng khi ra khỏi nhà thì chỉ ôm cặp đi rong rong ngoài đường, chớ không đến lớp, nó thú nhận với mẹ:

"Má, con bị đuổi học rồi. Má cho con nghỉ ở nhà phụ với má chuyện này chuyện kia nha! Bán buôn gì cũng được. Con không được phép tới lớp học nữa rồi."

Má nó như trời trồng, đứng sững:

"Sao? Con học giỏi lắm mà, sao lại bị đuổi đi?" Hai tiếng *sao* bà nhấn mạnh như hỏi gằn nhưng thiệt ra là để tự hỏi mình.

"Con học giỏi mà bị... nghỉ học nhiều quá. Bận quần áo ướt vô lớp hoài bạn bè trêu chọc chịu không nổi nên con lang thang ngoài đường... Nghỉ nhiều nên trường bôỉ sô. Con ham học lắm mà không được! Thêm nữa, tiền đầu mà đóng học kỳ này. Cộng hết tiền này tiền kia, tiêu hành tôi ớt thì hơn hai triệu chứ bộ ít ỏi gì sao?" Nó vừa nói vừa chui đầu vô ngực mẹ.

Trinh tưởng mẹ sẽ rầy la ghê gớm lắm. Có thể đánh chưởi không chừng. Nhưng không người mẹ chỉ hỏi một câu nhẹ nhàng như vậy rồi thôi. Bà ngồi thở dài, ôm đầu con gái, vừa vuốt vuốt vừa nắc nhóc nhỏ nhỏ, cuối cùng bà nuốt nghẹn nói như cổ tình làm cho con vui.

"Mắc cỡ chưa. Sầm sầm cái đầu mà còn nhóng nhèo với má."

Nhỏ Trinh cảm động quá và mắc cỡ thiệt tình. Nó chưa biết làm gì hay nói sao trong hoàn cảnh này. Mẹ nó an ủi:

"Bà Ngoại già nên chắc là bà tắm văng nước làm ướt quần áo con phơi. Thôi sô mình nghèo không đi học được thì chịu! Mẹ con mình sẽ buôn bán kiếm sống. Không *kiếm chữ* được thì *kiếm cơm*. Con đã lớn rồi, mười sáu tuổi đầu rồi chứ nhỏ nhít gì nữa đâu." Không kiếm chữ ở trường học được thì thu góp khôn ngoan ở trường đời. Con cứ học bằng sách vở, cứ học bằng bà con lối xóm, bằng mạng internet, học ở chính con do sự suy nghĩ và quyết chí..."

Nó ngược mặt lên, ngó chăm bẳm vô mắt mẹ, mong bà nói rõ hơn. Người mẹ mà lâu nay nó nghĩ cũng bình thường như bao người chơn quê khác, bây giờ nó mới nghe một câu cao xa. Lâu



lắm bà mới nói, vẫn chăm chăm ngó vô đường rẽ ngói trên mái tóc con:

“Má dốt và nghèo nhưng má biết cái gì là quan trọng cho đời người. Từ nay con phải lo tạo lập đời mình cho đúng: Nhớ kỹ cái đầu con, cái bộ não trong đó quan trọng hơn tiền bạc con có, càng quan trọng hơn sắc diện con gái của con.”

Trình lờ mờ hiểu rằng mẹ mình muốn dạy mình thành một người đặc biệt hơn là thành một phụ nữ tầm thường chung quanh. Nó hít một hơi đầy bụng phổi và cảm thấy hãnh diện vì lời dạy của mẹ mình...

Nó ngó ra ngoài hiên, nằng liềm lên thềm, rồi sáng nèn xi măng mới tráng gần đây, rọi lên những thùng giấy má nó đựng ba cái củ sắn, củ hành cùng là rau quả này kia bà bày ra trước nhà bán buôn với lối xóm. Trình thấy như là cuộc đời nó mới bắt đầu, chông chênh nhưng được mẹ để mắt yểm trợ... Nó hãnh diện và tự tin thêm.

2. Chuyện đó tôi không còn nhớ nhiều. Lờ mờ nhân ảnh. Một phần vì xảy ra đã quá lâu, một phần vì ngày bị thảm này tôi mới 5, 6 tuổi nên hình ảnh thâu vô trí không có bao nhiêu, đến nay đã thành mờ nhạt, đứt nối không thể liên kết được. Chỉ nhớ là ông tôi lúc bị họ bắt ra mổ bụng nói mình chỉ là Phưởng Trướng, một chức vụ hành chánh nhỏ nhít trong quận, chẳng có súng ống gì mà cũng chẳng có quyền bắt bớ ai. Máu me chảy ướt hết cái quần kaki của ông xuống tới đôi dép Nhựt làm chèm nhẹp đất, máu kết dính mấy ngón chân ông và đọng vũng ở chỗ ông bị trói vô gốc cây vú sữa trước sân. Còn nhớ họ nói với nhau trước đó gì mà *phải xử tội*, gì mà *ác ôn*, gì mà *phải bắt cho được*...

Ông tôi hai hôm trước trốn trên nóc nhà, họ lục hết nhà dưới này không thấy. Mỗi lần tôi ngó lên nóc nhà là Ngoại tôi kéo tôi đi chỗ khác. Tôi biết là không được ngó lên đó nhưng mà không thể cưỡng nổi đôi mắt liếc lên, có cái gì đó trong lòng tôi bắt ngó chừng lên đó hoài hoài như là muốn chắc chắn ông còn ở trên đó. Hai bữa sau, ông đói quá nên ngo ngoay tính xuống kiếm gì ăn thì bị phát hiện. Tội nghiệp ông, tôi biết ông chẳng làm gì hại ai, chỉ giúp người trong phường những chuyện giấy tờ lặt vặt cần thiết mà thôi.

Họ để ông chết đứng như vậy, cái đầu nghèo xuống, cái bụng



trống hóc đã thâm xì, ruồi bu không biết cơ man nào mà kể. Nghe tiếng ruồi vo ve không thôi tôi cũng bắt nhức đầu. Trời đất u ám hòa với cảnh tượng buồn thảm trước mặt làm cho tôi buồn ngủ thiệt tình, đứng đầu thì mắt nhắm híp ngủ đứng ở đó.

Lúc cái xác ông đã lên mùi, họ cắt dây trói kéo đem liêng xuống kinh thì tôi chạy vụt theo, giăng trì chân ông lại và khóc la lớn tiếng. Không có ai dám làm như vậy trừ tôi vì tôi thương ông quá xá. Khi thấy tôi kéo níu lần quần làm vướng víu thì một người trợn mắt trừng tôi rồi đá một cái quá mạng, Tôi văng tuốt xuống bờ sông. May mà ở đó có đám lát cao, tôi níu chặt, sợ quá thêm đau cái hông vô cùng, tôi nhắm mắt và ngủ luôn không biết trời đất gì hết.

Con Lulu thấy có người ăn hiếp cô chủ nhỏ của nó thì vụt chồm nhảy tới, với một tốc độ kinh hoàng và ngoạm tay anh chàng này, cắn nghiến không buông. Hai bên giằng co nhau, cuối cùng con Lulu bị cắn chết. Má tôi sau này nói với tôi chuyện đó. Mắt người còn ướt nước, không biết là thương con Lulu hay là nhắc về chuyện xưa bà nhớ tới ông ngoại tôi. Tôi thì tôi thương ông ngoại nhưng mà khóc vì tội nghiệp con LuLu.

Kể chuyện này lần nào cũng vậy, má trầm ngâm ngó ra bờ kinh trước nhà. Nước tràn đầy, mấp mé bờ, màu trong xanh,

hiền hòa lững lờ chảy. Bên kia bờ là xóm ngà ba Rạch Cát, gần bờ luôn luôn tấp nập mấy chiếc ghe chài xúc cát và chở cát khảm sát mí be.

Má tôi nin thình hồi lâu mới buông ra mấy tiếng gọn lỏn:

“Giận hết biết!”

Bà luôn luôn như vậy, có lời phát biểu như giận như than, nhưng không nói rõ giận ai và than với ai.

Tôi miên man trong suy nghĩ. Như vậy thì ít ra ông chết không cô đơn, có cả gia đình mình trước mặt, có cháu ngoại giành giữ phản đối kẻ ác, có con LuLu chết theo chứ. Thời đó biết bao nhiêu người chết đơn độc. Nghiệp họ chắc là nặng hơn nhiều hoặc giả họ đưa vai mình ra gánh nặng cái nghiệp của dân tộc chẳng? Cuối cùng con nhỏ rụt rè hỏi má:

“Con nằm ở dưới chỗ bờ nước hoài sao má? Lạnh chết!”

Má vụt đầu con, giọng xa xăm:

“Có một thanh niên của họ sau đó ầm con lên bờ. Anh ta bị cấp trên rầy la om tòi, nhưng chuyện chẳng có gì trầm trọng lắm. Cuối cùng thì lính mình tiến lên. Đạn nả qua lại chừng một buổi thì họ rút đi đầu hết về bên kia sông phía sau nhà, ở xóm Bình An, để lại mấy xác trong đó có *thằng cha* đá con xuống sông, cánh tay bị con LuLu cắn vẫn chưa lành miệng.”

Tôi ngó lên mặt mẹ để tìm cảm xúc của bà. Tôi biết mẹ mình thất vọng lắm mới xài hai tiếng *thằng cha*, thường thì ngôn ngữ của bà được kiểm duyệt trước khi phát ra thành lời để không có những tiếng *thằng cha*, *con mẹ*.

Rồi má tôi chép miệng:

“Cũng cầu là người thanh niên kia không hề gì. Anh ta coi bộ hiền từ. Giặc già kỳ cục thiệt. Kê hiên, kê dữ sống chung chạ với nhau trong một nghiệp ác, con người sống đó chết đó trong nháy mắt....”

Tôi ngó ra bờ nước. Mấy bụi lau sậy mười năm rồi vẫn vậy. Phất phơ theo gió. Tôi tưởng tượng lại cảnh đứa nhỏ là tôi nằm nép mình sợ hãi trong đó. Tôi nhìn đầm đầm ra bờ sông, chớp mắt vài cái vì nước sông xanh lơ hình như đương đổi màu sang đỏ sáng trưng của lửa phừng phừng, cái đỏ của một hồ nước *hoa mưng* nở đầy, hoa này chồm lên hoa kia che kín cả khúc kinh rộng. Tôi không muốn thấy màu đỏ bị thảm đó nên nhú mắt lại, cố thoát thần đôi ba phút để quên hoạt cảnh chung quanh...

3. Nước đồng minh mông san dã, mút mắt không biết đầu là bến bờ. Thịnh thoảng rời rạc lơ thơ mấy ngọn dừa trôi lên mặt nước vài ba tào trên đó đeo, đu năm sáu người ướt như chuột lột, té lên té xuống. Mặt nước chung quanh không động dậy mây, hiền hòa nhưng bạt ngàn quá khiến cho con người cảm thấy nhỏ nhoi, yếu đuối. Chữ *sắp chết chìm* như dán lên mặt, thấu vô ánh mắt mệt mỏi và thất vọng của mọi người, ngay cả những thanh niên mới lớn, ý tài ý tận vừa mấy ngày trước còn tuyên bố tùm lum tà la...

Sáu Dậu hai chun quơ dưới nước cố kiếm một chỗ để chun trên bệ dừa. Anh ta đập nhằm chun vợ. Người vợ mở mắt nhìn chông.

"Ba con Trinh thấy thế nào? Mọi căng không, cứ để căng trên căng tôi đỡ chút nào hay chút này, lấy sức mà giữ cái thùng con Trinh không thôi lỡ nước cuốn đi mất..."

Sáu Dậu không nói gì. Ba ngày nay ngâm mình trong nước lạnh, ngủ đứng mỗi lần vài ba phút anh đã quá mệt mỏi, chẳng buồn mở miệng.

Ngủ lẩn nầy một giấc hơi lâu anh mới mở mắt ra than với vợ:

"Má con Trinh à! Thôi thì tôi chịu thua. Tôi đi cho xong. Nước tràn đồng kiêu nầy không biết bao giờ mới rút. Hồi đó ở sâu trong Tháp Mười tới mùa nước nổi, người ta len trâu đi ngày nầy qua ngày nọ cả tuần lễ trong nước ngập tràn nhưng nước chỉ cao tới ngực là cùng. Còn kiếm được cái gì bỏ vô miệng. Bây giờ..."

Sáu Dậu buông lửng câu nói. Chị vợ ngó chông thương hại:

"Ba nó rán thêm chừng một, hai bữa nữa đi. Chớ cái thùng con Trinh rui nứt dây tui biết làm sao. Tui đâu biết lợi nhiều như ba nó đâu nà!"

Sáu Dậu ngó vô cái thùng

thiếu linh bình theo nước nhấp nhô, nhờ có sợi dây lạt dừa cột lại nên không trôi đi. Con nhỏ nằm im trong đó, chung quanh mình chèn mây bộ quần áo lạnh lặn của má nó, bủ ngón tay coi thấy ghét ghê! Ba má nó trong cảnh đó cũng gượng cười. Hai ba người đồng cảnh cũng cười theo, chia vui với người mẹ trẻ.

Bỗng từ xa có tiếng máy nổ của một chiếc tác ráng. Mọi người đều lớn tiếng kêu cầu cứu. Tiếng kêu ai nấy đều cố gắng nhưng chỉ để thoát ra được những âm thanh khàn khàn yếu ớt.

Tiếng máy của tác ráng lớn dần dần, hình ảnh những người ngồi trên đó cũng rõ ràng in trên nền trời trong. Mọi người lục đục trong tư thế sẵn sàng tranh đấu để lẫn chen lên phương tiện cứu sống đương tiến tới gần.

Sáu Dậu vừa ưa nước mắt vừa nói với một hai người mới kết thân mấy bữa rày:

"Mấy anh à, tôi không giành chỗ để lên tác ráng đâu, nhường chỗ cho mấy anh, nhưng mấy anh làm phước cho vợ tôi lên và cho cái thùng chứa con tôi... Tôi nghiệp họ, đàn bà con nít!"

Tác ráng tới, phương tiện của chánh quyền tỉnh, có một người lính Bảo An cầm súng, hai ba người kia cầm gậy gộc, họ cho tác ráng chạy quanh quanh cây dừa để quan sát tình hình, cuối cùng họ giơ 2 ngón tay trong khi ở đây đường có 6 mạng. Không ai nhường ai, tất cả nhao nhao và chưởi bới, giành chỗ ra gần mé nước nhứt. Sóng đánh từng chập liên tục. Tất cả trôi lên hụp xuống nhưng không ai để ý gì tới chuyện đó.

Cuối cùng người cầm súng dọa sẽ bắn bỏ ai giành lẫn hay là sẽ bỏ đi cứu người ở chỗ khác. Anh ta nhìn mạnh đàn bà con nít lên trước, đàn ông sẽ được chọn trong số những người già yếu..

Trong cảnh chết sống do con nước giận dữ đó Sáu Dậu mím cười khuyến khích vợ yئن tâm, anh có thể chịu đựng thêm một hai ngày nữa chờ chuyển tác ráng khác.

4. "Ba con ở lại sau rồi mất tích luôn?", cô thiếu nữ lên giọng ở cuối câu thay cho tiếng hỏi.

Người đàn bà không trả lời, chỉ gật đầu và đưa khăn lên quệt nước mắt.

Cô con gái ngó ra xa ngoài kinh. Nước vẫn tràn đầy như độ nào. Cô nghĩ tới người đàn ông trẻ là ba mình đã hi sinh cho mẹ

con cô được lên chiếc tác ráng đầy người bị lụt lúc đó. Cô hình dung ra sự chen lẫn giành giựt một chút chỗ ngồi như giành giựt sự sống mà cô nghe kể lại về những bước đường vượt thoát của đồng bào hai ba năm về trước.

Cô buột miệng:

"Giữa cái sống và cái chết mà lẫn ranh thiệt nhỏ nhoi và mơ hồ, tâm con người phải hay lắm mới bình tĩnh và nhường nhịn. Con biết lúc đó má phải trầy vi tróc vảy lắm mới lên được chiếc tác ráng."

"Thì vậy!"

Chị Sáu Dậu nói tới đó thì ngừng ngang, sứt sứt:

"Ý là có hòng súng bảo vệ, có ba con đẩy lên mà má đem con lên được rồi thì bãi hoải, chỉ muốn buông tay chết cho khỏe. Ba con ôm eo ếch má, rồi ôm hai cẳng đẩy lên vậy mà có hai ba người nào đó cứ kéo trì xuống hoài. Cuối cùng ba con hét lên coi chừng chìm xuống thì người lính Bảo An mới bắn một loạt và mấy người cầm cây đập họ má mới trèo lên được. Thiệt tình thì tác ráng cũng chật quá rồi. Có một người bị đập quá mạng, máu me đầy mặt nhưng cũng nhào lên được sau khi lẫn một ông già lọt trở lại. Ngó bộ mặt máu me của anh ta và đôi mắt thất thần hoang dại ai nấy cũng thấy tội nghiệp mà quên ông già bị té xuống nước khi nầy nên năn nỉ những người trên tác ráng tha cho anh ta."

"Ba con ở lại hy vọng đi chuyển sau. Từ đó má con mình không gặp ba con nữa. Rồi lên Sài-gòn ở nhà Ngoại. Rồi ông ngoại chết thảm. Rồi con bị đá xuống kinh. Từ đó bà ngoại nói con là con của nước."

Con Trinh an ủi má nó:

"Chuyện buồn quá, thôi từ rày má đừng nhắc lại nữa. Nước cứu con hai lần rồi. Con là con của nước chắc chắn từ rày nước sẽ lo. Con sẽ nương theo nước mà sống, không bao giờ quên ơn nước và hứa sẽ chẳng làm gì cho nước giận hờn phải nổi sóng, nổi lụt."

5. Chị Trinh bước ra cửa khi thấy thấp thoáng một người đàn bà cặp cái rổ cầu hình như là đựng cá đi xắm xắm vô ngõ. Người đàn bà mời đon đả:

"Cô Trinh mua giùm mớ cá húng hình này. Hai vợ chồng tui tôi đi bắt hồi đầu hôm tới giờ. Được có bấy nhiêu. Bán lấy tiền mua gạo nấu cháo cho sắp nhỏ. Nhà hết gạo rồi!"

Trinh giở tấm lá chuối lên coi. Đâu chỉ có hai ba con cá to bằng



nằm tay đứa con nít chưa tới tuổi đi học, còn lại là cá nhỏ, đủ thứ, trọng trọng bằng mút đứa là lớn, phần nhiều thì nhỏ hều...

"Trời ơi, chị bắt chi mấy con cá nhỏ tí tẹo, cá chục con không đầy một lùm, để cho nó lớn bắt lại phải tốt hơn không?"

"Chê nhỏ mình không bắt họ cũng bắt hết cô ơi! Ai thấy cá mà bỏ đi cho đành." Chị cười cầu tài: "Nhiều con nhỏ thì cũng thành một con lớn vậy."

Trinh thở dài, để tay lên vai người đàn bà:

"Nói này nghe nè! Nếu mình bắt hết cá nhỏ thì làm sao sau này còn cá lớn mà ăn. Chẳng thả bỏ cho ai bắt thì bắt, chứ bắt cá nhỏ là tự mình làm hư môi trường sống của cá, và làm hại nguồn sinh thái của người sống ở vùng này."

"Cô Trinh nói gì tôi không hiểu. Nghe lòng bùng nổ tai."

Trinh cười cười, nghĩ ngợi một lúc rồi chậm rãi nói, khi nhìn thấy hai ba đứa nhỏ thập thò ngoài trước, ý chừng muốn coi người ta buồn bán thứ gì.

"Giả sử như có một ông khổng lồ nào đó ở đây bắt hết nít nhỏ ăn thịt thì chị thử tưởng tượng coi 2, 3 chục năm sau chỗ mình ở còn ai? Chỉ mấy người già thôi. Rồi người già chết thì xóm này thành xóm hoang. Cá cũng vậy! Mình bắt hết cá nhỏ thì sau này không còn con cá lớn nào. Mấy người chài lưới giăng câu xóm mình than sao không có cá lớn là vậy. Họ nói lúc họ còn nhỏ thì cá tôm ê hề, cha chú họ muốn ăn chỉ cần xách lưới, xách nom ra một chập là mang về cả nửa thùng thiếc tha hồ mà nướng trui, nấu cháo hay làm một nồi canh chua đầy cá bằng bắp chuối. Bây giờ đi soi cá đêm mới được một nhúm không bằng số bỏ hồi đó. Càng khó mớ kiếm được tôm càng hay lẩu cá kèo, nồi canh chua cá tra, cá bông lau hay nồi cá chạch kho gừng. Muốn ăn thì phải bỏ tiền,

không thể nào ra đồng ra sông mà có. Tại sao chị biết hôn? Tại vì ta con nào cũng bắt, nhỏ lớn gì cũng liêng tuốt vô giỏ, hồng tha con nào hết. Người ta còn bắt bằng cách chích điện nữa. Bắt một giết chết mười. Hồi làm sao mà còn cá tôm cho được."

Người đàn bà sốt ruột:

"Mà cô ơi, cô mua rổ này đi, tui với anh không bắt người khác cũng bắt. Biết như cô nói là đúng nhưng mà cái khó nó bó cái khôn cô ơi, nghèo làm cho mình hèn đi, tham lam từ chút một."

Trinh thấy tội nghiệp chị đàn bà kia. Cái nhìn của chị không thể xa hơn miếng ăn của gia đình mình.

"Nói thì nói vậy chứ không sao, tôi mua cho chị rổ cá này." Ngó thấy chỉ có một mớ nhỏ mấy chục con còn nhảy xoi xoi bên cạnh mấy con thiếu nước đã bắt đầu há miệng ngáp ngáp Trinh móc túi đưa tiền: "Mua mà tôi không ăn đâu, chỉ xin chị bước xéo qua cái lạch nước cạn sau nhà ông Tổ Trưởng, bằng qua hết cái bầu Lung, tới cái xẻo xẻo đó rồi thả tất cả xuống xẻo. Tôi nghiệp, xóm Việt Kiều Cam-pu-chia ở đó họ khổ lắm, tui nhỏ thường ăn cơm chan nước lạnh, rắc vô một ít muối thôi, chẳng có thức ăn gì hết. Tôi lắm! Bầy cá này sanh sôi nảy nở hi vọng sau này họ có thêm cái ăn phần nào."

"Sao cô phải làm vậy?"

Trinh kéo người đàn bà ngồi xuống.

"Chỉ có nghe người ta nói về cuộc di cư của cá hồi ở nước Canada, hay ở Alaska nước Mỹ không?"

????

"Loại cá hồi thịt đỏ là loại cá ngon lắm. Nhiều nước họ ăn sống nữa bởi vì thịt nó đã không tanh mà còn thơm thơm. Cá này sanh sản ở nước sông đầu nguồn. Nhưng cá con sau một năm, khi lớn bằng bắp tay thì đều rú nhau lội ra biển để sống. Cuộc hành trình cả mấy trăm cây số, bằng dây ra tới ngoài Huế lận. Ở biển chúng lớn lên thành đàn, Cả chục triệu con. Khi về già, sắp sanh con, chúng rú nhau lội trở về sông cũ, để trứng ở đây rồi chết ở đây, trứng nở ra con nhỏ. Con cá nhỏ lớn lên có thể lội xa được thì vượt đường sông trở ra biển. Cứ như vậy.... Nếu người dân ở vùng sông cá lội qua mà cứ bắt hết cá nhỏ thì năm tới làm sao có cả chục triệu con cá lớn trở về. Mà nữa, làm chừng một hai lần cá sẽ đi chỗ khác mà

sanh đẻ hay là tuyệt chủng thì dân chúng ở xa không có cá ăn đã đành mà dân ở hai bên bờ sông cũng chẳng có cá ăn nữa!"

Người đàn bà để rổ cá xuống, đưa tay bóc lên mấy con cá, xăm soi, ý chị ta là sao cá của mình quá nhỏ, và quá ít. chị thắc mắc:

"Con đường sông quá xa sao cá biết đường lội tới nơi được cô? Tôi đi từ đây tới cầu ông Thìn, ra chợ Xóm Cúi còn lạc, cá lội mấy trăm cây số thiệt là tài."

Trinh giải thích:

"Người ta nói cá đi về nguồn bằng *mùi sông quê hương lúc trẻ*. Chúng nhớ cái mùi được hưởng từ phút đầu đời đó và cứ việc lội về nơi có mùi thân thuộc ngày cũ để được truyền giống và chết trên quê hương... Để thương ghê!"

Hai người đàn bà lại ngồi trầm ngâm ngó mông tra cửa.

Trinh nói tiếp:

"Chị biết không, trong mấy nước kia, dân ở chỗ đàn cá hồi về sanh sản được dạy rằng chỉ bắt cá có chừng mực mà thôi, mỗi người lớn một ngày không quá ba con, mà phải mua giấy phép câu cá chứ không được bắt tận giết tuyệt như người mình *mắn củi trên rừng mần cá dưới sông*. Cá hồi trở về lội chập cá sông, biến thành dòng nước đỏ người ta đi coi như lễ hội mà không ai bắt cá trái phép. Tại sao vậy? Vì người ta có ý thức bảo vệ chúng để cộng đồng được cái lợi lớn về sau.... giết cá còn nhỏ là chặt đứt tương lai của mình, như tự mình chặt tay mình để bị chết đói...."

Chị bán cá trầm ngâm:

"Phải mình ở gần đó đi coi cho biết ha. Cha! Cá đây sông, đồ au nước sông thì đẹp hết biết! Rủ bà con đi coi cá lội vui chết luôn!"

"Mình không có cá hồi thì cũng có những cái đẹp khác như Đầm Dơi, dơi về đây đầm, Đầm Cò, cò rú nhau tới đây đồng trắng dã một vùng. Đẹp biết là bao nhiêu! Tiếc là gần đây người ta đồn bầy này nọ về cường dương bổ thận nên dơi và cò bị giết quá nhiều, mấy chỗ đó bây giờ chỉ còn thưa thớt vài ba chục con, không còn là chỗ đáng coi nữa."

Người đàn bà chỉ muốn đi sớm, dờm cẳng:

"Thôi, tôi đi nghe cô Trinh! Có nghe nói về xóm Việt Kiều Cam-pu-chia tội nghiệp lắm, người ta che chòi lụp xụp để tránh mưa tránh nắng, con nít không đi học được vì không có hộ khẩu, tối ngày lang thang ở nhà không ai coi chừng coi đối gì hết. Nghe như vậy nhưng chưa bao giờ qua tới xóm đó. Sắn cô nhớ tôi ghé coi họ



luôn. Nghe nói họ còn nghèo hơn tui tui nữa...”

“Chị biết tại sao không? Họ trước đây ở Biển Hồ. Cá tôm tràn đầy, ăn đâu hết. Phải làm khô làm mắm. Một phần dân Miên ở Biển Hồ chài bắt quá sức, một phần bốn quốc gia trên thượng nguồn tranh nhau làm đập ngăn nước cho nên cá bị mất dòng sống, không sanh sản nhiều như xưa nữa, Biển Hồ trở nên biển không cá. Dân mình không còn có thể sinh sống bằng nghề chài lưới nên phải lộn trở về đây...”

“Mình cho họ rõ cá này nhe?”

Trình bụt miệng cười lớn:

“Chị cũng chưa hiểu hết ý của em, nhưng mà thôi, mình nói lại chuyện đó sau. Bây giờ chị đem đến bầu Lung mà thả giùm cũng được, đi xa quá sợ rằng cá chết hết, vô ích.”

Trình móc mấy chục ngàn ra trả cho người đàn bà chịu nghe kia rồi mỉm cười khi thấy chị ra tới cửa ngõ còn quay đầu lại gởi lời chào thầy giáo rồi vui vẻ nói về dự định của mình:

“Cô Trinh à, chắc tui chuyển nghề.... đi bán bánh ít bánh tét, bánh cam bánh vòng, bánh đúc hay bánh bột chiên chớ nghề bắt cá con này coi bộ mang *tội sát sanh* mà chẳng được cóc khổ gì.”

Ngó bộ mặt hí hửng tươi cười và dáng chị ta quày quã, Trình nghĩ mình đã thành công phần nào. Nói cho người nào đó bỏ thói quen không phải dễ dàng gì. Càng khó hơn khi khuyên họ bỏ một suy nghĩ đã hằn nếp bao nhiêu chục năm. Chỉ trông mong cho *mưa dầm thấm đất* họ từ từ thấy đâu là lẽ phải.. Rồi cô mỉm cười với mình: Và Mẹ nước bớt bị vắt sức tới nỗi cạn kiệt không cung cấp được cho đàn con sống trên vòng tay nước của mình....

6. Thầy giáo Hiểu lập lại với vợ về tiếng đồn của dân chúng trong vùng từ khi chị Trinh về làm dâu xứ này:

“Cô Trinh vợ thầy giáo Hiểu từ về xóm này tới giờ mang đến cho xóm những ý kiến mới, những đề nghị đổi thay. Một số ít đồng ý nhưng một số đông người có những bức bối. Chị nói về mẹ nước, về nguồn sống từ nước và bốn phận của con người là bảo vệ nước để tài nguyên trong đó khỏi cạn kiệt... chị nói mà không để ý đến hoàn cảnh thực tế về đời sống của dân chúng...”

Cuối câu giáo Hiểu cười cười hỏi vợ:

“Em thấy họ nói đúng không, có oan em chút nào không?”

“Đúng thì có đúng nhưng oan.”

“Oan sao đâu nói nghe coi.”

Họ không thấy lòng tốt của em nghĩ tới người dân mà chỉ để ý đến lời khuyên trái với lòng họ nghĩ theo cách cũ xưa nay nên bức bối oan cho em. Gặp ai thì em cũng giảng là *đừng làm dơ nguồn nước, đừng làm cạn kiệt nguồn cá tôm trong dòng mẹ nước*. Chủ cơ xưởng ghét vì thải thẳng chất phế thải công nghiệp ra sông ra rạch thì họ đổ phải chi phí làm sạch nước phế thải. Chánh quyền không ưa em vì họ có lợi khi bao che cho chủ xí nghiệp. Khó khăn với xí nghiệp thì họ được lợi gì đâu. Mà theo lý thì phải khó khăn.”

“Mình là người dân thôi thì nhắm mắt cho qua. Nói càng thêm va vô thân.”

“Họa ai lại không sợ, nhưng biết mà không nói thì mình sẽ tự khinh mình...”

Thầy giáo Hiểu làm thỉnh, bỏ ra ngoài hút thuốc. Thấy không khí khó thở chị Trinh bước ra theo chồng, đã là:

“Anh coi, mấy cô gái bán *giấy số xổ liền* kia. Đẹp ác! Má đỏ đỏ môi hồng hồng mỏng nhọn nhọn, tóc dợn dợn, guốc cao cao. Bán giấy số mà trang phục kiểu đó không phải xổ liền chẳng lẽ vừa đi bán vừa đi ăn đám cưới.”

Giáo Hiểu cười, cười:

“Giấy số xổ liền là gì vậy bà xã?”

“Thôi đi ông thần ơi, đừng giã mù sa mưa. Giấy số xổ liền là *bán hoa* trả hình đó. Đồng ý đi mát mẻ thì khi mua giấy số ra hiệu gì đó, cô ta sẽ đưa cho số điện thoại di động. Khách sẽ gọi lại hẹn bãi đáp, giờ đáp...”

Giáo Hiểu chép miệng:

“Anh thấy tội nghiệp, đáng thương hơn là đáng trách. Họ không biết cách làm ăn nào khác nên phải nhắm mắt đưa chân. Em thấy không hai ba cô đi lên bè cá. Thế nào sau đó cũng có chuyện.”

“Em ác cảm với những người nuôi cá bè! Họ làm giàu mau nhưng cũng mau làm ô nhiễm nước sông. Cả trăm cái bè cá kéo dài từ đây tới Cần Giuộc thì dân chúng còn đâu nước sạch mà dùng.... Nước sông sạch làm cho con người trắng kiện, nước sông ô nhiễm làm cho dân chúng ở gần dòng sông ốm o gầy mòn, chết sớm... Bây giờ chủ bè có tiền thì họ lại làm *ô nhiễm* đời... những giới chức thẩm quyền thì ngó lơ vì ăn sồi chùa ngậm miệng.”



Giáo Hiểu xối một thùng nước lạnh vô mặt vợ:

“Ai khôn thì nhờ, ai nghèo khó, thấp cổ bé miệng thì chịu thiệt thòi. Em phát biểu linh tinh có ngày vô tù sớm...”

Chị Trinh bỗng cảm thấy xa cách với người chồng đầu gối tay ấp mấy năm nay. Trong câu nói của Hiểu chị thấy nổi bật sự sợ sệt ẩn chứa trong lời thối thác. Sự thối thác lâu ngày sẽ tạo hình cho tính vô cảm mà Trình rất ghét.

Nửa đêm hôm đó xóm gần cầu Nhị Thiệp Đường có tiếng la phát ra từ chỗ xóm bè cá:

“Cứu tôi! Cứu tôi! Up! Up!... Tôi không biết lội. Họ *đi bay* rồi *BÙNG* còn xô tôi xuống sông! Up! Up!... Cứu tôi! Cứu tôi!” Up!

Chị Trinh lay chồng:

“Anh nghe kìa! Tội nghiệp thì thôi! Tiếng kêu cứu của cô gái bán giấy số xổ liền. Hi vọng có ai đó kịp cứu cô ta. Mình tới nơi thì chắc cũng đã quá trễ.”

Nghĩ đến cô gái sắp chết chìm bỗng nhiên chị Trinh tỉnh ngộ: Mình là con của nước. Nước đây là nước sông nước rạch, Đồng thời là cái Nước nhỏ bé khốn khổ bao nhiêu ngàn năm nay. Con của Nước. Con của Nước. Vậy tôi phải làm gì cho xứng đáng.

Chị Trinh ngồi dậy lẳng tay nghe coi có tiếng lao xao tiếp theo chuyện kêu cứu vừa rồi hay không.

Từ bề yên lặng. Thầy giáo Hiểu đã trở mình ngủ lại. Vô tư...

Gió bỗng thổi mạnh, rồi mưa trút xuống sục sùi, như nước trên trời khóc buồn cho muôn ngàn sinh linh đương lặn hụp trong số kiếp bi thương. Và sự cô đơn của Trình nữa.!

Nguyễn Văn Sâm

[Sau khi đọc tin về những anh thư nước Việt gần đây.]

Am mây ngàn

HUỲNH TRUNG CHÁNH



*Rồi đây bèo hợp mây tan
Biết đâu hạc nội, mây ngàn là đâu?*
Nguyễn Du

Không biết từ lúc nào, mà ngôi tịnh thất vô danh thấp thoáng dưới tàn cây huyền đàn rậm lá trên đỉnh núi Ông cheo leo mây mù đóng đưa bao phủ quanh năm, đã được dân quê dưới chân núi ưu ái gọi là am Mây Ngàn thay thế cho cái tên "chòi đạo An" mà họ hòa nhau ám chỉ túp lều lá của sư Từ Ân ngày trước. Thuở mới đăng sơn cầm dùi khấn đất làm chốn ẩn tu, sư lúi thúi một mình chẳng có móng đệ tử lắng xăng đón đưa phục dịch, sư tự vác cuốc, quảy gánh... lặn lội lên tận đỉnh, khai phá được một khoảnh đất nhỏ làm rẫy. Sư bắt đầu trồng các loại rau đậu, khoai, bắp, cà dưa... để sớm gặt hái hoa lợi, mang xuống núi nhờ người dân phân phối tiêu thụ để đổi gạo và vài vật dụng linh tinh cần thiết. Sau đó sư mới phát triển thêm vài loại cây ăn trái như mít, ổi và năm ba bụi chuối... những loại mà bạn hàng thường đến tận nơi mua mả, sư đỡ nhọc công liên tục gồng gánh xuống núi. Sư lao động cần mẫn, chơn chất giao tiếp, cung kính đối xử với mọi người, chẳng ra vẻ dạy đời dạy đạo ai, thành thử dân xóm dưới núi chẳng mấy ai tin tưởng sư là bậc tu hành chân chính, nên nếu họ gọi sư là "ông đạo" hay "đạo An" kể ra là quá trọng vọng rồi. Một hôm sau chuyến đi tham dự giỗ tổ hàng năm tại quận Tánh Linh trở về, sư Từ Ân bỗng nghe tin bà Hai, một cụ bà nghèo khó xóm dưới chân núi lâm trọng bệnh đang ở trong tình trạng hiểm nghèo, sư vội ghé thăm. Hoàn cảnh sống của cụ vốn đã bi đát, con cái lập nghiệp phương xa, bỏ lại đứa cháu trai bé bỏng - thằng cu Tý - cho bà chần giữ, nay thằng bé đã lên tám tuổi mà người cha vẫn biệt tin, hai bà cháu đành bươn chải lội vào rừng mót củi đem về bán để kiếm sống đắp đổi qua ngày. Nay nếu bà có mệnh hệ nào thì số phận thằng bé càng thêm mờ mịt. Sư đến nơi vừa đúng lúc: bà cụ đang cơn hấp hối mê man, thở khò khè đứt khoảng... mà mắt lại trợn trừng, như vẫn tiếc nuối gắng gồng giữ chút hơi tàn... Ôm cứng thân bà là đứa cháu nội đang kêu khóc thảm thiết khiến bà con cô bác đang tề

tụ ai cũng mũi lòng. Thế nhưng, tuy mọi người đều ra vẻ khấn trương góp ý, mà chẳng ý nào được đa số tán đồng, thành ra tranh luận lằng nhằng mãi, vẫn chẳng có giải pháp cụ thể nào được đề ra cả. Sư vội vã mở tay nải lấy y vàng khoát vào, khẽ tiếng khấn cho mọi người chú ý, rồi cất tiếng:

- Thưa bà con cô bác! Tình trạng bà Hai đã nguy kịch lắm rồi, bây giờ dầu chúng ta bàn tán ồn ào cách nào cũng không cứu vãn nổi mạng sống bà, mà có lẽ chỉ làm cho bà thêm bối rối khổ sở mà thôi, do đó, tôi đề nghị bà con giữ yên lặng để cùng tôi Niệm Phật nguyện cầu hương linh bà sớm ra đi nhẹ nhàng an lạc...

Vuốt ve vổ về thẳng bé, sư ôn tồn hỏi:

- Cháu thương nội lắm phải không?

- Híc... híc...! Thương lắm lắm!..

- Thương thì cháu phải bình tĩnh, đừng kêu khóc, thì thầy Niệm Phật nguyện cầu cho nội cháu mới có kết quả!

- Dạ!

Sư khẽ tiếng khấn rồi hướng về con bệnh ngọt ngào lên tiếng:

- Di Hai! Tôi nghĩ rằng di Hai đang bối rối vô cùng không nở ra đi chỉ vì quá lo lắng cho số phận của thằng cháu phải không? Nếu đúng như vậy, thì tôi xin hứa với di là sẽ thay thế di lo lắng cho nó, tôi nguyện nuôi nấng dạy dỗ nó nên người. Xin di hãy yên tâm!

Mắt bà Hai đã đứng tròng, vậy mà bỗng nhiên chớp chớp, một giọt nước mắt thương cảm mờ hồ ứa ra. Sư vội tiếp lời:

- Thời giờ còn lại rất quý, vì vậy di nên hết lòng tu tập. Khởi đầu tu tập là lễ quy y nghĩa là xin nương tựa vào Tam Bảo: Phật, Pháp, Tăng. Thầy đặt cho di pháp danh là Diệu Duyên, với ý nghĩa là di có phước duyên kỳ diệu trong giờ phút cuối của cuộc đời, được quy y Tam Bảo. Diệu

Duyên hãy phát nguyện trong tâm: Con nguyện quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Diệu Duyên đã quy y Tam Bảo thì không còn phải đoạ vào ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh nữa, tuy biết vậy, nhưng Diệu Duyên phải tận lực tu tập thêm giây phút nào tốt giây phút nấy. Phương pháp giản dị nhất mà chư Phật đồng giảng dạy là "khi lâm chung nếu ai một lòng chân thành niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà mười niệm, thì sẽ được Đức Phật gia bị vãng sanh về cõi Cực Lạc. Thầy sẽ niệm Phật hướng dẫn cho di Diệu Duyên niệm theo, di nhớ một lòng một dạ niệm, đừng nghĩ chuyện gì khác, không lo lắng, buồn bực hay sợ hãi gì hết nhé!

Hướng về bà con lối xóm, sư lên tiếng hướng dẫn:

- Cận tử nghiệp đóng vai trò quyết định cho cõi tái sanh nên rất là quan trọng, vì vậy thầy xin cô bác nên hết sức ủng hộ cho di Hai tu tập trong giờ phút này. Xin cô bác hết lòng cùng với thầy Niệm Phật hỗ trợ cho di, hầu giúp di tăng thêm công đức vãng sanh về cõi Phật.

Sư khẽ tiếng khấn, rồi lên tiếng:

- Xin tất cả cùng Niệm Phật theo tôi: "Nam mô A Di Đà Phật... Nam mô..."

Điều lạ lùng là bệnh nhân trong cơn hấp hối tay chân co giật quờ quạng, lặn lội trần trố và hơi thở thì nặng nề đứt khoảng... vậy mà bỗng chịu nằm yên lại, sắc diện thư giãn lần, bớt nét khủng khiếp, rồi hơi thở cũng từ từ dịu nhẹ, thoang thoảng mong manh rồi ngưng hẳn. Dù vậy, sư cũng tiếp tục chủ trì Niệm Phật thêm tám giờ mới tạm ngưng. Sư chi tiền nhờ người mua một áo quan rẻ tiền, tụng kinh siêu độ, cúng hoàn tất mọi lễ nghi cần thiết cho đến khi an táng xong mới dẫn cụ Tý lên núi nuôi dưỡng...

Tỷ hội nhập an vui với nếp sống mới, và tiền bộ khá nhanh, có lẽ nhờ được thầy thương yêu chăm sóc chu đáo từ vật chất đến tinh thần: thầy dạy Tý tập đọc,

tập viết, tập toán pháp và rèn luyện từng oai nghi. Tỷ cũng sáng dạ nên chỉ thời gian ngắn đã có thể thuộc lòng vài thi ca thiên và kinh sám ngắn, chuông mõ cũng khá nhuần nhuyễn nên được thầy cho thọ giới sa di với pháp danh là Minh Mẫn. Tuy chỉ có hai thầy trò, nhưng sư Tử Ân vẫn nghiêm túc giữ hai thời khóa công phu khuya và tối. Thời tọa thiền chú được miễn, dù vậy chú vẫn tự động thực tập, nhưng thường thường chú chỉ cố gắng chừng mười lăm phút thì chân tay đã rờn rảy, chú rón rén phóng khỏi thất ngao du sơn thủy. Ngoài lúc phải chăm sóc rầy bái, sư dành khá nhiều thời giờ giảng dạy cho đệ tử kiến thức căn bản nương theo chương trình bậc tiểu học, đồng thời cũng tùy nghi gieo hạt giống đạo pháp qua các hiện tượng thực tiễn ngay trong nếp sống hàng ngày: một con chim thoi thóp, một áng mây tan... đều có thể gợi ý cho bài học vô thường vô ngã; bầy ong hút mật, đàn kiến tha mồi... cũng dựng thành đề tài tinh tấn đồng hành tu tập. Chú sa di theo hầu sư phụ gần sáu năm, thẳng bé con ngờ nghệch năm xưa đã vào lứa tuổi mười bốn, chú thích quan sát tìm hiểu cội nguồn sự vật, nên luôn luôn có những nghi vấn lẫn quần trong đầu. Vừa gánh nước tưới luống khoai, vừa nghe ngao ngẩm nga: “Ba vạn sáu ngàn ngày là mấy? Cảnh phù du trông thấy bỗng nực cười!.. (1)”, chú bỗng ngưng lại hỏi sư phụ:

- Thưa thầy! Cảnh phù du ý nghĩa như thế nào con không hiểu, thầy ạ!

- Phù du chỉ chung cho loại côn trùng nhỏ kiếp sống ngắn ngủi một vài ngày tựa như con thiêu thân, vì vậy, cụm từ “cảnh phù du” ngụ ý cho cái cảnh lợi danh, vinh nhục... ngắn ngủi chóng tàn mà con người bon chen chạy theo như con thiêu thân lao vào ánh lửa. À! Mà con có hiểu “ba vạn sáu ngàn ngày” mang ý nghĩa gì không con?

- Thưa thầy! Ba vạn sáu ngàn ngày là một trăm năm, tượng trưng cho một kiếp người!

- Giỏi lắm! Vậy con tính thử xem con phù du phải trải qua bao nhiêu kiếp mới bằng một kiếp người, vậy con?

- Nếu đời sống của chúng kéo dài ở mức trung bình chừng hai ngày, thì tính ra chúng phải trải qua đến 180 ngàn kiếp lận! Ôi chà! Vậy thì đời người kể ra cũng dài chẳng phải không thầy?

- Ua! Quả thật quá dài so

với côn trùng, nhưng nếu đem so với các cõi Thiên hay cõi Cực Lạc thì trăm năm cõi người ngắn ngủi như một ngày, một khắc hay một giây phút mà thôi!

Thấy đệ tử tròn xoe mắt, ngạc nhiên đến ngẩn người, sư mỉm cười tiếp lời:

- Để con có thể hình dung được tính tương đối của kiếp sống dài ngắn, thầy kể con nghe sự tích về người tôn vinh chồng (2) tức nàng Patipùjikà như sau:

“Vào một buổi sáng, vị Thiên tử tên là Málabhàri(3) - người mang vòng hoa - là một trong những Thiên tử trên cõi trời thứ ba mươi ba(4), cùng một ngàn cô vợ tức Thiên nữ như thường lệ viếng vườn thượng uyển. Các thiên nữ thi nhau, kẻ hái hoa, người kết tràng hoa tô điểm Thiên Tử. Có một thiên nữ tên Patipùjikà đang hái hoa thì mạng số bỗng chấm dứt. Vì chúng sinh cõi này thuộc loại hóa sanh, nên khi lìa đời thì tức thời thân biến mất như một ánh đèn chột tắt, nên bao người hiện diện tại đó chẳng ai hay biết.

“Cô tái sanh vào một gia đình có địa vị tại thành Xá-vệ vào thời Đức Phật tại thế, và do phước duyên hy hữu, cô nhớ rõ được tiền kiếp, nên sống trong nhung lụa mà cô hằng tha thiết mong rời bỏ chốn này để tái sanh về cõi Trời chung sống với người chồng cũ, tức thiên tử Málabhàri mà cô yêu thương. Nhắm mắt nhắm nguyện ước này, cô tinh tấn tu thập thiện và đặc biệt là hạnh bố thí và hạnh lễ kính cúng dường Tam Bảo, bền

bĩ suốt mùa an cư này đến mùa an cư khác. Năm mười sáu tuổi cô được gả chồng giàu sang và lần lượt hạ sanh được bốn người con, nhưng dù đời sống thế gian có tốt đẹp như thế nào, cô “tiền mắc đọa” này vẫn một lòng một dạ hằng say tu tập với nguyện vọng duy nhất là sớm tái sanh về cõi Trời hội ngộ với người chồng thiên tử.

“Một hôm, sau khi cúng dường đánh lễ chư Tỳ-kheo, nghe pháp và thọ trì giới xong, đến chiều tối vừa về nhà thì cô thành linh mắc bệnh qua đời và liền tái sanh về với chồng trước. Suốt thời gian đó các thiên nữ vẫn còn đang nhất hoa trang điểm cho vua trời Málabhàri. Vừa thấy mặt nàng, thiên tử liền vận hỏi:

“Này giờ nàng đi đâu mà vắng mặt?”

“Thưa thiếp vừa từ trần chốn này, liền đọa sanh làm người tại thành Xá Vệ, nước Thiên Trúc. Thiếp vào thai mười tháng, sanh ra lớn lên, và lập gia đình hạ sanh bốn con... sống mấy mươi năm tại cõi Thế, nhờ hết lòng tu tập hồi hướng sanh trở lại cõi Thiên, nên vừa chết thiếp liền hóa sanh về đây diện kiến long nhan, mà buổi hái hoa trang điểm vẫn chưa tàn. (5)

“Đời sống loài người quá ngắn ngủi đến mức đó sao?”

“Dạ! Ngắn ngủi nên con người phải tất bật làm lụng nhọc nhằn cả đời để mưu sinh, đã vậy còn gánh chịu bao nỗi khổ hành hạ: nào là khổ sanh già bệnh chết, khổ cầu chẳng được, khổ chia lìa người thương, khổ chung





đụng người ghét, lại còn bị thiên tai khủng khiếp dọa nạt, chiến tranh xâu xé, nạn cướp giết, lường lọc giả trá rình rập... khiến con người phải chịu khổ sở triền miên từ khi chào đời cho đến khi mạng vong.

"Thiên tử chép miệng than:

"Tội nghiệp họ quá hã!

"Thế nhưng, ngàn thiên nữ bao quanh đang tranh nhau ống ẹo phục vụ Thiên tử, người quả bận rộn hưởng lạc thú thần tiên nên đâu có "hưỡn" suy nghĩ chuyện tào lao ở cõi trần làm gì nữa. Vì vậy, nếp sống trên tầng trời thứ ba mươi ba đó vẫn tiếp tục như cũ chẳng có gì thay đổi.

"Trong khi đó, tại trần thế có những vị Tỳ Kheo khi nghe tin vị thí chủ thuần thành chỉ có một ước nguyện đơn giản "sống với chồng" mà lại bị chết yếu bỏ lại chồng con, bèn chạnh lòng thương xót tham kiến Đức Phật tìm hiểu nguồn cơn. Đức Phật dạy: "Này các Tỳ Kheo! Nàng Patipùjika không hề mong cầu sống với người chồng ở đời này, mà thật tâm chỉ nguyện được sống với người chồng Thiên Tử ở cõi trời thứ ba mươi ba và nay nàng đã thỏa nguyện rồi!"

Sư yên lặng trọng giây phút cho đệ tử nghiền ngẫm, rồi từ hòa khuyên nhủ:

- Qua câu chuyện này ta có thể nhận thấy rằng trong sáu nẻo luân hồi: cõi Thiên, cõi A Tu La thọ mạng dài lâu, vui chơi sung sướng thỏa thích... nhưng nhân nhả quá nên chẳng ai quan tâm đến việc tu hành, mãi đến khi hết phước bị đọa lạc mới ăn năn thì đã muộn màng rồi; cõi súc sanh ngu mê ám chướng, cõi nạ quý địa ngục đói khổ bức bách cùng cực...đều không có điều kiện tu tập; chỉ riêng có cõi người, mạng

sống vừa phải, có thời giờ phát triển sự hiểu biết, mới có thể nhận chân được lý vô thường trên cuộc đời, lại được cái khổ sanh, già, bệnh, chết thúc bách nhắc nhở, nên mới có thể phát tâm đồng mãnh tu đạo giải thoát... tóm lại ta có thể xác quyết rằng cõi người hội đủ điều kiện tu tập thù thắng hơn bất cứ nẻo nào khác. Minh Mẫn ạ! Được làm người, được học hỏi Phật pháp là phước duyên lớn đó! Con nên luôn luôn tận tụy điều này để đêm ngày thúc liễm thân tâm tu tập con nhé!

- Xin thầy yên tâm! Con luôn tận lực tu tập để có thể hồi hướng công đức cho nội con, thầy ạ!

- Con giữ được lòng hiếu kính trung hậu như vậy khiến thầy rất hài lòng!

Sư thông thả chuẩn bị trở vào tịnh thất tọa thiền, chợt cảm thấy núi rừng như đang hân hoan mừng dậy, quang đăng ấm áp vô cùng, cỏ cây mơn mớn xanh tươi, chim chóc ca hót vang lừng,... thiên nhiên tỏa ra sức quyến rũ lạ lùng khiến sư không cưỡng nổi, sư bỗng nảy ý ghé lại tảng đá bằng phẳng cạnh dàn bí tọa thiền. Bông bí vàng tươi rực rỡ, ong bướm lảng xảng vẩn vơ hút nhụy hoa, hoạt cảnh náo nhiệt dễ thương này cứ thế mà đeo đẳng sư mãi, khó mà dứt lại. Sư nghĩ đến giải pháp đối trị bằng cách trực diện ngay với cái loạn động, vì vậy sư liền xử dụng "đời bướm vô thường" làm đề tài thiền quán...

Khởi đầu... Từ giấc ngủ miên man con chợt trở mình thức giấc, rụt rè xòe đôi cánh mong manh học đòi làm bướm. Bướm đón chút nắng ấm cho tăng thêm sức lực, động dậy đôi

cánh, rồi rướn người tới trước, cổ sức đập cánh liên tục nghiêng ngả bay, rồi từ từ lấy được thăng bằng vút mình lên cao. Con bướm vàng tung tăng đảo một vòng quanh dàn bí, dun rui dọc theo luống cà, luống dưa, rồi tiếp tục lướt nhanh về hướng Đông. Bướm len lỏi theo vách đá dựng đứng không dấu chân người, rồi đậu lại trên chùm bông bằng lăng hồng tím chót vót trên đỉnh, ngao nghê ngắm ngàn mây chất chồng cuộn cuộn xua đuổi nhau về chốn mịt mù xa tít. Bây giờ, dường như sư không phân biệt nhớ nghĩ gì đến chủ thể và đối tượng để tài thiền quán nữa. Sư nhập nhằng làm bướm hay bướm biến hóa ra sư cũng đều chẳng có gì là quan trọng, hiện hữu màu nhiệm hiển bày thì bướm cứ vui sống đời bướm vậy thôi... Bướm vàng mím cười tiếp tục phất phới hưởng về mồm đá phương Bắc, sầm soi từng cụm mai rừng trụi lá rải rác đây đó và khám phá được một cảnh vừa ý, đơm đầy bông búp dự trữ sẽ nở đúng dịp Xuân về. Bướm vàng nhón nhớ hướng về ngôi chùa Tổ Vĩnh Trường. Chùa vắng vẻ xác xơ quá! Lạ thật! Một cư sĩ đang thang thuốc cho sư trụ trì. Theo lời than thở đối thoại thì sư trụ trì lâm bệnh nặng, trong khi người đệ tử truyền thừa bỗng hoàn tục bỏ đi mất biệt, nên đã cận Tết, mà chùa vẫn còn u tối ngổn ngang... Cảnh tượng điêu tàn bỗng khiến cánh bướm thoáng lao đao vương vấn...

Trên đường quay quả trở lại núi Ông, bướm vàng lượn một vòng thăm thôn xóm dưới chân núi. Xóm núi đông đúc và thịnh mậu hẳn ra. Có lẽ nhờ đường giao thông về quận lỵ Tánh Linh thuận lợi nên rau quả đủ loại đều có mỗi tiêu thụ, giá cả cũng khá cao, nhờ vậy nhà cửa người dân cũng trở nên ngăn nắp khang trang hẳn ra. Nhà nào cũng sắm tủ thờ, bàn ghế đắt giá, chưng bày kiểng bông rực rỡ chuẩn bị mừng Xuân mới. Bướm vàng bay là đà đến xóm hạ, dừng lại chiêm ngưỡng hàng bông bụt(6) sum sê bên bờ ao, rồi đáp nhẹ trên một đoá hoa. Đoá hoa màu hồng đẹp và dễ thương ảnh hiện bằng bệnh trên mặt nước lặn tằm: bướm trong hoa, hoa trên nước chấp chờn. Bông bụt cũng sớm nở tối tàn, cũng mong manh như phận phù du, phận bướm. Bướm vàng bỗng chạnh lòng liên tưởng đến bài thơ "Hoa mộc cận"(7) của thi hào Nguyễn Trãi ngày xưa, bèn cất tiếng ngâm nga:

Ánh nước hoa in một đoá hồng



Vẫn như chẳng bén, bọt là lòng

Chiều mai nở, chiều hôm rụng

Sự lạ cho hay tuyệt sắc không.

Cảm thấy lòng thanh thản nhẹ nhàng, bướm vàng phớt phớt bay về am Mây Ngàn, bướm lượn một vòng quanh đàn bí, rồi từ từ đáp xuống... Vụt một cái, có làn gió cực mạnh xô đẩy bướm vàng rơi sà xuống đập cánh vào tảng đá đầu điếng.

Sư kêu nhỏ "ui da", choàng tỉnh... xả thiền, rồi xoa bóp nhẹ nhẹ cánh vai cho đỡ đau, sư chợt liên tưởng đến trường hợp Ngài Nguyệt Quang Bồ Tát, rồi thầm tự cười cợt mình: "Điều này rủi mình gặp đệ tử mạnh tay phang cho miếng ngói thì bẹp dí như chơi!"(8). Chú đệ tử ngoan đang cầm quạt hầu thầy bỗng cất tiếng báo cáo:

- Thưa thầy! Con thấy thầy đang tọa thiền mà ong bướm bay quanh tập nập quá, sợ chúng phá rối thầy nên đứng bên quạt đuổi chúng đi. Mới đây nè! có con bướm vàng thật lớn bỗng bay sát bên thầy, lại còn "làm hỗn" toan đáp lên đỉnh đầu thầy nữa, con vội quạt một cái mạnh đuổi nó đi, khiến nó té xuống, chẳng biết sống chết thế nào? Con sợ tội quá thầy ạ! Ua sao chẳng thấy nó đâu cả, chắc nó còn sống và đã bay mất rồi, thầy ời!

- Hà! hà! Chẳng có gì đáng quan tâm con à! Nó chỉ là "vỏ tuồng ảo hóa" thì sao mà chết cho được? Này con! Mai này mình

sẽ về chùa tổ, con nhớ nhắc thầy cắt cành mai cúng Phật nhé!... Ủi chà! Lạ quá! Sao vai thầy bỗng đau nhức vậy kìa! Con lấy tí dầu xoa bóp cho thầy, con nhé!

Ghi chú:

1. Trích thơ "Uống rượu tiêu sầu" của thi hào Cao bá Quát (1909-1855).

2. Truyện tích "Người Tôn Vinh chồng" trích theo bản Việt dịch của Thiền Viện Chiếu (không rõ tên dịch giả), chuyển ngữ từ bản tiếng Anh của Watson Burlingame. Bản tiếng Anh đã dựa vào nguyên tác Pháp Cú Sớ Giải bằng tiếng Pàli, tương truyền là công trình của ngài Buddhaghosa (Phật Âm), sống khoảng thế kỷ thứ V Tây lịch.

3. Mālābhārī chỉ là một trong rất nhiều Thiền tử bình thường trên cõi Trời thứ 33, không phải là Vua Trời Đế Thích như có người lầm lẫn. Vị Thiên chủ tức Vua cõi Trời 33 là Indra, Việt dịch là Đế Thích, là bậc có trí huệ lớn, phước báu bao la và có đại thần thông chiến đấu chống A tu La, và thường xuất hiện ở Thế gian cúng dường thỉnh pháp Đức Thế Tôn và hộ trì Phật Pháp.

4. Tầng Trời thứ ba mươi ba tức Tam thập tam thiên chỉ cho Đạo Lợi thiên, cõi Trời do Vua Đế Thích (Indra, Sakka) cũng gọi là Kiều thi Ca (Kauçika) làm thiên chủ.

5. Một trăm năm cõi người bằng một ngày đêm cõi trời Đạo Lợi.

6. Bông bọt: Bông đỏ có tên khoa học là Hibiscus rosa-

sinensis, thuộc họ Cẩm quỳ (Malvaceae), tên chữ Hán là mộc cậ, miền Nam gọi là bông bọt, miền Bắc gọi là hoa dâm bọt (nhưng theo nhiều nhà nghiên cứu thì đúng tên phải gọi là hoa dâu bọt, vì loài hoa này truy ra còn có tên chữ Hán khác là Phật tang, dịch nghĩa là dâu bọt, nên có thể do phát âm sai mà thành dâm bọt).

7. Hoa mộc cậ: Thơ của thi hào Nguyễn Trãi (1380 - 1442). Trong bài thơ này, câu thứ ba, vài nhà nghiên cứu tự sửa lại là "sớm mai nở, chiều hôm rụng", nhưng người viết giữ theo nguyên bản chính xác là "chiều mai nở, chiều hôm rụng" vì theo ngôn ngữ xưa thì chiều mai tức là sớm mai theo ngôn ngữ bây giờ.

8. Sự tích Nguyệt Quang Bồ Tát: Bồ Tát khi còn là vị Tỳ Kheo thời cổ Phật Thủy Thiên, một hôm tọa thiền pháp quán thủy trong phòng, người đệ tử bên ngoài nhìn qua cửa sổ chẳng thấy gì ngoài nước bên nghịch ngợm quăng vào một viên ngói dò xem động tĩnh, rồi bỏ đi. Khi Tỳ kheo xả thiền bỗng cảm thấy bệnh lạ trong bụng mà chẳng hiểu lý do, mãi đến khi nghe đệ tử kể lại tình hình mới biết, bèn dặn dò: "Hễ người trông thấy nước như vậy, thì nên mở cửa vào lượm viên ngói mang ra ngoài!". Sau đó Tỳ Kheo lại nhập định, đứa nhỏ vâng lời căn dặn, vừa thấy nước và viên ngói, liền mở cửa lượm ngói ra. Khi vị Tỳ kheo xuất định thì Người không còn đau nữa. (Lược trích từ Kinh Thủ Lăng Nghiêm, phần Nguyệt Quang đồng tử trình bày pháp môn Viên Thông về Thủy đại)

Trong sương khuya

Chìm trong phố thị mù sương

Mắt cay vận nước

sâu vương một hồn

Đâu người còn nhớ non sông

Cùng ta uống cạn một dòng tâm can.

VĨNH HẢO



MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

BÒ BÍA CHAY



Công thức:

- 1 củ sắn bào sợi
- 1 củ carrot bào sợi
- 1 khúc ham chay thái dài 2 inches
- 2 miếng tàu hũ ky tươi thái sợi to, ngâm nước xả sạch vắt ráo nước
- 1 muỗng café bột nêm nấm
- 1 cọng hành tây (leek - tỏi Mỹ) băm nhuyễn
- 1/2 cup đậu phụng rang, đâm nhỏ
- salad, rau quế, ngò, bánh tráng

Nước tương ăn bò bía:

- 2 muỗng canh tương ăn phở
- 1 muỗng canh bơ đậu phộng (peanut butter)
- 1 muỗng café dấm gạo

Cách làm:

Ham chay ướp với một chút bột xá xiu, 1/2 café ngũ vị hương, 2 muỗng café corn syrup độ 10 phút, bắc chảo chiên hầm lửa medium, đem ra để nguội, có mùi thơm như Lạp Xưởng.

Bắc nồi nước bỏ một chút bột nghệ cho tàu hũ ky, trụng 5 phút là được, đổ ra rửa vắt ráo nước.

Phi dầu với hành tây xào tàu hũ ky, nêm chút bột nêm độ 5 phút thấy tàu hũ ky mềm thì đổ ra đĩa để nguội; tàu hũ ky có màu giống như trứng tráng chiên

Phi dầu với hành tây, xào củ sắn, carrot nêm bột nêm độ 5 phút ,tắt lửa đổ ra đĩa để nguội, màu tàu hũ ky có màu giống như trứng tráng chiên.

Cuốn bò bía chay với củ sắn, ham Lạp Xưởng, tàu hũ ky, rau thơm, salad.



Chân Thiện Mỹ (nguồn: Thư Viện Hoa Sen)

Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.

PHÂN BIỆT CƠN ĐAU TIM VÀ ĐỘT QUY



Bác sĩ Nguyễn Ý Đức

Phân biệt Stroke và Heart Attack

Stroke tiếng Việt gọi là Đột Quy hoặc Tai Biến Mạch Máu Não, còn Heart Attack là Cơn Đau Tim. Hai bệnh có một số điểm giống và khác nhau đôi khi cũng khó mà phân biệt.

- Cả hai đều gây ra do sự gián đoạn cung cấp máu cho một bộ phận là não và tim

- Cả hai đều cần được cấp cứu tức thì vì hậu quả của bệnh tùy thuộc vào điều trị sớm hay muộn.

- Triệu chứng của hai bệnh đều khác nhau.

Nhận diện và nhớ được sự khác biệt về dấu hiệu báo động sự xuất hiện giữa hai bệnh đôi khi cũng gây bối rối cho nhiều người. Xin cùng tìm hiểu về hai bệnh này.

Trước hết, xin nhấn mạnh là các tế bào trong cơ thể hoạt động được đều nhờ chất dinh dưỡng và dưỡng khí do dòng máu cung cấp. Gián đoạn sự cung cấp này sẽ đưa tới rối loạn chức năng cho bộ phận đó rồi cho toàn cơ thể.

Não bộ và tim là hai bộ phận chủ chốt của cơ thể và rất nhạy cảm với sự thiếu cung cấp nguồn nhiên liệu để hoạt động, dù sự gián đoạn chỉ trong vài phút đồng hồ.

Stroke là gì?

Stroke là một cơn yếu ớt bất chợt ở một phía của cơ thể gây ra do sự gián đoạn lưu hành máu tới một phần nào đó của não.

Ngưng cung cấp máu có thể là do ở trên não có một cục máu làm tắc nghẽn (85%) hoặc do một mạch máu bị đứt rách.

Không có máu, tế bào não chết liền nếu không được cấp cứu.

Mỗi phút không điều trị đưa tới hủy hoại cho 1.9 triệu tế bào não, 7.5 miles sợi thần kinh và 14 tỷ điểm giao liên kết hợp thần kinh.

Báo cáo y học của American Heart diễn tả sự tổn thương tế bào não khi không được điều trị với sự hóa già của cơ quan này như sau:

Cứ một giây không điều trị não già đi gần 8 giờ, mỗi phút không điều trị, não già gần 3 tuần lễ, chậm điều trị 1 giờ, não già đi 3.6 năm và nếu không chữa, não già đi 36 năm. Mà não đã hóa già hết hoạt động thì hậu quả tai hại sẽ vô lường, vĩnh viễn.

Coi vậy thì cấp cứu điều trị Stroke quan hệ như thế nào.

Cho tới nay, đột quy được coi là đệ tam sát thủ đối với con người, sau bệnh tim và ung thư và là đệ nhất nguyên nhân gây ra tàn phế cơ thể, đệ nhị hung thủ gây tàn phế thần kinh, sau bệnh Alzheimer.

Bên Hoa Kỳ, hàng năm có tới trên dưới 700,000 người bị stroke với gần 200,000 tử vong.

Sống sót thì cứ một trong sáu người cần chăm sóc tại các cơ sở lâu dài; ba trong bốn người giảm

khả năng làm việc.

Kính hoàng như vậy mà dường như nhiều người vẫn chưa biết rõ về bệnh cũng như chưa chịu áp dụng các phương thức phòng ngừa để bệnh không đến với mình.

Những dấu hiệu báo trước

Dấu hiệu tùy thuộc nguyên nhân gây tai biến, vùng não và số lượng tế bào bị tổn thương. Điểm đặc biệt của dấu hiệu báo động là một số những "Đột Nhiên".

- Đột nhiên thấy yếu một bên cơ thể như mặt, tay hoặc chân là dấu hiệu sớm nhất và thông thường nhất; rồi:

- Đột nhiên thấy tê dại trên mặt, cánh tay hoặc chân ở một nửa thân người;

- Đột nhiên thấy bối rối, nói lơ lơ khó khăn hoặc không hiểu người khác nói gì;

- Đột nhiên có khó khăn nhìn bằng một hoặc cả hai con mắt;

- Đột nhiên chóng mặt, đi đứng không vững, mất thăng bằng;

- Đột nhiên thấy nhức đầu như búa bổ mà không rõ nguyên nhân.

Không phải tất cả các dấu hiệu này đều xảy ra trong mỗi tai biến. Nhưng nếu thấy một vài trong những dấu hiệu đó là phải kêu cấp cứu, tới nhà thương ngay. Đây là trường hợp khẩn cấp, trễ phút nào nguy hiểm gia tăng với phút đó.

Y giới đưa ra trắc nghiệm gọi tắt là FAST để sớm phát hiện stroke:

F = Face: yêu cầu họ cười, coi xem một bên mặt có méo, môi xệ.

A = Arm: yêu cầu dơ 2 tay lên cao, coi xem một tay có yếu đuối thông xuống.

S = Speech: yêu cầu nhắc lại một câu nói, coi xem động nói có ngọng lờ, nhắc lại có đúng

T = Time có nghĩa thời gian điều trị là quan trọng, cần hành động kêu 911 cấp cứu ngay.

Nếu áp dụng trắc nghiệm này thì đôi khi người thường cũng dễ dàng thấy stroke đang xuất hiện.

Ngoài ra, tùy theo não trái hoặc phải bị tổn thương mà triệu chứng khác nhau đôi chút.

a- Đột quy ở não trái hay phải đều đưa tới suy yếu hoặc tê liệt của phần cơ thể phía đối diện cộng thêm mắt mở rộng hoặc môi xệ xuống;

b- Đột quy não trái gây ra rối loạn về ngôn ngữ ảnh hưởng tới việc phát ra và hiểu lời nói kể cả đọc và viết. Lý do là trung tâm kiểm soát ngôn ngữ thường nằm bên não trái. Nạn nhân cũng có rối loạn về trí nhớ, một chút rối loạn hành vi, chậm chạp và dễ dặt hơn.

c- Tổn thương não phải: Ngoài tê liệt nửa thân phía trái, bệnh nhân còn bị mất trí nhớ, hành vi hấp tấp, không suy nghĩ, kém nhận xét về không gian, hay bị xúc động, buồn rầu và chỉ để ý tới sự việc xảy ra mé phải cơ thể. Chẳng hạn bệnh nhân không thấy có người tới ở phía trái hoặc bỏ quên thực phẩm trên phần đĩa bên trái.

Điều trị

Điều trị stroke tùy theo bị máu cục hoặc đứt động mạch.

Máu cục thì thuốc loãng máu như aspirin là ưu tiên rồi tới heparin...Aspirin cần được dùng trong vòng 3 giờ sau tai biến.

Còn stroke do đứt mạch máu thì cần giải phẫu để sửa chỗ đứt và giảm áp lực của máu tràn đè lên tế bào não. Aspirin không được dùng vì sẽ làm máu loãng, chảy nhiều hơn.

Sau giai đoạn cấp cứu, bệnh nhân được tiếp tục điều trị tại Trung tâm Phục hồi Chức năng, để lấy lại các chức năng đã mất hoặc suy yếu gây ra do sự thiếu nuôi dưỡng tế bào não.

Tóm lại, Tai biến Động mạch não là một tai nạn trầm trọng, cần được cấp cứu tức thì để cứu vãn sự sinh tồn của tế bào thần kinh. Nhiều nhà chuyên môn coi tai biến này nguy hiểm như Cơn Suy Tim heart attack, và gọi là Brain Attack.

Tai biến có thể viếng thăm bất cứ ai, không kể tuổi tác, nam nữ, giàu nghèo.

Heart Attack là gì?

Tim là bộ phận thiết yếu trong việc nuôi dưỡng toàn bộ tế bào trong cơ thể. Hằng ngày, tim liên tục làm việc suốt 24 giờ để bơm một khối lượng hơn 7000 lít máu. Để hoàn thành công việc này, tim cần oxy và chất dinh dưỡng do động mạch vành (Coronary Artery) cung cấp.

Vì nhiều lý do khác nhau, mặt trong của động mạch vành bị các mảng chất béo bám vào, làm cho động mạch trở nên cứng và hẹp, máu lưu thông giảm đi. Một máu cục có thể thành hình và gây tắc nghẽn hoàn toàn sự lưu hành của máu. Tế bào tim không nhận được chất dinh dưỡng và oxy, sẽ bị hủy hoại. Đó là sự nhồi máu cơ tim (myocardial infarction). Thời gian thiếu máu càng lâu thì sự hủy hoại của tế bào tim càng lan rộng và cơn đau tim càng trầm trọng hơn.

Đôi khi, cơn đau tim cũng xảy ra khi động mạch vành co thắt tạm thời làm cho lưu lượng máu tới tim giảm đi. Các cơn co thắt tạm thời này có thể gây ra do căng thẳng tâm thần, tiếp xúc với thời tiết lạnh, khói thuốc lá hoặc khi sử dụng vài loại thuốc như bạch phiến...

Tại Hoa Kỳ, mỗi năm có khoảng 1,5 triệu người bị Cơn Đau Tim với hậu quả là gần 500,000 trường hợp tử vong. Hơn một nửa số tử vong này xảy ra 1 giờ sau cơn đau và trước khi bệnh nhân tới bệnh viện. Ngoài ra đã bị Heart attack cũng thường đưa tới Stroke.

Cơn đau tim là một trường hợp khẩn cấp, cần được điều trị tức thì. Mỗi giây phút trì hoãn là giây phút dẫn tới "thập tử nhất sinh" cho người bệnh.

May mắn là cơn đau tim có thể điều trị được và các nguy cơ gây ra cơn đau tim có thể đổi phỏ, thay đổi để phòng ngừa căn bệnh hiểm nghèo này.

Những dấu hiệu báo trước Cơn Đau Tim

Có một số dấu hiệu báo trước sự xuất hiện của cơn đau tim:

a- Cảm giác khó chịu, đau đè như có vật nặng ép trên ngực, kéo dài tới mấy phút rồi mất đi, nhưng có thể tái xuất hiện.

Cơn đau có thể nhẹ nhẹ vừa phải tới đau không chịu được.

b- Cảm giác đau từ ngực chạy lên vai, cổ hoặc lan ra cánh tay; đầu ngón tay cảm thấy tê tê..

c- Choáng váng, buồn xiu, đổ mồ hôi, buồn nôn, khó thở.

d- Lo sợ, nóng nẩy, bồn chồn.

đ- Da xanh nhợt.

e- Nhịp tim nhanh, không đều.

Nếu cảm thấy một trong những dấu hiệu này thì phải kêu cấp cứu ngay.

Nên lưu ý là phụ nữ có thể có các dấu hiệu khác hoặc không rõ ràng như nam giới. Họ có thể cảm thấy đau ở bụng, cho là bị ợ chua với da ẩm ướt hoặc mệt mỏi bất thường. Mà không ngờ là có thể đang bị heart attack.

Điều trị

Ngay khi cảm thấy có dấu hiệu bị cơn đau tim, bệnh nhân cần phải kêu số điện thoại cấp cứu để được đưa đi khám bệnh và điều trị càng sớm càng tốt. Điều trị sớm có thể ngăn ngừa hoặc giới hạn sự hư hao của tế bào tim và giảm được tử vong cho người bệnh.

Trên đường chuyên trở bệnh nhân tới bệnh viện, nhân viên cấp cứu đã có thể bắt đầu sự chữa trị với phương tiện sẵn có trong xe cấp cứu. Họ thường xuyên liên lạc trực tiếp với bác sĩ tại bệnh viện để thông báo tình trạng người bệnh và tham khảo ý kiến về cách thức đối phó với cơn đau tim. Họ có thể cho bệnh nhân thở oxy, dùng thuốc giảm đau tim nitroglycerin, morphine. Họ cũng sử dụng máy cấp cứu tim khi nhịp tim rối loạn, tạm ngưng..

Tới nhà thương, bệnh nhân được đưa vào phòng cấp cứu tim trang bị đầy đủ dụng cụ, và được phẩm. Các bác sĩ sẽ hành động ngay để phục hồi sự lưu hành máu tới tim, giảm thiểu tổn thương cho các tế bào và liên tục theo dõi tình trạng bệnh.

Thuốc gây tan cục huyết được dùng trong vòng 1 giờ kể từ khi bắt đầu có dấu hiệu của cơn đau tim.

Thuốc loại nitrate để giúp động mạch bớt co thắt và giảm cơn đau trước ngực.

Thuốc chống đông máu để làm máu loãng, tránh đóng cục trong lòng động mạch.

Thuốc viên aspirin để ngăn ngừa tiểu cầu kết tụ với nhau...

Ngoài ra còn các dược phẩm giúp hạ huyết áp, giảm sức căng của động mạch, nhờ đó tim làm việc nhẹ nhàng hơn; thuốc điều hòa nhịp tim; thuốc an thần giảm đau. Bệnh nhân liên tục được hít thở oxy...

Thời gian điều trị tại bệnh viện tùy thuộc tình trạng nặng hay nhẹ của bệnh, sự đáp ứng với các phương thức chữa trị, thường thường là năm, sáu ngày nếu không có biến chứng.

Trước khi xuất viện, bệnh nhân được hướng dẫn về cách thức chăm sóc và dùng thuốc, về chế độ dinh dưỡng, về nếp sống, về sự vận động cơ thể với chương trình vật lý trị liệu, phục hồi chức năng của tim. Bệnh nhân sẽ hiểu rõ nên vận động như thế nào để tăng cường sức mạnh của cơ thể mà không gây ra rủi ro cho trái tim, hiểu rõ về bệnh tim của mình và biết cách đối phó với các khó khăn trong đời sống hằng ngày để tránh cơn đau tim tái phát.

Kết luận

Dù là Cơn Đau Tim hoặc Đột Quy, cả hai bệnh đều là "thậm cấp chí nguy", cần được điều trị tại bệnh viện tức thì.

Nhận biết và nhập tâm các dấu hiệu báo động sự xuất hiện của Đột Quy và Cơn Đau Tim là việc cần thiết để cứu vớt sự sống.

Kính chúc mọi sự bình an.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
www.bsnguyenyduc.com

Quê Hương Tuổi Thơ

THÍCH NỮ GIỚI ĐỊNH

Một ngày lại chuyển mình sau một đêm dài say ngủ. Bình minh vừa ló dạng, vũ trụ giật mình tỉnh thức, vạn vật vui mừng đón một ngày mới. Chim thi nhau ca hát, cây cỏ như đang mỉm cười chào đón gió mát. Mọi người chúc tụng lẫn nhau, những nụ cười rạng rỡ trên môi. Một ngày mới bắt đầu với nhiều ước vọng ở tương lai, lạc quan, yêu đời.

Làn gió bay bay trong nắng ấm. Những xúc cảm khi tiếp xúc thiên nhiên thật thú vị. Nhìn giòng nước đang lững lờ trôi, những chú cá thản nhiên tung tăng bơi lội. Một áng mây đang thông thả bay ngang đầu với những hình thù quái dị, vui mắt. Tuỳ theo sự suy đoán mà có những cái nhìn khác nhau. Bầy sắc cầu vồng nằm vắt ngang lưng trời như tô điểm thêm một chút hương sắc cho cuộc đời trước khi hoàng hôn buông xuống. Xa xa là những đám khói lam chiều, chỗ đậm chỗ nhạt bay từ những mái nhà tranh vách đất, tiếng mẹ gọi ơi ơi lũ con về ăn bữa cơm chiều. Tré mực đồng đang lùa những chú trâu về chuồng. Tiếng hát hò vang một góc trời. Mùi thơm lúa mạ thoang thoang dễ chịu. Mọi người trở về nhà sau một ngày lo toan cho cuộc sống. Những chú gà cũng kêu nhau tìm chuồng. Bầy chim đang bay về tổ ấm. Một góc trời quê hương thật bình an, thật thanh bình.

Quê hương tôi, nơi tôi sinh ra và lớn lên với những tháng ngày thật đầm ấm, những con người chất phác, hiền hoà, lũ trẻ con thì vô tư chạy nhảy. Tất cả những hồn nhiên vô tư, phá phách, nghịch ngợm đều nằm trong tuổi học trò từ lớp ba đến lớp chín. Trò chơi thì không thể kể hết, như chơi trò trốn tìm, chơi năm mươi mười lăm, nào là chơi nhảy dây, rồi chơi cò cò, chơi ù mọt, chơi ô làng, chơi bịt mắt bắt dê, chơi trò dung giăng dung giẻ, chơi tán lon; chơi trò nấu ăn, bọn nhỏ lấy cát làm cơm, hái lá bông bụp làm chè bấp, đứa thì làm ba, đứa thì làm con, đứa thì làm mẹ... Những

ngày nghỉ hè được nghỉ học tha hồ mà chơi, cứ mỗi buổi chiều trên cánh đồng mênh mông cùng lũ bạn chơi thả diều, đứa thì làm con diều hình cá chép, hình máy bay... cứ chạy theo chiều gió rồi từ từ cho diều bay cao, mỗi khi bị đứt dây con diều thì lũ nhỏ chạy theo lấy được con diều lại muốn xiêu luôn. Có lúc nhảy xuống hồ hái trộm gương sen, chủ hồ thấy được, rượt chạy thở hết nổi; rồi đi lượm củ sen, củ sen mà ăn sống thật là ngon, chát chát ngọt ngọt cộng thêm mùi thơm của bùn, ôi thật là thú vị không chi bằng!

Không tha bất cứ một thứ gì để phá phách nghịch ngợm, tuổi trẻ thật hồn nhiên trong sáng. Từng đường làng đất gồ ghề, từng bụi tre kéo kịt trong gió, buổi tối dưới ánh đèn dầu leo lét, cùng tùm nầm tùm bày ăn bắp rang, khoai mì luộc chấm với mè, nghe người lớn kể chuyện con ma le ngoài bụi tre, ban đầu thì ngồi xa, một lát thì bám chặt tay nhau, có đứa tè luôn trong quần vì quá sợ, nhưng sợ mà

vẫn thích nghe chuyện ma, mặc dầu chưa có ai được thấy con ma bao giờ. Vào những đêm hè có trăng, nhiều gia đình cùng ngồi chơi, người lớn thì bàn chuyện làm ăn, con nít thì la hét chạy nhảy, những bà mẹ thì lo tương lai cho con gái con trai của mình, tình quê hương làng xóm thân thương, cho nên người xưa thường nói "Bà con xa không bằng láng giềng gần" hay là "Tối lửa tắt đèn có nhau."

Ngày ngày qua nhanh, lũ nhỏ cũng lớn dần theo năm tháng, bài vở chất chồng không cho chúng tha hồ chạy nhảy nữa, nhưng những lúc có dịp chúng lại phát khởi hăng say hơn.

Quê hương tôi, tôi thương nhiều lắm, nơi đã dạy cho tôi tình yêu thương ruột thịt, thương bạn bè, tình yêu thương đồng loại, yêu quê hương xứ sở. Hơn thế nữa nơi đó hàng ngày có tiếng chuông chùa ngân nga từ buổi khuya khi mọi người đang chìm đắm trong giấc ngủ, thì những vị tu hành lại gióng lên tiếng chuông thức tỉnh mọi người lo phận sự của mình khi một ngày mới bắt đầu. Chiều đến khi ông mặt trời khuất sau rặng tre, tiếng chuông lại vang lên trong khung cảnh tịch tịch, tiếng vị thánh chuông ngân nga, nhắc nhở một ngày đã qua nhanh cần phải nỗ lực tu hành, qua bài kệ "Một ngày đã qua, mạng sống giảm dần, như cá cạn nước, nào có vui chi. Đại chúng hãy tỉnh tấn,



như cứu lửa cháy trên đầu, biết cuộc đời là vô thường, cần thận chỗ buông lung.” Boong! Boong! Boong!

“Chùa làng dựng ở xóm cô
Sớm khuya hai buổi nghe hồi
chuông ngân.”

Tiếng chuông chùa đã ăn sâu vào tâm thức của những người dân quê, vì Phật giáo đã ăn sâu vào tâm thức của người Việt Nam. Khi đất nước phú cường thì Phật giáo hưng thịnh, khi đất nước suy vong thì Phật giáo cũng bị điêu linh. Phật giáo gắn liền với dân tộc như cá với nước. Thời vàng son của Phật giáo vào thời đại Lý Trần là một bằng chứng không ai có thể phủ nhận được, và rồi Phật giáo cũng bị tang thương vào những năm cuối thập niên 1950 cho đến 1963, những vị xuất gia và tại gia đã hy hiến thân mình bảo vệ chánh pháp cho Phật Giáo trường tồn, chúng sanh an lạc. Ngọn đuốc của Bồ Tát Thích Quảng Đức đốt lên đầu tiên để kêu gọi lương tâm của những con người đang có quyền lực trong tay thôi đừng lấy quyền hành áp đặt lên một tôn giáo có nhiều cống hiến cho nhân loại—một tôn giáo suốt chiều dài lịch sử truyền đạo chưa từng làm đổ một giọt máu của chúng sanh, chỉ biết lấy tình thương xóa bỏ hận thù.

Tiếng chuông chùa hàng ngày vẫn thông thả êm đềm cho dân làng tôi những bình an trong tâm hồn. Một ngày hai buổi khi tiếng chuông ngân, lòng cảm thấy những phiền muộn lo âu trong cuộc sống cũng từ từ lắng đọng. Quê hương, mái chùa, tiếng chuông là những kỷ niệm thân thương khó mà dùng lời để diễn tả được trong ký ức tuổi thơ của những người con xa xứ. Và rồi khuya nay nơi xứ lạ quê người tiếng chuông chùa bỗng vang lên thanh thoát, huyền diệu, sâu lắng, lòng dâng lên xúc cảm khi nghe tiếng ngân: “Quê tôi có gió bốn mùa, có trăng giữa thảnh có chùa quanh năm, sương khuya gió sớm trắng rằm, chỉ thanh đạm thế âm thầm thế thôi... Mai này tôi bỏ quê tôi, bỏ trắng bỏ gió chao ôi bỏ chùa” (thơ Nguyễn Bính).

Tiếng chuông chùa lại “Boong! Boong! Boong!” đưa tôi về chánh niệm, chấp tay thăm niệm Nam Mô A Di Đà Phật.

PHIẾU BẢO TRỢ VÀ ỦNG HỘ DÀI HẠN NGUYỆT SAN CHÁNH PHÁP

1) BẢO TRỢ:

Xin chọn một trong những ô trống sau đây:

Mỗi tháng: ____ (), \$25 (), \$50 (), \$100 ().

Và chọn thời gian bảo trợ:

Ba tháng (), Năm (), Một năm (), Hai năm ().

2) ĐẶT BẢO DÀI HẠN:

(Đơn vị tiền tệ nơi đây là US dollars - Mỹ kim)

* Tại Hoa Kỳ: Một năm (12 số): \$60 ()

* Tại Canada: Một năm (12 số): \$90 ()

* Âu, Úc, Á: Một năm (12 số): \$120 ()

Đính kèm ngân/chi phiếu số: _____ với số tiền bảo trợ/ủng hộ: \$ _____

Xin gửi báo từ số ____ tháng ____ năm 20 ____

Địa chỉ người bảo trợ / ủng hộ (để liên lạc, gửi báo):

Họ và tên _____ Pháp danh: _____

_____ Thành phố: _____

_____ Telephone (không bắt buộc): _____

Bài vở, ý kiến đóng góp, chi phiếu ủng hộ xin gửi về:

CHÁNH PHÁP
11502 DANIEL AVE.
GARDEN GROVE, CA 92840 - U.S.A.

Liên lạc quảng cáo / phát hành:
(714) 638-0989

Email: baivochanhphap@gmail.com



ĐỌC, CỒ ĐỘNG VÀ ỦNG HỘ

BẢO CHÁNH PHÁP

**LÀ GIÁN TIẾP GÓP PHẦN
HOÀNG TRUYỀN PHẬT ĐẠO,
LỢI ÍCH CHÚNG SANH,
BẢO TỒN VĂN HÓA DÂN TỘC.**

Truyện ngắn trăm chữ

STEVEN N.

LÃO CỬU

Nhân gia tộc xào xáo, lão cướp ấn xưng làm trưởng tộc. Từ ngày đó gia tộc càng lụn bại, con cháu đứa thì tha phương cầu thực làm cu li, đứa thì ăn chơi sa đọa... của chìm của nổi, đất đai gia tộc... mất dần hồi. Lão lại kết thân với gã côn đồ hàng xóm. Con cháu phản đối thì lão cho tay chân bộ hạ đánh, chửi:

- Chúng mày biết gì mà nói, chuyện gia tộc để tao lo.

Làng nước nhà nào nghèo lão khi dễ, nhà giàu lão nịnh nọt, riêng với gã côn đồ kia thì gã cục cung tận tụy nhưng tội cho lão là gã kia có coi lão ra gì.

Gia tộc có cái đầm là nguồn sống bao đời nay, một hôm lão hứng chí cùng với bọn thủ hạ chống xuống ra đầm:

- Anh em ơi! chúng ta xông ra đầm nhé!

Nào ngờ gã hàng xóm cướp đầm từ lâu đang chống gươm đứng trước mặt, vậy là cả bọn sụp tại quay lại bờ.

Gia tộc có người đàn bà nghèo xưa nay ai cũng khi dễ cho là lẩn thẩn nên hắt hủi cứ đêm đêm ngồi đầu làng khóc tỉ ti:

- Gia tộc tôi mất vận rồi chẳng?

QUÊN GỐC

... Tiếng đồn vợ chồng nhà kia rất siêng năng đi chùa, làm công quả, từ thiện... Ai cũng khen:

- Chà vợ chồng này đồng tâm và tinh tấn quá!

Ngày cuối tháng, người chồng trích ít tiền lương gửi về mẹ già dưới quê. Người vợ kiểm tra thấy thiếu tiền, lập tức tru tréo:

- Già rồi còn ăn bám làm hại người ta, tôi phải khổ cực lắm mới làm ra tiền... Vậy mà cứ đem cúng cô hồn, khổ thân tôi quá trời ơi!

Người chồng nóng mặt:

- Hôn, im đi!

- Tôi không im thì sao nào? Người vợ thách thức.

Vậy là ầm ĩ suốt buổi tối, hai đứa con vào buồng ôm nhau khóc thút thít.

MÊ

Chiếc xe hơi bóng loáng phóng vào vào tận sân chùa, một phụ nữ ăn mặc sang trọng bước xuống. Bấy giờ những người hành khất vây quanh chùa nón xin tiền, bà liền bảo tài xế:

- Chú trông xe cẩn thận, kéo

tụi nó làm trầy xước xe.

- Dạ bà chủ cứ an tâm.

Nói xong quay qua căn dặn người nhà bùng mần lễ vật lên chùa:

- Trông coi mâm lễ vật cẩn thận, kéo tụi nó thò tay vào ăn cắp.

Hình như nói chưa thỏa, bà quay sang những người hành khất chất chứa:

- Lễ vật để cúng đó nghen mấy người, tui hổng có tiền lễ để cho đâu, bức mình mấy người quá tụ tập làm hoen ố cả chốn linh thiêng!

Những người hành khất buồn so lủi thủi giãn ra.

NÓ

Sinh ra trong gia đình Phật tử thuần thành, lúc nhỏ nó được ba dạy tụng kinh, niệm Phật, bố thí... Nó cũng rất ngoan. Vậy mà khi niên thiếu trường học dạy nó nào là Tôn giáo là thuốc phiện, tu là lừa dối, Ông Phật có đức mà không có tài nên vô dụng...Về nhà nó tuyên bố:

- Ba lạy chi cái tượng Phật bằng gỗ vậy? Con không lạy nữa đâu, tu là chán đời.

Ba nó cố gắng giảng giải nhưng "ngựa non háu đá", nó không nghe lời. Ba nó vô cùng buồn đau. Rồi nó lấy vợ, sinh con... cuộc sống không như ý. Một hôm lang thang vô thức nó lại lên chùa... Rồi như một người bừng tỉnh, nó quay đầu lại đau lòng sám hối những gì nó đã nói, đã làm suốt thời trẻ. Ngày nọ sau thời kinh nó khoan khoái nói với ba nó:

- Hôm nay con tụng kinh xong và cảm thấy rất an lạc và trong lòng vui lạ lắm ba ơi!

Ba nó vô cùng sung sướng và cảm động nói:

- Đây là niềm hạnh phúc và may mắn lớn nhất của đời ba, cho dù trúng số độc đắc cũng không sánh bằng!

Georgia, May 2014



ĐẠO PHẬT VIỆT THẾ KỶ THỨ NHẤT VÀ THỜI KỲ BẮC THUỘC (111 tr. TL – 542 TL)

HT. Thích Đức Nhuận

(tiếp theo trang 12)



hồn của Tổ quốc mà người Việt còn tồn tại đến ngày nay, không bị đồng hóa. Cá nhân làm việc để phục vụ Tổ ấm vì quan niệm quốc gia là đại Tổ ấm. Người Việt biết trọng phép nước, nhưng không bao giờ chấp bất cứ nhân vật hay một tập thể nào coi đó là "khuôn vàng thước ngọc" lúc nào cũng đúng, cũng hay, cũng giải quyết được hết mọi vấn đề rắc rối qua mọi không gian – thời gian và mọi hoàn cảnh khác nhau. Vì vậy, hễ chỗ nào, nơi nào có người Việt – *chúng tôi muốn nói những người Việt chân chính* – sinh tụ thì chỗ ấy, nơi ấy, không có vấn đề nhân danh, hoặc nịnh trên nạt dưới, bất hiếu, bất trung, bất nhân, bất nghĩa... Dòng bách Việt sống êm đềm, thương yêu nhau, không gây thù, trả oán, tranh dành xâu xé, chà đạp lẫn nhau... nhằm đạt cho được cái danh cái lợi hão huyền, đến nỗi hãm hại nhau; nhưng đôi khi cần chống kẻ ngoại xâm để bảo toàn cương giới quốc gia thì dù phải hy sinh tính mệnh cũng không từ nan, một ý chí kiên hùng của nòi giống Việt.

Với những tấm gương sáng mà muôn đời con cháu vua Hùng vẫn tự hào:

Năm 542; vị khai quốc LÝ NAM ĐẾ (LÝ BÍ) đánh đuổi tên Thái thú Tiêu Tư (nhà Lương) và bẻ lũ phải bỏ trị sở chạy về nước; lập nên nước Vạn Xuân, mở đầu nền Tự Chủ ở nước ta.

Năm 938, NGÔ VƯƠNG QUYỀN đánh tan quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng, giết thái tử Hoàng Thao tại trận, khiến Hán chủ đành nuốt hận thu quân về Tàu.

Năm 1077, vị anh hùng dân tộc LÝ THƯỜNG KIẾT đại thắng quân nhà Tống trên sông Như Nguyệt, khiến lão tướng Quách Quỳ phải phủ phục đầu hàng.

Năm 1258, vua TRẦN THÁI TÔNG và Hưng Đạo Đại Vương TRẦN QUỐC TUẤN chiến thắng quân Mông Cổ ở mặt trận Đông Bộ Đầu, giải phóng thủ đô Thăng Long.

Năm 1285 vua TRẦN NHÂN TÔNG và quốc công tiết chế thống lĩnh quân đội kháng chiến chống quân Nguyên, TRẦN QUỐC TUẤN đã đánh tan giặc Mông Cổ, chém đầu Toa Đô ở Vạn Kiếp.

Năm 1288, vua TRẦN NHÂN TÔNG và thượng phụ TRẦN QUỐC TUẤN đại phá quân Nguyên trên sông Bạch Đằng, bắt sống các tướng Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp, Tích Lệ Cơ... khiến tên tổng chỉ huy Thoát Hoan khiếp đảm phải vội vã rút quân về nước.

Năm 1427, Bình Định Vương LÊ LỢI và mưu sĩ NGUYỄN TRÁI, sau mười năm kháng chiến chống giặc Minh và đã toàn thắng, nổi lại nền tự chủ của nước nhà.

Năm 1789, Bắc Bình Vương NGUYỄN HUỆ chiến thắng quân Thanh ở trận Đống Đa (gần Hà Nội ngày nay) khiến cho bại tướng Tôn Sĩ Nghị phải "vứt bỏ tất cả sắc thư, ấn tín để lo thoát thân", sau bảy ngày đêm mới đến được trại Nam Quan.

... Vì danh dự của Tổ ấm mà người Việt không

bao giờ hành động một cách cầu thả. Và quan niệm hạnh phúc là do Tổ ấm để lại cho con cháu muôn đời về sau:

*"Người trồng cây bách người chơi
Ta trồng cây đức để đời mai sau."*

Do đó mà trong nhiều đời con cháu phải hương đăng thờ tự trân trọng giữ gìn cái "Chí lớn" của tổ tiên:

*"Cây xanh thì lá cũng xanh
Cha mẹ hiền lành để đức cho con."*

Vì quan niệm Tổ ấm mà người Việt lúc nào cũng tinh táo, bình tĩnh, và cương quyết trong mọi hành động trong ý niệm "âm phù dương trợ", lúc nào cũng coi như có ông bà, tổ tiên theo dõi, chỉ dẫn, vì nghĩ rằng: "Sự tử như sự sinh" coi khi chết cũng như lúc còn sống, không khác.

Đạo đức cương yếu của người Việt chính là quan niệm "phúc đức Tổ ấm" vậy[7].

Thuyết "Tam cương Ngũ thường" của Nho giáo chỉ chiếm một chỗ rất nhỏ trong điều lý "phúc đức Tổ ấm" mà thôi. Thật vậy, người Việt trước khi hành động bất cứ một việc gì, còn phải đắn đo xem có đúng chạm đến Tổ ấm và hại đến ai không đã. Quan niệm đạo đức này đã liên kết được toàn dân trong một sự thuần nhất, không cần phải "dân tứ tước ngũ"[8] gây bè kết đảng rồi khinh khi nhau, làm suy yếu tiềm năng quốc gia. Đây là ta chưa nói đến hậu quả thảm khốc chạy theo hình thức chủ nghĩa, duy lạc hưởng thụ, kỳ thị đẳng cấp... thiếu hẳn căn bản để sống một cuộc sống cho ra sống, nghĩa là sống tốt đẹp hơn.[9]

Nói tóm lại, các cá nhân đều coi mình như là một thành phần cộng đồng của Tổ ấm. Phúc đức xuất phát từ Tổ ấm rồi lại về Tổ ấm. Tổ ấm (nhỏ) là gia đình và (lớn) là quốc gia, đều được tôn trọng. Cảnh thái bình, hạnh phúc, giải thoát là những mục tiêu thiết thực đã được người Việt xưa cũng như nay chấp nhận và thực hiện. Sự lao tâm khổ tứ của người Việt cốt để củng cố cho thân mệnh, tuệ mệnh của cá nhân cũng như của Tổ ấm, là nhằm đạt tới Giác ngộ Giải thoát, chứ không mang tâm ích kỷ để thôn tính, tiêu diệt nhau.

(còn tiếp một kỳ)

(trích **Đạo Phật và Dòng Sử Việt**,
tác giả Thích Đức Nhuận,
do PHV Quốc Tế xuất bản năm 1998)

Chú thích:

[1] Sách Hậu Hán Thư (chương 33 tờ 8a), nói về sự phân chia Giao Châu với Quảng Châu như sau: "Trị sở Giao Châu là huyện Luy Lâu. Niên hiệu Nguyên Phong thứ V (106 tr TL), trị sở ấy sau được đổi đến huyện Quảng Tín, đất Thương Ngô".

Lời sở của Khâm Định Việt Sử Thông Giám

Cương Mục (q2 tờ 7a, hg 7) xác định rằng: Luy Lâu là một huyện thuộc đất Giao Chỉ, tại làng Lũng Khê, huyện Siêu Loại, tỉnh Bắc Ninh (sách PGVN, từ khởi nguyên đến thế kỷ XIII, trang 66, dòng 18 – 26).

[2] Lịch sử hàng hải quốc tế xác nhận: từ thời tối cổ vùng Viễn Đông và Thái Bình Dương đã là nơi có sự buôn bán nhộn nhịp hàng hải rồi. Người Trung Hoa đã biết sử dụng địa bàn từ thời tiền sử khoảng XXX thế kỷ tr TL; hơn nữa, một phần phía Nam Trung Hoa được đặt trong vùng ảnh hưởng gió mùa định kỳ. (Rất có thể) vào năm 1398 tr TL một người Trung Hoa tên Chien-Ho đã tiếp xúc với các quần đảo rải rác hoặc đã đặt chân lên vùng đất California, thuộc nước Mỹ. Chúng ta cũng cần chú ý là kỹ nghệ đóng thuyền viễn dương của Trung Hoa. Từ nghìn xưa loại thuyền buồm Trung Hoa vẫn được nổi tiếng với thế giới. Năm 414 Tây lịch, *Thiên sử Pháp Hiên – Fa hsien* – (Trung Hoa) đã dùng thuyền viễn dương rất đồ sộ chờ được trên 200 người từ Java về Quảng Châu thuộc tỉnh Quảng Đông. Mà mãi đến năm 1492 Christophe Colomb mới đặt chân lên đất Mỹ. Không phải đợi đến thời thiên sử Pháp Hiên mới có sự thông thương bằng đường biển giữa Ấn Độ Dương với biển Trung Hoa. Sự thương mại bằng đường biển cổ thời giữa Địa Trung Hải, biển Baltique và Hắc Hải ở Âu châu không có gió mùa mà còn được phát triển rất mạnh, hưởng hồ các nước nằm trong hệ thống gió mùa định kỳ đã đóng góp rất mạnh mẽ vào chương trình đi về một cách rất chính xác, giúp cho các thương nhân đỡ sức lao động, và do đó thuyền có thể rất lớn, chở nặng được.

Người Ấn Độ ngay từ hồi còn định cư ở lưu vực Indus, phía tây bắc Ấn Độ, đã có truyền thống thương mại hàng hải thuộc biển Ả rập với các nước Âu Châu rồi. Khoảng 300 năm tr TL, dưới triều đại Maurya, nước Magadha, đại đế Chadragupta trị vì một vương quốc rộng nhất thời bấy giờ. Đến đời cháu đích tôn của đại đế, là thánh quân Asoka của triều đại maurya đã lên đến tuyệt đỉnh vinh quang. Ta cũng nên nhớ rằng, vào khoảng hai thế kỷ cuối cùng trước kỷ nguyên Tây lịch, có một biến cố lớn xảy ra ở Ấn Độ. Đó là con đường thương mại vàng bị cắt đứt; từ trước, Ấn Độ vẫn mua vàng tại Tây bá Lợi A. Các đoàn lữ hành vận tải vẫn thường dùng con đường Bactriane để thông thương bị các phong trào quần chúng Trung Á nổi dậy ngăn chặn con đường thương mại này. Ấn Độ đành phải quay sang phương Tây để mua vàng, thuộc thế giới La Mã. Người Ấn Độ mua các đồng tiền vàng về rồi nấu cho chảy ra để sử dụng theo ý mình; do đó, hoàng đế Vespasian ngăn cản, không cho vàng chảy ra ngoại quốc nữa. Ấn Độ liền quay sang "Kim Thổ" tức là sang bán đảo Ấn – Hoa. Như ta biết là kỹ thuật hàng hải viễn dương lúc ấy rất thuận tiện. Gió mùa đã được sử dụng. Các con đường buôn viễn dương có thể chở được 700 hành khách đã thấy xuất hiện trên các hải đảo rồi. Và, làn sóng di dân có khuynh hướng lan rộng rõ rệt mỗi ngày dồn về phía Đông mạnh hơn, bằng hai ngã đường bộ và đường thủy: Phía bắc Ấn Độ, con "đường buôn lụa" sang tới Trung Hoa là con đường chính mà các nước thuộc vùng Thượng Huyền, vùng Trung Á và Địa Trung Hải buôn bán với Viễn Đông, thuộc Trung Hoa. Con đường này lại hay có nạn bị cướp, thường do các nước có truyền thống văn minh bản xứ lâu đời và hiểu chiến sử dụng. Còn con đường về phương Nam thông với Nam á là con đường biển. Đường biển có lợi là có thể chở được nhiều hàng, nhiều nước ngọt, lương thực và người trên những con thuyền lớn. Hơn

nữa, con đường biển nhờ có hệ thống gió mùa định kỳ nên khách hàng có thể yên trí tính toán chương trình nhất định ngày đi về được rất chính xác. Còn một điều này nữa cũng cần để ý, đó là các dân tộc sử dụng, "con đường buôn lụa" hay có tính bảo tồn bản chất văn hóa Ấn Độ; nhưng nếu sử dụng con đường này để đưa văn minh vào các nước Đông Nam Á Châu thì kết quả mong đợi rất khác xa với kết quả thu được ở những nước do đường biển đưa tới. Những nước phía Đông Nam Á Châu chịu ảnh hưởng bản chất *Indonesien* và *Melanesien* nhiều hơn là *Mongolique*. Do đó, văn minh Ấn Độ thâm nhập vùng Đông Nam Á có vẻ nhộn nhịp hơn.

Phong trào di cư của người Ấn Độ trong đó (hẳn nhiên) có các nhà sư Ấn Độ đã đem Đạo Phật truyền vào vùng Đông Nam Á, có thể bắt đầu từ thời đại Asoka, nhưng chỉ lẻ tẻ và nhiều đợt, phong trào trở thành rầm rộ thì vào khoảng đầu kỷ nguyên Tây lịch. Các phong trào này dùng đường biển nhiều hơn là đường bộ.

[3] Vua Dục đi: nghĩa là, Tháp Dục Vương (Asoka) đồ nát.

[4] Vua sau: nghĩa là, Tháp Tường Long của vua Lý Thánh Tông cũng đã đồ nát rồi.

[5] Thích Đức Nghiệp, Đạo Phật Việt Nam, trang 29 – 34.

[6] Lê Mạnh Thát, nghiên Cứu Về Mâu Tử, trang 1 và 2, Tu Thư Vạn Hạnh xuất bản, 1982.

[7] Cách nay khoảng 30 năm, tôi nhớ, trên những chuyến đò ngược xuôi, người xắm mù lòa chuyên đi hát rong và thường mang theo mình cây đàn nhị, hoặc chiếc trống bỏi, có khi một ống sáo, đi kèm bên một em bé dẫn đường, tay cầm chậu thau để xin sự "bồ thí" của đồng bào thập phương; anh ta vừa kéo nhị (hoặc đánh trống, thổi sáo) và nghề ngao hát những câu (giọng khăn khăn)

"Phúc đức Tổ ấm, bà ơi!

Làm duyên làm phúc cho tôi với nào".

Cũng có khi người ta nói: "phúc đức tại mẫu, bà ơi hay ông ơi, anh ơi, chị ơi, cô ơi..."

Hai chữ "phúc đức" quả đã là nguồn Sống tràn trề hy vọng mà lẽ nhân quả luân hồi tội phúc báo ứng của Đạo Phật đã gieo vào tiềm thức sâu thẳm của giống nòi Lạc Việt, để mỗi ngày vun bồi cho cây "đức" thêm sum suê, tươi tốt.

[8] Trong thơ NGUYỄN CÔNG TRÚ có câu:

**"Dân hữu tứ, sĩ chi vi tiên
tước hữu ngũ sĩ cư kỳ liệt".**

[9] Chúng tôi đề nghị độc giả nên đọc thêm cuốn "Đạo Phật Với Con Người" của HT. Tâm Châu.



MỘT THOÁNG SÂN TÂM BUÔNG ÁC NGŨ KHỔ ĐAU OAN TRÁI KẾT BAO ĐỜI

Tịnh Minh soạn dịch theo *Pháp Thoại Pháp Cú*

Thuở xưa, khi Bra-ma-đát-ta (Brahmadatta) trị vì nước Ba-la-nại, có một thân vương húy Tú Phát (Kesava) dứt khoát từ bỏ ngôi vị, xa lánh thế trần, sống đời phạm hạnh. Năm trăm môn nhân quyến thuộc thấy vậy cũng giã từ quyền thế cao sang, theo gương thân vương lên đường khổ tu hành đạo. Sau đó thân vương rất được quần chúng tin yêu, kính phục. Ka-pa (Kappa), quan thủ khổ của thân vương cũng theo chủ nhân làm đệ tử. Ấn sĩ Tú Phát cùng môn đệ vào Hy-mã-lạp sơn khổ tu tám tháng. Khi mùa mưa đến, họ cùng nhau về thành Ba-la-nại khát thực những vật dụng cần thiết như muối, dấm v.v... Quốc vương rất vui mừng đón tiếp ấn sĩ, chấp thuận phái đoàn lưu trú tại hoa viên hoàng cung qua bốn tháng mưa, và nhà vua hứa sáng tối nào cũng đích thân đến thăm an, chăm sóc ấn sĩ.

Nhóm môn đệ tam trú được vài hôm thì cảm thấy khó chịu, rầy rứt trong lòng vì những tiếng ngựa hí, voi gầm. Họ đến thưa với Đạo sư Tú Phát:

- Bạch Thầy, phiền quá! Chúng con phải đi nơi khác mới an định được thân tâm.

- Đi đâu bây giờ, quý huynh đệ?

- Trở lại vùng Hy-mã-lạp sơn, bạch Thầy.

- Đâu được! Quốc vương đã hứa cho chúng ta an trú tại đây qua hết mùa mưa. Nửa chừng bỏ đi khó coi lắm!

- Nhưng chúng con không thể lưu trú lâu hơn nữa, bạch Thầy! Chúng con sẽ chọn một nơi gần đây để tiện việc liên hệ với Thầy.

Họ đánh lễ và tạm biệt Đạo sư, chỉ còn Ka-pa ở lại chăm sóc và thân cận với Thầy.

Sáng hôm sau quốc vương đến thăm an Đạo sư, không thấy các ấn sĩ, bèn hỏi:

- Ủa!... Môn đồ đi đâu hết rồi?

- Họ nói ở đây bất an quá nên họ đã về lại vùng Hy-mã-lạp sơn rồi, tâu đại vương.

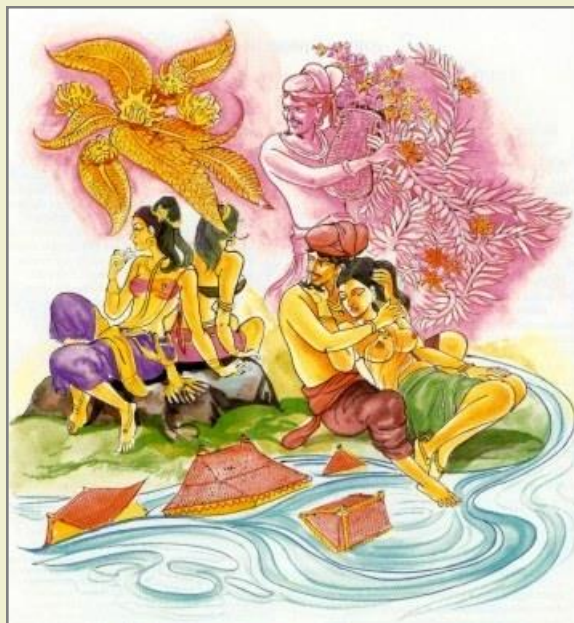
Ít lâu sau, Ka-pa cũng nản lòng, và mặc dù Đạo sư Tú Phát hết lời thuyết phục môn đệ mình đừng bỏ đi, nhưng cậu vẫn nằng nặc xin tạm biệt Thầy, trở về núi rừng với huynh đệ khổ hạnh.

Đạo sư Tú Phát cứ bận tâm về cách sinh hoạt và nếp khổ luyện của nhóm môn sinh mà đâm ra xao xuyến, bức bách trong lòng. Quốc vương cho mời y sĩ đến chữa trị cho Đạo sư, nhưng bệnh trạng không mấy khả quan. Cuối cùng, Tú Phát gặp quốc vương, tha thiết tâu rằng:

- Tâu đại vương! Đại vương muốn bản đạo chúng được khỏe mạnh lắm phải không?

- Đúng thế, Đạo sư! Giá mà ta có phép màu kỳ diệu thì ta khỏi phục sức lực cho Đạo sư ngay giờ phút này.

- Đa tạ đại vương. Nếu đại vương muốn bản đạo được thân tâm an lạc, bình tĩnh tiêu trừ thì cho bản đạo về lại núi rừng, công phu tu tập với môn đệ của bản đạo.



- Tốt lắm, Đạo sư!

Quốc vương truyền bốn cận thần, do Na-ra-đa (Narada) chỉ đạo, khiêng Tú Phát đến gặp đỡ chúng và để tâm theo dõi bệnh tình của ấn sĩ.

Được tin Đạo sư sắp về, Ka-pa liền thông báo cho tất cả huynh đệ đều biết. Họ cùng nhau hân hoan đến đánh lễ, thăm an, và dâng nhiều loại hoa quả đặc biệt cho Đạo sư. Ngay lúc đó, ngay lúc thâm tình sư đệ được chan hòa theo ánh mắt nụ cười, theo tâm tự nguyện vọng của những người viên ly thế nghiệp, tịch tịnh tâm hồn thì Đạo sư Tú Phát khỏe mạnh lại ngay: đầu óc linh hoạt, da dẻ như vàng ròng.

Sau đó quốc vương cứ thắc mắc:

- Ta ưu ái phái đoàn ấn sĩ như thế mà họ vẫn ra đi, vẫn nghi ngờ thiên chi của ta. Làm sao ta chiếm được niềm tin yêu của họ. Chỉ còn cách duy nhất là có được một ái nữ thuộc dòng tộc Đức Thế Tôn, và như vậy thì họ sẽ coi ta là bà con quyến thuộc với đấng Đại Giác. Quốc vương liền truyền lệnh gọi văn thư đến hoàng tộc Thích Ca (Sakyas) với nội dung cầu hôn một nương tử xinh đẹp. Nhà vua còn phái sứ thần tìm hiểu tiểu nường kia thuộc dòng công khanh nào.

Hoàng tộc Thích Ca nhóm họp, xem xét vấn đề và nhận định rằng:

- Tên hôn quân bạo chúa đó là kẻ thù không đội trời chung của chúng ta. Nếu từ chối yêu sách, hẳn sẽ có cơ cất binh tàn sát hoàng triều. Và lại hẳn đâu ngang hàng đẳng cấp với vương tộc nhà mình, biết làm sao đây!

Hoàng thân Đại Danh (Mahānāma) tự nguyện đứng ra tháo gỡ rắc rối:

- Ta có một thiếu nữ đang độ đương thì, cực kỳ xinh đẹp, tên là Va-xa-ba-kha-ti-da (Vāsabhakhattiyā), con gái đầu lòng của một tiện nữ nô lệ khỏe mạnh, tháo vác. Chúng ta đem nộp cho hắn.



Sau đó thân vương đón tiếp phái đoàn sứ giả, trình trọng thưa rằng:

- Hy hữu thay! Tiểu quốc chúng tôi được diễm phúc kết thân với quý quốc, được vinh dự dâng cho đại vương một công nương tu lệ, đa tài.

- Tên gì?... Con ai?... Trưởng đoàn sứ giả hỏi với giọng đầy quyền uy, thế lực.

- Dạ thưa... tôn nữ cách cách của hoàng thân Đại Danh, huynh đệ của Đức Thế Tôn đấy ạ! Nàng đa tài, xinh đẹp và rất có hiểu với hoàng thân quốc thích.

- Như vậy thì tốt lắm!

Sau đó phái đoàn sứ giả cung tay cáo từ, trở về hoàng cung tâu lại mọi việc với quốc vương.

Được tin sảng khoái, quốc vương liền ra khẩu dụ đem kiệu xe rước công nương về hoàng triều cho người gặp. Nhưng đám trung thần của quốc vương lắm mưu nhiều kế, bán tín bán nghi; sợ hoàng tộc Thích Ca chơi trò tráo trở, đem nộp ả dân đen tiện tỳ nào đó thì nguy! Họ bàn với quốc vương gửi văn thư yêu cầu hoàng thân Đại Danh cùng ăn chung bàn với công nương. Đại Danh chấp thuận, cho người trang điểm tiểu thư xiêm y rực rỡ, dung mạo diễm kiều, rồi đưa nàng đến quan phủ cùng dự yến tiệc; và sau đó trao tiểu nương cho sứ giả. Nàng được đưa về Xá-vệ và được quốc vương hết lòng yêu quý, phong làm hoàng hậu, cai quản 500 cung phi, mỹ nữ.

Một năm sau, hoàng hậu hạ sanh được một hoàng tử, trông

khô ngô tú dị, toàn thân lấp lánh như ánh vàng ròng. Quốc vương vô cùng hưng phấn, truyền lệnh thái giám báo tin cho thái hậu biết là hoàng hậu, công nương của hoàng thân Đại Danh thuộc hoàng phái Thích Ca đã sanh được một hoàng tử, và thỉnh thái hậu đặt quý danh cho cháu. Thái hậu được tin, lòng lâng lâng cảm kích, thầm nghĩ hoàng hậu là người đoan trang thủy mị, trung hậu đảm đang, được thần dân tôn vinh mến phục; nay lại sanh cho quốc vương một hoàng tử kỳ vĩ, hẳn là được quốc vương sủng ái tuyệt đối, vậy ta nên đặt tên cháu là Va-la-ba (Vallabà), có nghĩa là tôn quý; nhưng thái giám đã trọng tuổi, hơi nặng tai, nghe nhầm ra Vi-đư-đa-ba (Vidudabha), và tâu với quốc vương rằng thái hậu rất tâm đắc với danh xưng này. Thoạt đầu quốc vương lấy làm lạ, vì húy danh chả có ý nghĩa gì cả. Tên hoàng tử là đại diện cho sơn hà xã tắc mai sau, vậy mà nghe ra rất ngớ ngẩn; hay biết đâu đó là vương hiệu xa xưa của hoàng triều, quốc vương đành phải âm thầm chấp thuận. Thế là hoàng tử được vinh hạnh mang tên Vi-đư-đa-ba, và được phong chức tổng lãnh binh khi còn là một cậu bé. Quốc vương tin rằng vai trò của Vi-đư-đa-ba ở hoàng triều hẳn là đẹp lòng Đạo sư lắm.

Vi-đư-đa-ba trưởng thành trong nhung lụa và quyền lực. Khi lên bảy tuổi, thấy các công tôn khác được ông ngoại cho nhiều trò chơi trẻ em như ngựa, voi, lạc

đà, khí, gấu v.v..., hoàng tử lên tiếng hỏi mẹ:

- Mẫu hậu ơi, các công tử kia được ông ngoại cho nhiều quà đẹp quá! Con không có gì cả! Mẫu hậu không có cha mẹ sao? Con không có ông bà ngoại sao?

- Con yêu quý của mẹ, ông bà ngoại của con là hoàng thân dòng Thích Ca, ở cách đây xa lắm, nên không tiện gửi quà cho con.

Đến năm mười sáu tuổi, hoàng tử lại hỏi:

- Thưa mẫu hậu, con muốn về quê ngoại thăm ông bà và gia phong mẫu hậu.

- Nay, con yêu quý của mẹ, con còn nhỏ, phần đường xá xa xôi hiểm trở, đi lại bất tiện lắm. Con nên nỗ lực luyện văn múa võ, cưỡi ngựa bắn cung cho thật giỏi để mai sau thay phụ hoàng mà giữ gìn xã tắc, nghe con!

Không hài lòng với những lời tâm huyết của mẹ, hoàng tử vẫn khẳng khái đòi về thăm quê ngoại. Cuối cùng mẫu hậu chấp thuận lời đề nghị của con. Chàng báo tin cho phụ hoàng và lên đường với một đám tùy tùng hùng hậu. Va-xa-ba-kha-ti-da liền gửi mật thư báo cho hoàng thân biết trước mọi việc, và vương triều Thích Ca cố tình đưa đám công tôn trai trẻ về thôn làng nghỉ mát. Do đó, khi Vi-đư-đa-ba đến thành Ca-tỳ-la (Kapilavastu), họ tập trung tại hoàng cung khách đường và hoàng tử được tiếp đón tại đó. Họ nói:

- Hoàng tử, đây là linh tôn, đây là lão bá bá, đây là lão đại thúc... của hoàng tử.

Chàng phải đi giáp vòng, thi lễ từng người nhưng không một ai đáp lễ lại. Thấy bị xúc phạm, chàng nghiêm giọng hỏi:

- Tại sao không ai đáp lễ ta?

Nhóm hoàng tộc đáp:

- Hoàng tử, các công tôn trai trẻ như hoàng tử đã đi nghỉ mát hết rồi.

Tuy nhiên, chàng vẫn được tiếp đón trọng hậu. Và sau vài hôm, chàng cáo từ ra về với phái đoàn.

Bấy giờ có một phụ nữ nô lệ đem sữa và nước ra rửa chỗ ngồi của Vi-đư-đa-ba với một tay che mũi, tỏ vẻ khinh khi, gớm ghiếc và nói:

- Đây là chỗ ngồi của thằng con mụ nô lệ Va-xa-ba-kha-ti-da!

Ngay lúc đó, một cận thần trở lại lấy chiếc khăn để quên, thấy nghe mọi chuyện, và sau giây lát tìm hiểu mới nắm được ngọn nguồn của chốn bí sử thâm cung. Té ra mẫu hậu tôn quý kia đích thị là đứa con hoang của mụ

gia nô trong cung phủ của lão hoàng thân Đại Danh thuộc dòng tộc Thích Ca. Gã cận thân liền thông báo cho đoàn vệ binh biết, và thế là nô khí bốc lên ngàn ngút. Khi Vi-đù-đa-ba biết rõ sự thật đau lòng, chàng nắm tay đâm thẳng lên trời và lớn tiếng thề độc:

- Hôm nay dòng giống Thích Ca rửa chỗ ngôi của ta bằng sữa và nước, mai kia lên ngôi ta sẽ rửa chỗ đó bằng máu hòng của bọn chúng.

Khi phái đoàn sứ giả về tới Xá-vệ, họ tâu rõ mọi việc tai nghe mắt thấy với đại vương. Nhà vua vô cùng phẫn uất trước hành vi khinh suất, tráo trở của hoàng thân, và hạ lệnh truất phế tước hiệu hoàng hậu, đầy mẹ con xuống hàng nô lệ như xưa.

Vài hôm sau, quốc vương đến gặp Thế Tôn, thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn, ta rất đau lòng phải nói ra điều này. Hoàng tộc Thế Tôn vọng ngôn thất tín, lừa đảo gian manh, đã trao cho ta con gái của một tiện nữ nô lệ mà dám bảo là tôn nương cách cách của hoàng thân Đại Danh. Ta đã tước hết danh hiệu cao quý của hoàng triều ban tặng, đầy mẹ con hoàng hậu xuống hàng nô lệ cho phù hợp với triều cương quốc pháp.

- Tâu đại vương, như vậy thì e bất công, khe khẽ với hoàng tộc Thích Ca. Va-xa-ba-kha-ti-da được tôn phong cách cách tại tôn phủ của hoàng thân Đại Danh, thuộc dòng võ tướng, thế là con của hoàng thân. Còn Vi-đù-đa-ba là con của đại vương, là hoàng tử chánh hiệu; vậy thì gia phong mẫu hệ có dính dáng gì với tôn tộc đương triều.

Nghe lời biện giải thâm trầm, hữu lý và nhân hậu của Thế Tôn, quốc vương an tâm, hoan hỷ, phục chức hoàng hậu và hoàng tử cho hai mẹ con.

Khi Vi-đù-đa-ba lên ngôi, thay thế phụ hoàng phát huy thế lực, tôn vương liền nghĩ đến cái nhục rửa ghế năm xưa mà nghiêng rằng tuyên bố:

- Ta sẽ tàn sát dòng tộc Thích Ca cho chúng biết thế nào là uy quyền và danh dự.

Quốc vương lên đường thân chinh với một đoàn quân hùng hậu: binh khí lấp lánh, giáp trụ oai hùng.

Sáng hôm đó, như thường lệ, Đức Thế Tôn thiền định trong tịnh thất, trái tâm từ bị quán chiếu thế gian, thấy dòng tộc Thích Ca sắp đến hạn tuyệt diệt. Động lòng bi mẫn, Ngài thầm nhủ:

- Ngươi khổn thay! Ta không thể không để tâm che chở thân tộc hoàng triều.

Và sau một vòng thiền hành, khát thực, Thế Tôn trở về tịnh thất với tâm tư hóa giải hận thù. Đêm đó, bằng thần lực nhiệm mầu, Ngài đến sát biên giới giữa thành Ca-tỳ-la và vương quốc của Vi-đù-đa-ba, thiền định dưới một tàng cây nho nhỏ.

Trưa hôm sau, trên đường phục thù rửa hận, Vi-đù-đa-ba chợt thấy Đức Thế Tôn đang nhập định sừng sững như núi Tu-di dưới tàng cây thưa lá. Động lòng kinh ngạc, nhà vua cung kính đánh lễ đấng Đại Giác, và nói:

- Bạch Thế Tôn, sao Thế Tôn không thiền định hay nghỉ mát dưới tàng cây đa cổ thụ bên vương quốc của trẫm? Ở đây nóng bức quá!

- Cảm ơn đại vương quan tâm! Bóng râm dòng tộc của ta đủ che mắt cho ta rồi!

Ngẫm hiểu Thế Tôn hẳn đã đến với mục đích bảo bọc thân tộc hoàng triều, Vi-đù-đa-ba ngỏ lời tạm biệt Ngài và lui binh về Xá-vệ. Sau đó Thế Tôn cũng về lại Trúc Lâm.

Nhưng mỗi hạn truyền kiếp với dòng tộc Thích Ca cứ rày rút tâm can, làng vàng trong đầu, khiến quốc vương phải cất binh rửa nhục lần thứ hai. Lần này cũng thấy Thế Tôn uy nghi bắt động dưới tàng cây như lần trước, và Vi-đù-đa-ba lại phải quay về. Lần thứ ba cũng thế. Đến lần thứ tư, thấy ác nghiệp của dòng tộc Thích Ca quá đời sâu dày, đã một thời đổ thuốc độc xuống sông vì tranh nhau ngọn nước vào ruộng, tưới tắm hoa màu, Thế Tôn đành phải im lặng, để cho oan khiên ác trực vận hành theo duyên nghiệp của nó.

Vi-đù-đa-ba tiến quân với quyết tâm tàn sát dòng tộc Thích Ca. Và lạ thay, dòng tộc của đấng Đại Giác Thế Tôn sẵn sàng thuận theo số kiếp điều tàn, mặc dù họ được coi là những binh sĩ dạn dày sương gió, kinh nghiệm chiến trường, múa kiếm bắn cung cực kỳ điêu luyện. Họ đã bị quân lính của Vi-đù-đa-ba tàn sát đến từng em bé còn nằm nôi hay đang ngậm vú mẹ, chỉ tha mạng cho những ai thuộc tôn phủ hoàng thân Đại Danh. Thế là quốc vương Vi-đù-đa-ba đã trừ được mọi hận năm xưa, đã rửa sạch chỗ ngồi của mình bằng máu huyết của quân



khinh bạc. Dòng tộc Thích Ca bị tru diệt đến tận gốc.

Hoàng thân Đại Danh được quốc vương Vi-đù-đa-ba, cháu ngoại, cung kính đưa về hoàng triều, tiếp đãi nồng hậu. Tới bữa điểm tâm, hoàng thân tự nghĩ:

- Thế nào ta cũng sẽ được mời ăn sáng với hân. Bá quan văn võ hoàng triều thà tán thân thất mạng chứ quyết không ăn chung bàn với con bọn nô lệ.

Thấy ngoài vườn thượng uyển có một hồ sen nên thơ, hoa lá đông đưa, hương thơm ngào ngạt, hoàng thân ngó ý:

- Quốc vương, ta muốn ra bờ hồ dạo mát một chút.

- Hoàng thân tự nhiên, giang sơn này vĩnh viễn là xã tắc của hậu duệ hoàng thân. Mong hoàng thân an tâm, thoải mái, và hãy quên đi những ấn tượng không vui.

Nhìn dòng nước trong xanh với từng đàn cá tung tăng bơi lội, Đại Danh trầm ngâm suy nghĩ:

- Nếu từ chối ăn sáng, sẽ bị hân giết liền. Nếu chung mâm cùng bàn, thì còn gì là tông phong đấng cấp. Có á... cho ta theo các người thôi!

Đại Danh xoa tóc, bện thành hai lọn, buộc vào hai ngón chân cái, rồi lặng lẽ lao nhẹ xuống hồ.

Một hôm, trên bước đường thân chinh dẹp loạn, Vi-đù-đa-ba cùng binh đoàn dừng trại nghỉ đêm trên bờ sông A-chi-ra-va-ti (Aciravati). Một số quân sĩ ngủ trên nền cát mịn giữa lòng sông khô cạn, số còn lại nằm trên bờ đất gồ ghề. Nửa đêm, số nằm trên bờ thức dậy, bảo kiến ra nhiều quả, cắn, đốt không ngủ được. Thế là họ đổi chỗ, xuống ngủ dưới lòng sông, còn nhóm kia lên nằm trên bờ. Bấy giờ ở thượng nguồn có cơn giông tố nổi lên,



Bimbisara with Lord Buddha

The Story of Vitatubha Verses 47 - Dhammapada

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verse (47) of this book, with reference to Vitatubha, son of King Pasenadi of Kosala.

King Pasenadi of Kosala, wishing to marry into the clan of the Sakyans, sent some emissaries to Kapilavatthu with a request for the hand of one of the Sakyan princesses. Not wishing to offend King Pasenadi, the Sakyan princes replied that they would comply with his request, but instead of a Sakyan princess they sent a

very beautiful girl born of King Mahanama and a slave woman. King Pasenadi made that girl one of his chief queens and subsequently she gave birth to a son. This son was named Vitatubha. When the prince was sixteen years old, he was sent on a visit to King Mahanama and the Sakyan princes. There he was received with some hospitality, but all the Sakyan princes who were younger than Vitatubha had been sent away to a village, so that they would not have to pay respect to Vitatubha. After staying a few days in Kapilavatthu, Vitatubha and his company left for home. Soon after they left, a slave girl was washing with milk the place where Vitatubha had sat; she was also cursing him, shouting, "This is the place where that son of a slave woman had sat". At that moment, a member of Vitatubha's entourage returned to fetch something which he had left at the place and heard what the slave girl said. The slave girl also told him that Vitatubha's mother, Vasabhakhattiya, was the daughter of a slave girl belonging to Mahanama.

When Vitatubha was told about the above incident, he became wild with rage and declared that one day he would wipe out the whole clan of the Sakyans. True to his word, when Vitatubha became king, he marched on the Sakyan clan and massacred them all, with the exception of a few who were with Mahanama and some others. On their way home, Vitatubha and his army encamped on the sandbank in the river Aciravati. As heavy rain fell in the upper parts of the country on that very night, the river swelled and rushed down with great force carrying away Vitatubha and his army into the ocean.

On hearing about these two tragic incidents, the Buddha explained to the Bhikkhus that his relatives, the Sakyan princes, had in one of their previous existences, put poison into the river killing the fishes. It was as a result of that particular action that the Sakyan princes had to die en masse. Then, referring to the incident about Vitatubha and his army, the Buddha said, "As a great flood sweeps away all the villagers in a sleeping village, so also, Death carries away all the creatures hankering after sensual pleasures."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 47.

Like one who picks and chooses flowers,
a man who has his mind attached to sensual pleasures
is carried away by Death,
just as a great flood sweeps away a sleeping village.

mưa tuôn như thác đổ, nước theo sông cuộn cuộn xuôi dòng, cuộn phẳng mọi thứ, và số binh sĩ nằm giữa lòng sông kia đều bị nước lôi ra biển, làm mối cho các loại kinh ngư; chỉ số nằm trên bờ thì an toàn, hủ vía.

Dân chúng thấy thế bàn tán xôn xao, cho rằng chính bọn ác ôn man dã kia đã tàn sát dòng tộc Thích Ca nên nay bị trời tru đất diệt, trả lại công bình cho bá tánh lương dân. Môn đồ của đấng Đại Giác Thế Tôn cũng hơi nóng mủi, lên tiếng rì rào sau thời tịnh niệm:

- Quý huynh đệ thấy đây, oan oan tương báo, nghiệp chướng khôn cùng. Đứng là sinh sự sự sinh ngày nào dứt, hại người người hại thuở nào nguôi.

Nghe các sư nhỏ to nhận định trong chánh điện, Đức Thế Tôn bước vào, ngồi giữa đại chúng, tươi cười, hỏi:

- Chà! Các thầy có gì mà bàn luận ra vẻ cần mật thể?

- Bạch Thế Tôn, vụ tàn sát dòng tộc Thích Ca năm xưa và cảnh lũ lụt khủng khiếp vừa qua phải chăng là oan gia tụ hội, nghiệp báo khó lường!

- Nay các thầy Tỳ-kheo - Đức Thế Tôn thấp giọng nói - nhân quả như bóng với hình. Cho dù những ai kia có thành đạt mục tiêu hay an tâm mãn nguyện cỡ nào thì cũng khó mà thoát khỏi cơn lũ lụt khủng khiếp tràn qua ngôi làng đang thiếp ngủ, tử thần hắt loi họ ra khơi và dìm họ xuống tận biển sâu đau khổ.

Ngài đọc kệ:

*Người hái hoa dục lạc,
Tâm tham nhiễm say sưa,
Tử thần sẽ kéo bừa,
Như lụt cuốn làng ngủ.
(PC. 47)*

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.

Lang thang “Trong Những Thoáng Chốc” với Nhà văn Vĩnh Hào

HUỲNH KIM QUANG

Thế gian này thật là kỳ diệu. Có những thứ rất nhỏ bé, rất mong manh mà chúng ta thường không để ý đến, hoặc tưởng là không quan trọng, không vĩ đại, nhưng chính cái nhỏ bé, mong manh ấy mới là nguồn cội của tất cả mọi thứ.

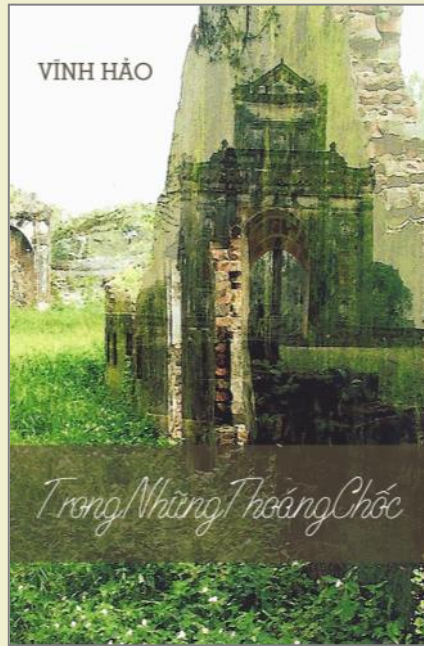
Chẳng phải thế sao? Ngọn núi cao như Hy Mã Lạp Sơn cũng từ một hạt bụi mà thành. Đại dương mênh mông như Biển Thái Bình cũng do từng giọt nước mà có. Cây đại thụ cao hàng chục thước cũng vươn lên từ một mầm non bé nhỏ. Tuổi thọ hàng tỉ năm của vũ trụ cũng bắt đầu từ thoáng chốc mong manh của từng sát na thời gian.

Bởi vậy, trong Kinh Du Hành của Trưởng A Hàm, đức Phật dạy Tôn Giả A Nan rằng, “*Như Lai có thể biết rõ sự sanh khởi, tồn tại và biến mất của thọ; biết rõ sự sanh khởi, tồn tại và biến mất của tưởng; sự sanh khởi, tồn tại và biến mất của quán. Đó mới thật là pháp kỳ diệu chưa từng có của Như Lai, người nên ghi nhớ.*” (Thích Tuệ Sỹ dịch)

Thì ra là thế. Không phải sự thi triển thần thông diệu dụng biến hóa vô lường, biến mất ở quốc độ này, xuất hiện ở cõi nước kia, hay trong khoảnh khắc co duỗi của cánh tay có thể dạo đi trong vô lượng thế giới, là điều vĩ đại. Mà biết rõ từng thoáng chốc sinh, trụ, và diệt của từng cảm thọ, từng ý tưởng mới là điều kỳ diệu.

Nhà văn Vĩnh Hào mô tả cho chúng ta biết cảm nghiệm về điều này trong bài viết chủ đề của cuốn tùy bút và tạp ghi “Trong Những Thoáng Chốc” vừa mới xuất bản tại California, Hoa Kỳ, vào đầu năm 2014, như sau:

“*Có những thoáng chốc trên đời thật đẹp, khi người ta ngưng hết những lăng xăng, toan tính, buông xả tất cả những giận hờn, oán trách, thị phi..., khi người ta ôm chặt người thân bằng vòng tay*



tràn ngập thương yêu. Là phút tạm biệt hay vĩnh biệt, nào ai biết được. Đôi mắt như hai giọt nước, cô đọng tất cả tinh anh của một kiếp người. Vẻ đẹp trắng lè huyền ảo của con người, của cuộc đời dường như chỉ sáng lên trong niềm cô tịch. Nó thật là mong manh, thoáng chốc, nhưng đọng lại cả thiên thu.”

Khi con người lăng xăng, toan tính, giận hờn, oán trách, thị phi... là lúc họ chạy theo, hay nói đúng hơn là bị quá khứ và vị lai thúc bách phải chạy tới chạy lui trong cái vòng tâm thức đảo điên. Họ nhớ đến những điều không xứng ý, những việc bất mãn, những lời chê trách mỉa mai của ai đó trong ngày hôm qua, trong buổi sáng vừa đi qua hôm nay. Rồi họ nghĩ tới danh dự, phẩm chất, tư cách, nhân cách của họ sẽ bị tổn thương trong những ngày sắp tới bởi những điều như thế. Họ hoàn toàn không để ý gì đến cái thoáng chốc không quá khứ,

không vị lai, không dừng trụ ở hiện tại đang có mặt ngay tức thì, ngay trong sát na mong manh nhất của giòng thời gian sinh diệt không ngừng. Tâm của họ bận rộn với chuyện đã qua, với những điều sắp tới. Con người họ bị thiếu đốt trên đồng lửa tham lam, sân hận và si mê. Thế giới quanh họ chỉ toàn là môi trường bất an, khổ não. Ai chung quanh họ cũng đều là những người phải đáng đề phòng, nghi ngại, xa lạ.

“*Mỗi phận người trong giòng sông đời cũng thế. Trôi lăn. Bươn bả.*” (Vĩnh Hào, “Trong Những Thoáng Chốc”) Cuộc đời trôi đi như thế thì còn phút giây nào, còn tâm trạng nào để chiêm nghiệm vẻ đẹp nhiệm mầu trong những thoáng chốc!

“*Mạnh dạn lên đường sá gì những chông gai*

Ơi người viễn hành lang thang cô độc”

Chỉ khi nào con người dám trở thành gã “*viễn hành lang thang cô độc*” thì hẳn mới có thể chiêm quan được thoáng chốc kỳ diệu của cuộc sống này. Cô độc ở đây là cô độc thật sự, cô độc tận cùng trong chính cõi tâm sâu thẳm, không bị vướng quá khứ, không bị lôi kéo theo tương lai, không bị buộc vào bất cứ điều gì.

“*Khi chân trần chạm đến chóp đỉnh tịch liêu hiu hắt nhất, người sẽ nhìn ra tất cả những gì kiếm tìm.*” (Vĩnh Hào, “Trong Những Thoáng Chốc”)

Kiểm tìm gì, trong khi “*Sinh ra, tồn tại, suy biến và hoại diệt trong từng thoáng chốc. Thế gian được thấy như thế?*” (Vĩnh Hào, “Trong Những Thoáng Chốc”)

Thật ra kiểm tìm mà chẳng tìm kiếm gì cả, bởi vì không có gì tồn tại thực sự trong sát na thứ hai, trong thoáng chốc đã qua. “*Chẳng có gì được hay mất trong những xô xính mộng huyền chiêm bao.*” (Vĩnh Hào, “Trong Những Thoáng Chốc”)

Cuộc đời chỉ là chiêm bao! Có

chẳng là những thoáng chốc mong manh hư ảo.

Đọc "*Trong Những Thoáng Chốc*," người đọc không chỉ thưởng thức được những áng văn chương đặc sắc qua tài nghệ điêu luyện của nhà văn Vĩnh Hào, mà còn chiêm quan được vẻ đẹp tuyệt vời của cuộc đời trong những thoáng chốc màu nhiệm có mặt khắp nơi trong chính cuộc đời mình mà chúng ta đã vô tình hững hờ bỏ mất.

"*Trong Những Thoáng Chốc*" của nhà văn Vĩnh Hào gồm gần 60 bài tùy bút và tạp ghi về những cảm nghiệm đối với từng "thoáng chốc" đi qua trong cuộc đời của tác giả trong đoạn đường đời mười bốn năm.

Được biết, nhà văn Vĩnh Hào đã từng xuất bản nhiều tác phẩm gồm, "*Mẹ, Quê Hương Và Nước Mắt*" (tập truyện, 1989), "*Núi Xanh Mây Hồng*" (truyện ngắn, 1991), "*Biển Đời Muôn Thuở*" (tập truyện, 1992), "*Thiên Thần Quét Lá*" (tập truyện, 1993), "*Phương Trời Cao Rộng*" (truyện dài, 1993), "*Sân Trước Cành Mai*" (tâm bút, 1994), "*Bụi Đường*" (truyện dài, 1995), "*Ngõ Thoắt*" (truyện dài, 1996), "*Chanh Lòng Tiếng Thơ Rơi*" (tập thơ, 1996), "*Cõi Trói I & II*" (truyện dài, 1997), "*Cơn Đường Ngược Dòng*" (tâm bút, 1998), "*Giấc Mơ Và Huyền Thoại*" (tập truyện, 2001), "*Trong Những Thoáng Chốc*" (tùy

bút & tạp ghi, 2014).

Tác phẩm "*Trong Những Thoáng Chốc*" dày 350 trang in bìa màu trang nhã và bằng loại giấy in sách Mỹ thật đẹp. Tác phẩm được in bởi công ty phát hành sách lớn nhất thế giới Amazon qua chương trình "Print on demand" (POD). Giá bán 25 USD. Độc giả có thể liên lạc với tác giả Vĩnh Hào ở hộp thư: P.O. Box 849 Midway City, CA 92655, USA hay qua email: vinhhao@vinhhao.info, hoặc vào thăm trang nhà vinhhao.info.

Huỳnh Kim Quang

LỤC BA LA MẬT

(Cảm tác theo giáo pháp đạo Phật)

1 - BỒ THÍ

*Bồ thí chúng sanh nơi thế gian
Biển khổ trầm luân bao oán than.
Nhân quả nhiều đời nên trả dứt!
Nghiep lành hạnh phúc mãi an khang.*

2 - TRÌ GIỚI

*Trì giới nghiêm minh để tiến tu
Không tham dục lạc cõi âm u.
Tu hành nguyện giữ tâm thanh tịnh
Đạo quả viên thành thoát cõi mù!*

3 - NHÃN NHỤC

*Nhẫn nhục quên mình chẳng chấp chi!
Lời chê ác cảm gió bay đi...
Giữ tâm thanh thản không phiền não!
Chánh pháp thực hành mãi nhớ ghi.*

4 - TINH TÂN

*Tinh tấn tu hành với quyết tâm
Hành trì giáo lý thật uyên thâm.
Không sao lãng việc thực hành pháp
Bồ thí pháp mẫu nơi tối tăm ..!*

thơ

**MINH LƯƠNG
TRƯỜNG MINH SUNG**



5 - THIỀN ĐỊNH

*Thiền định thật lâu rất nhiệm màu
Tâm không - rỗng lặng hết ưu sầu.
Chẳng còn tham ái nơi trần thế!
Tĩnh lặng hồ thu thấy đáy sâu.*

6 - TRÍ TUỆ

*Trí tuệ sáng ngời thật tuyệt vời!
Chân như Phật tánh khắp muôn nơi.
Cảnh trần ô trược tâm không nhiễm!
An lạc Niết Bàn cõi thánh thời.*

(*) Lục Ba La Mật là 6 đường giác ngộ của vị Bồ Tát

**LỄ HỘI PHẬT ĐẢN PL. 2558 DO GHPGVNTN HOA KỲ VÀ CỘNG ĐỒNG PGVN NAM CALIFORNIA
TỔ CHỨC TẠI THÀNH PHỐ WESTMINSTER, CALIFORNIA, NGÀY 3 & 4 THÁNG 5.2014**



Photos: Binh Sa

Giáo Hội PGVN Thống Nhất Hoa Kỳ và Cộng Đồng Phật Giáo Nam California Long trọng Tổ Chức Đại Lễ Phật Đản Quốc Tế PL. 2558

Garden Grove (Bình Sa) —Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, Cộng Đồng Phật Giáo Nam California đã long trọng Tổ Chức Đại Lễ Phật Đản Quốc Tế PL. 2558 vào các ngày Thứ Bảy 3 và Chủ Nhật 4 tháng 5 năm 2014 tại Trường Trung Học Bolsa Grande, chương trình bắt đầu vào lúc 8 giờ sáng Thứ Bảy ngày 3 tháng 5 năm 2014 với sự tham dự khoảng 300 Chư Tôn Giáo Phẩm, Chư Tôn Đức Tăng Ni Việt Nam, các nước bạn về từ khắp nơi trên thế giới, và các Tiểu Bang Hoa Kỳ cùng hàng ngàn đồng hương Phật tử.

Điều hợp chương trình Ni Sư Tiến Liên, Hoa Hậu Bích Liên, Tiến Sĩ Huỳnh Tấn Lê, Tiến Sĩ Nguyễn Hồng Dũng, Kỹ Sư Bùi Thế Phát.

Đúng vào lúc 8 giờ sáng Thứ Bảy, đoàn cung nghinh đã sắp thành hàng dài để cung nghinh Chư Tôn Giáo Phẩm, Chư Tôn Đức Tăng Ni quang lâm lễ đài, trong khi đó đồng hương Phật tử tập trung trước lễ đài cùng đứng lên niệm Phật để chào đón chư tôn Giáo Phẩm vào vị trí hành lễ, lúc 10 giờ sáng cử hành lễ cung nghinh Chư Tôn Giáo Phẩm, Chư Tôn Đức tăng lâm lễ đường để làm lễ cúng dường trai tăng và thọ trai, sau phần thọ trai là phần nghi lễ tụng kinh cầu nguyện theo nghi thức truyền thống Nam Tông, Bắc Tông.

Lễ chính thức được cử hành vào lúc 1:00 trưa với sự hiện diện của Chư Tôn Giáo Phẩm vì quá đông nên Ban tổ chức chỉ giới thiệu một số Chư Tôn Giáo Phẩm trong đó có: Hòa Thượng Thích Thắng Hoan, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, HT. Thích Chơn Thành, Phó Thượng Thủ, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Trên Thế Giới, HT. Thích Phước Thuận, Thành Viên Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTN/HK, HT. Thích Tín Nghĩa, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, HT. Thích Tấn Thiết, Quyền Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu, HT. Thích Nguyên Trí, Phó Chủ Tịch Nội Vụ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/HK; HT. Thích Nguyên An, Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ HĐĐH/GHPGVNTN/HK, Hòa Thượng Thích Minh Tuyên, Phó Chủ Tịch HĐĐH/GHPGVNTN/HK, Trưởng Ban Tổ Chức Đại Lễ Phật Đản 2014, HT. Thích Nguyên Siêu, Tổng Thư Ký GHPGVNTN/HK và đông đủ quý Chư Tôn Đức Tăng Ni trong Hội Đồng Hội Đồng Giáo Phẩm và Hội Đồng Điều Hành.

Nghi thức khai mạc với phần chào quốc kỳ Việt Nam Cộng Hòa, Hoa Kỳ, Phật Giáo Kỳ và phút nhập Từ Bi Quán.

Tiếp theo phần giới thiệu quan khách gồm có: Hội Đồng Liên Tôn Việt Nam tại Hoa Kỳ, Hiền Tài Phạm Văn Khảm và phái đoàn Châu Đạo Cao Đài Nam California, Giáo Sư Nguyễn Thanh Giàu, Hội Phật Giáo Hòa Hảo Nam California và phái đoàn. Về phía dân cử có Thượng Nghị Sĩ Tiểu Bang Lou Cor-

rea, Đại diện Dân Biểu Loretta Sanchez, Đại diện Giám Sát Viên Janet Nguyễn, Phó Biện Lý Quận Cam ông Jeff Ferguson, một số quý vị đại diện dân cử Liên Bang, Tiểu Bang, địa phương có Ông Tạ Đức Trí, Thị Trưởng Thành Phố Westminster; Ông Michael Võ, Thị Trưởng Thành Phố Fountain Valley, Phó Thị Trưởng Thành Phố Santa Ana, Luật Sư Dina Nguyễn Phó Thị Trưởng Thành Phố Garden Grove cùng các Nghị Viên Thành Phố: Diana Carey, Segio Contreras, Ady Quách, Chris Phan, ngoài ra còn có Bắc Sĩ Võ Đình Hữu, Chủ Tịch Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Hoa Kỳ, cựu Đại Tá Lê Khắc Lý, Quyền Chủ Cộng Lâm Thời Cộng Đồng Việt Nam, Nam California, Luật Sư Nguyễn Xuân Nghĩa, Chủ Tịch Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Nam California, cựu Đại Tá Phạm Văn Thuần, Cựu Đại Tá Lê Bá Khiếu, Tiến Sĩ Phạm Kim Long ứng cử viên Thượng Nghị Sĩ Tiểu Bang, Tiến Sĩ Đỗ Vinh, Kỹ Sư Bùi Thế Phát, ứng cử viên Nghị Viên Thành Phố Garden Grove, cựu Nghị Viên Diệt Miền Trường, ứng cử viên Nghị Viên Thành Phố Westminster, đến từ New York có Luật Sư Nguyễn Thanh Phong, Chủ Tịch Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia New York, Ông Nguyễn Văn Tấn, cựu Chủ Tịch Cộng Đồng và hiện là Trưởng Ban Tổ Chức Diễn Hành Văn Hóa Quốc Tế hằng năm tại Liên Hiệp Quốc... rất đông các cơ quan truyền thông tại Nam California.

Sau phần giới thiệu quan khách. Đạo Tràng Chùa Diệu Quang do Sư Trưởng Thích Nữ Diệu Từ hướng dẫn điều hợp một chương trình nhạc lễ khai mạc do Sư Trưởng sáng tác và đạo diễn với một nhạc cảnh mừng Đản Sinh thật ý nghĩa đã được đồng hương Phật tử hoan hô nhiệt liệt với những tràng pháo tay thật lớn.

Sau đó Hòa Thượng Thích Minh Tuyên, Trưởng Ban Tổ Chức Đại Lễ Phật Đản 2014 lên ngỏ lời chào mừng và cảm ơn sự hiện diện của Chư Tôn Giáo Phẩm, chư tôn đức Tăng Ni, quý vị quan khách, quý vị truyền thông quý vị đại diện các tôn giáo bạn, quý vị dân cử, quý đại diện Cộng Đồng, Đoàn Thể, Tổ Chức người Việt tị nạn Cộng Sản:

"Sự hiện diện quý báu của chư liệt vị không những là niềm khích lệ lớn lao cho Ban Tổ Chức mà còn nói lên tinh thần tương thân, tương kính – chất liệu nền tảng cho sự đoàn kết vững mạnh của toàn thể cộng đồng người Việt tị nạn cộng sản tại đất nước Hoa Kỳ." Hòa Thượng tiếp: "Cách nay 2638 năm, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã thị hiện ra đời trong thế giới này là để thực hiện bản nguyện cứu khổ chúng sinh. Vì vậy, sau khi giác ngộ dưới gốc cây Bồ Đề vào năm 35 tuổi, Ngài đã dành trọn 45 năm còn lại của cuộc đời bằng đôi chân trần đi khắp vùng châu thổ nam bắc Sông Hằng tại Ấn Độ, ban bố Chánh Pháp chuyển mê khai ngộ nhằm mục đích giải khổ quần sinh. Đời sống và lời dạy của Đức Phật chứa đựng ánh sáng trí tuệ giác ngộ siêu việt đối với

thực tại đời sống, và lòng từ bi bao la vô hạn của Ngài trang trải bình đẳng cho tất cả muôn loài chúng sinh. Để góp phần xây dựng cuộc sống hòa bình và giải thoát cho con người và xã hội, Đức Phật thường xuyên nhắc nhở hàng đệ tử rằng, "Trên thế gian này không phải thù hận trừ được hận thù, mà chỉ có lòng từ bi mới chuyển hóa được thù hận." Đức Phật cũng gửi thông điệp rõ ràng đến xã hội loài người rằng, "Không có giai cấp trong giọt máu cùng đỏ, trong giọt nước mắt cùng mặn." Tình thần từ bi, hòa bình và bất bạo động mà Đức Phật truyền bá ngày nay đã trở thành di sản tinh thần phổ quát của toàn nhân loại. Cũng như thiên định mà Đức Phật thực nghiệm đã trở thành liệu pháp chính thức trong y học hiện đại.

Thừa hưởng di sản tinh thần cao quý ấy từ Đức Phật, Phật Giáo Việt Nam suốt hai ngàn năm qua đã không ngừng góp phần xứng đáng cho công cuộc kiến tạo và giữ gìn nền tự do, dân chủ và độc lập cho dân tộc và nước nhà. Đau lòng thay, dù chiến tranh đã kết thúc 39 năm, nhưng Việt Nam vẫn chưa có hòa bình và độc lập thực sự. Người dân Việt trong nước vẫn còn bị độc đảng cai trị với nạn cường hào ác bá và tham nhũng lan tràn, thay vì một chế độ dân chủ pháp trị hợp lòng dân. Lãnh thổ và lãnh hải của Việt Nam một phần đã bị ngoại bang cưỡng đoạt, phần còn lại trong nguy cơ bị xâm lược. Trong không khí tưởng niệm 39 năm ngày 30 tháng 4, xin tất cả chúng ta cùng nhất tâm cầu nguyện cho dân tộc Việt Nam sớm có tự do, dân chủ, cho đất nước Việt Nam được toàn vẹn lãnh thổ, lãnh hải...."

Tiếp theo phần dâng hoa cúng phật của Gia Đình Phật tử Tuệ Đăng.

Sau phần dâng hoa cúng Phật là Thông điệp Phật Đản của Hòa Thượng Thích Thắng Hoan, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTN/HK trong đó có đoạn: "...Nhờ Đức Phật ra đời và khai mở con đường giác ngộ, giải thoát, mà suốt trên hai ngàn năm trăm năm qua đã có biết bao chúng sinh hữu duyên trong cõi Ta Bà này có thể sống cuộc đời an lạc và giải thoát cho đời này và đời sau. Ngày nay, lợi lạc của Phật Pháp đã được nhân loại chứng thực qua những công trình nghiên cứu khoa học nghiêm túc và giá trị trong các lãnh vực y khoa, tâm lý trị liệu, vật lý trị liệu, v.v... Đặc biệt, những đóng góp lớn lao của tinh thần từ bi, hòa bình và bất bạo động của Phật Giáo cho sự ổn định và hòa bình trên thế giới đã được Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc ca tụng và lập thành chính sách theo đuổi của tổ chức có tầm ảnh hưởng rộng lớn nhất trên hành tinh này.

Quả thật vậy, những ai thực hành đúng lời Phật dạy chắc chắn đem lại những thành quả cụ thể góp phần làm cho cuộc sống hòa bình, an lạc, hạnh phúc, và thăng tiến. Thực hành đúng lời Phật dạy cũng là phương thức thiết thực nhất để góp phần xây dựng hòa bình, an lạc và thịnh vượng cho cộng đồng xã hội. Cho nên, trong lịch sử nhân loại từ xưa tới nay, những vị minh quân Phật tử đều ứng dụng Giáo Pháp của Đức Phật vào việc trị quốc an dân để đem lại hòa bình và thịnh vượng cho đất nước, như Vua A Dục của Ấn Độ, Vua Lương Võ Đế của Trung Hoa, Thánh Đức Thái Tử của Nhật Bản, Vua Lý Thái Tổ, Vua Trần Thái Tông, Vua Trần Thánh Tông, Vua Trần Nhân Tông, Chúa Nguyễn Phúc Chu của Việt Nam, v.v..."

Tiếp theo Liên Khúc Mừng Khánh Đản do các em Gia Đình Phật Tử thực hiện.

Sau đó là Pháp Từ của HT. Thích Tín Nghĩa,

Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ có đoạn HT. nói:

"Vi mục đích giải thoát sinh tử, đoạn tận khổ đau mà Đức Phật thị hiện nơi đời, cách nay 2638 năm về trước. Đức Phật đã trao gởi cho chúng ta một gia tài pháp bảo để lấy đó làm phương tiện tu hành mà thành đạo nghiệp. "Giáo pháp mà Đức Thế Tôn khéo giảng dạy và được truyền bá đầy đủ là để tự chứng ngộ, là giáo pháp có hiệu năng tức khắc, khuyến khích, suy gẫm, tìm tòi, dẫn đến Niết Bàn, để bậc Thiện trí am hiểu, mỗi người cho riêng mình. Hôm nay, GHPGVNTN Hoa Kỳ và Cộng Đồng Phật Giáo Nam Cali, thành kính tưởng niệm Ngày Đức Phật Đản Sinh, trong bầu không khí trang nghiêm, trọng thể, đã nói lên tinh thần tương kính, tương thuận mà chia sẻ Phật sự được tốt đẹp. Chúng tôi kỳ vọng và gởi gắm toàn tâm, toàn lực đến mỗi thành viên của Cộng đồng Tăng Già, luôn chung vai gánh vác trọng trách, mà lý tưởng của người tu Phật, đã tự nguyện dẫn thân, để cho Đạo Pháp ngày một xương minh, để cho đời người ngày một vui tươi, hạnh phúc. Cũng như những tấm lòng hộ pháp cao quý của hàng cư sĩ Phật tử, biết hy sinh cái riêng mình mà phụng sự cái chung của Phật Pháp. Được vậy, thì Đạo Pháp mới được trường tồn, chúng sanh mới an lạc. Là Phật tử chúng ta, người mở mắt tay để cho, chứ không phải là người nắm lòng tay để giữ. Trong Kinh Đại Niết Bàn, Đức Phật đã dạy: "Như Lai đã truyền dạy chân lý mà không có sự phân biệt nào giữa giáo lý bí truyền và giáo lý công truyền, bởi vì, khi đề cập đến chân lý, Như Lai không hề có bàn tay nắm lại của ông Thầy còn muốn giữ lại điều gì." Người học Phật, tu Phật phải khéo tự lắng lòng để nghe lời Phật dạy, mà áp dụng vào đời sống hàng ngày để có được niềm bình an, tịnh lạc..."

Tiếp theo là phần phát biểu và trao bằng tưởng lệ của quý vị dân cử địa phương đến Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và Ban Tổ Chức Đại Lễ Phật Đản 2014, trong lúc này quý vị dân cử cũng đã ca ngợi những đóng góp của cộng đồng Phật Giáo trong những sinh hoạt chung của xã hội.

Phần cuối buổi lễ là lời cảm tạ của HT. Thích Nguyên Trí, Phó Ban Tổ Chức Đại Lễ Phật Đản.

Chương trình tiếp nối với phần Đại Nhạc Hội Kính Mừng Phật Đản do một số anh chị em nghệ sĩ Nam California đóng góp.

Sáng Chủ Nhật ngày 4-5 năm 2014 lúc 10 giờ, một buổi lễ cầu nguyện và đặt vòng hoa tưởng niệm tại Tượng Đài Chiến Sĩ Việt Mỹ với sự hiện diện của quý vị lãnh đạo Giáo Hội và một số đồng hương Phật tử tham dự.

Lúc 4 giờ chiều phần phát 300 phần quà dành cho các em Thiếu Nhi, học sinh và Gia Đình Phật tử, sau đó là tặng 300 phần quà cho các vị cao niên, không khí thật vui khi thấy những cụ già trên chiếc xe lăn đã đến nhận những món quà từ tay của quý Sư Cô, Qúy Thầy và quý vị đại diện dân cử, hội đoàn, đoàn thể đích thân trao tặng.

Chương trình xen lẫn với phần văn nghệ và cuối cùng là lễ hội Hoa Đăng, 3000 ngọn nến được thắp sáng tâm linh để cầu nguyện cho thế giới hòa bình, chúng sinh an lạc. Đặc biệt cầu nguyện cho quê hương Việt Nam sớm có tự do, dân chủ, nhân quyền được tôn trọng, lãnh thổ, lãnh hải được vẹn toàn, các nhà đầu tranh trong nước sớm thoát khỏi cảnh lao tù dưới ách thống trị của tập đoàn cộng sản Việt Nam.